



TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LẠI
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

Thưa Quý Cổ đông!

Trước tiên, thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (DLG), tôi xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành đến Quý cổ đông và các nhà đầu tư đã tin nhiệm, đồng hành cùng chúng tôi trong suốt một năm qua!

Năm 2015 là năm kết thúc nhiệm kỳ Đại hội Đảng lần thứ XI. Cả nước đã đạt được những thành tựu quan trọng: Kinh tế vĩ mô tiếp tục tăng trưởng ổn định, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 6,68% so với năm 2014. Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao. Lạm phát được kiểm chế, lãi suất ngân hàng được điều chỉnh giảm. Thị trường bất động sản phục hồi. Về đối ngoại, nước ta ngày càng hội nhập sâu rộng vào đời sống chính trị kinh tế quốc tế, được đánh dấu bằng việc ký kết Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) vào ngày 04 tháng 02 năm 2016 vừa qua.

Tuy nhiên, kinh tế - xã hội năm 2015 diễn ra trong bối cảnh thị trường toàn cầu vẫn còn nhiều bất ổn, kinh tế thế giới vẫn đối mặt với nhiều rủi ro lớn với các nhân tố khó lường. Tình hình địa chính trị quốc tế diễn biến hết sức phức tạp: Khủng hoảng di cư tại các nước Châu Âu; tấn công khủng bố diễn ra nhiều nơi; thương mại toàn cầu sụt giảm; kinh tế thế giới chưa lấy lại được đà tăng trưởng và phục hồi chậm; giá dầu thô, giá vàng, Đô la Mỹ và thị trường chứng khoán liên tục biến động, suy giảm và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Việc phá giá đồng Nhân dân tệ và tăng trưởng sụt giảm của kinh tế Trung Quốc đã tác động mạnh tới kinh tế thế giới. Ở trong nước, giá cả bất ổn, nhất là giá dầu giảm gây áp lực đến việc điều hành và cân đối ngân sách Nhà nước

Thế nhưng, vượt qua tất cả, dưới sự chỉ đạo quyết liệt và hiệu quả của HĐQT DLG cùng với sự tin tưởng, song hành của Quý cổ đông, Nhà đầu tư cũng như sự đoàn kết, nhất trí của toàn thể CBNV, người lao động, Tập đoàn Đức Long Gia Lai không những đã đứng vững mà còn đạt được những thành tựu đáng ghi nhận: Kết thúc năm tài chính 2015, DLG đạt doanh thu 1.645 tỷ đồng, tăng 63,6 % so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận trước thuế đạt 82,8 tỷ đồng, tăng 57,4 % so với cùng kỳ năm 2014. Các ngành nghề chiến lược và cả các ngành nghề truyền thống có bước tăng trưởng vượt bậc, nhất là các ngành xây dựng cơ sở hạ tầng, năng lượng, linh kiện điện tử, sản xuất nông nghiệp, kinh doanh bến xe và bãi đỗ... Những dự án đầu tư đã hoàn thành đạt và vượt kế hoạch tiến độ đề ra, đặc biệt là Dự án BOT Gia Lai và Dự án BOT Đăk Nông đã hoàn thành việc thông tuyến sớm hơn 06 tháng so với tiến độ, đưa 04 trạm thu phí vào khai thác từ tháng 10/2015; động thổ Dự án Thủy điện Đăk Pô Kô; nắm giữ quyền điều hành Công ty Mass Noble của Mỹ có trụ sở tại New York, Văn phòng đại diện tại Hồng Kông và Nhà máy đóng tại thành phố Đông Quán, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc,... Tập đoàn đã tăng cường các nhân sự cấp cao chất lượng và chuyên nghiệp, cố vấn cho HĐQT và giúp cho công tác giám sát, phát hiện và xử lý có hiệu quả; quản trị doanh nghiệp chuyên nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế; việc làm và đời sống cán bộ công nhân viên ổn định...

Bước sang năm 2016, năm mở đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng, cũng là năm bản lề cho kế hoạch 5 năm phát triển KT-XH của đất nước giai đoạn 2016-2020, đây là thời điểm nước ta bước vào hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Việc tham gia Hiệp định TPP sẽ góp phần thúc đẩy hơn nữa đầu tư của Hoa Kỳ và các nước vào Việt Nam nhưng cũng không tránh khỏi những thách thức nhất định, đặc biệt là sức ép về mở cửa thị trường, cạnh tranh đối với các doanh nghiệp của Việt Nam vốn còn yếu, khả năng quản lý còn nhiều bất cập. Đây chính là yêu cầu cấp thiết đặt ra đối với mỗi doanh nghiệp của Việt Nam mà DLG cũng không phải là ngoại lệ.


Với phương châm hành động **“ĐỔI MỚI TƯ DUY - ĐỘT PHÁ HIỆU QUẢ - NẮNG ĐỘNG SÁNG TẠO - ĐOÀN KẾT PHÁT TRIỂN”** và với tinh thần: **“ĐỨC LONG - ĐI LÀ ĐẾN”**, DLG sẽ tiếp tục kiên định mục tiêu chiến lược giai đoạn 2015 - 2020, không ngừng tăng quy mô và hiệu quả hoạt động, đưa DLG trở thành một thương hiệu hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng, năng lượng, sản xuất linh kiện điện tử, bất động sản và nông nghiệp. HĐQT cam kết tập trung toàn bộ trí lực, vật lực chỉ đạo quyết liệt Ban Tổng Giám đốc thực hiện bằng được mục tiêu này; đồng thời sẽ làm bất cứ những gì tốt nhất, đem về quyền lợi cao nhất cho Quý cổ đông và nhà đầu tư.

Mong rằng, quý vị cổ đông, các đối tác cùng với toàn thể cán bộ công nhân viên đoàn kết, hết sức tin tưởng, ủng hộ HĐQT, Ban điều hành trên bước đường phát triển của DLG.

Sau một năm đầy thành công với những kết quả hết sức lạc quan, tôi xin gửi lời chân thành cảm ơn đến các thành viên HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát đã có những đóng góp thiết thực về chiến lược kinh doanh cũng như về quản trị doanh nghiệp; cảm ơn các đối tác và khách hàng đã đặt trọn niềm tin vào DLG; cảm ơn toàn thể CBCNV vì sự chuyên nghiệp, trung thành, cam kết đồng hành cùng Công ty và nhất là xin cảm ơn sự tín nhiệm và ủng hộ của Quý cổ đông. Chúng tôi cam kết sẽ thường xuyên thông tin đến quý vị cổ đông, nhà đầu tư và khách hàng một cách kịp thời, đầy đủ, công khai và minh bạch.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Pháp

TÂM NHÌN

“Trở thành tập đoàn đa ngành hàng đầu Việt Nam và khu vực
Đông Dương từ 2015-2019”

SỨ MỆNH

“Không ngừng sáng tạo và cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ, xây dựng hệ thống quản lý chuyên nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh, liên tục tăng trưởng bền vững để tối đa hóa giá trị cho cổ đông, khách hàng, đối tác cùng cán bộ công nhân viên.”

M Ụ C L Ụ C

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các yếu tố rủi ro

II. Tình hình hoạt động trong năm 2015

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- **Đổi mới tư duy**
- **Đột phá hiệu quả**
- **Năng động sáng tạo.**
- **Đoàn kết phát triển**

M U C L U C

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

IV. Báo cáo của Hội đồng Quản trị

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS

VI. Báo cáo tài chính



THÔNG TIN CHUNG



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5900415863
- Vốn điều lệ: 1.691.861.170.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.691.861.170.000 đồng
- Địa chỉ: Số 02, Đặng Trần Côn, P.Trà Bá, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Số điện thoại: (84-59) 3748367
- Số fax: (84-59) 3747366
- Website: www.duclonggroup.com.vn

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Năm 2015

DLG tăng vốn điều lệ lên 1.691.861.170.000 đồng sau khi thực hiện hoán đổi thành công 19.932.609 cổ phiếu cho các cổ đông của Công ty Mass Noble. Thông qua hoán đổi cổ phiếu, DLG chính thức đầu tư vào lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử.

Năm 2015

Thực hiện chiến lược tái cấu trúc mạnh mẽ, chú trọng phát triển trên 3 lĩnh vực trọng tâm: Nông nghiệp, năng lượng và cơ sở hạ tầng.

Trong năm 2015, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 697,4 tỷ đồng lên 1.492,5 tỷ đồng.

Tháng 06/2010

Tập đoàn Đức Long Gia Lai chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM (HOSE), mã chứng khoán DLG.

Tháng 03/2010

Niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai (Công ty thành viên) trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), mã chứng khoán DL1.

Tháng 6/2007

Thành lập Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và sau đó lần lượt thành lập 20 công ty thành viên, mở và liên kết thành lập 13 chi nhánh, cửa hàng trong và ngoài nước hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư đa ngành nghề.

Tháng 09/1995

Xí nghiệp Tư doanh Đức Long Gia Lai được thành lập với một ngành nghề là chế biến gỗ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Doanh nghiệp có số vốn ban đầu là 3,6 tỉ đồng và 9.700 m² đất và một dây chuyền chế biến gỗ thủ công, bán tự động.

Thành tích của Tập đoàn được Đảng và Nhà nước ghi nhận, trao tặng nhiều danh hiệu cao quý:

- 4 lần nhận giải “Sao vàng đất Việt” dành cho thương hiệu và sản phẩm đạt chất lượng cao.
- 3 lần nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ dành cho tập thể và cá nhân ông Bùi Pháp.

- 3 lần nhận Cờ thi đua của Chính phủ.
- Đạt Siêu cúp thương hiệu mạnh và phát triển bền vững, Cúp Sen vàng thương hiệu nổi tiếng Việt Nam và Quốc tế.

- Cá nhân ông Bùi Pháp được trao tặng Huân chương lao động hạng Ba; 2 lần nhận Danh hiệu Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu; Cúp Thánh Gióng và Biểu tượng Bạch Thái Bưởi-Doanh nhân đất Việt thế kỷ 21; 3 năm liền ông Bùi Pháp được bình chọn trong Top những người giàu nhất trên Sàn chứng khoán Việt Nam.

- Được trao tặng Huân chương lao động hạng Nhì, Ba cho Tập thể có thành tích xuất sắc.
- Bằng khen của Bộ Giao thông vận tải trao tặng CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

- Ngoài ra, Tập đoàn và cá nhân ông Bùi Pháp còn được trao tặng nhiều Bằng khen, Cúp, Cờ của các bộ, ngành, địa phương.



Các hoạt động hợp tác đầu tư

- Ngày 16/07/2015, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã chính thức trở thành chủ sở hữu mới của công ty Mass Noble Investment Limited (Mỹ), đồng nghĩa với việc danh chính ngôn thuận nắm quyền quản lý, điều hành và kinh doanh nhà máy ANSEN. Đích thân ông Chris Brown, Chủ tịch HĐQT công ty Mass Noble trao quyền sở hữu công ty cho DLG tại Lễ trao quyền sở hữu công ty Mass Noble và bàn giao nhà máy ANSEN. Hai bên đã đi đến thống nhất việc chuyển giao quyền điều hành chính thức hoàn tất, Đức Long Gia Lai có toàn quyền quyết định đối với việc kinh doanh của công ty Mass Noble và nhà máy ANSEN. Với giá trị tài sản, nguồn lao động hơn 3.000 nhân viên, tài chính sẵn có cùng với thị trường tiêu thụ ổn định và uy tín đã được khẳng định của Mass Noble, DLG đã có được bước hợp tác đầu tư khôn ngoan khi chi phí đầu tư thấp nhưng mang lại hiệu quả cao, ổn định.



- Ngày 28/06/2015, Tập đoàn Đức Long Gia Lai tổ chức Lễ thông tuyến dự án đường Hồ Chí Minh đoạn qua Gia Lai từ TP Pleiku (km 1610) đến cầu 110 (Km 1667+570), có tổng mức đầu tư gần 1.800 tỷ đồng, thuộc dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường Hồ Chí Minh qua địa bàn các tỉnh Tây Nguyên.



Hình ảnh lễ thông tuyến dự án đường Hồ Chí Minh đoạn qua Gia Lai từ TP Pleiku

- Ngày 29/6, Tập đoàn Đức Long - Gia Lai phối hợp với Bộ Giao thông Vận tải, UBND tỉnh Đắk Nông tổ chức Lễ phát lệnh thông xe dự án đường Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đắk Nông. Thứ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Nguyễn Hồng Trường tham dự và phát lệnh thông tuyến. Dự án mở rộng, nâng cấp đường Hồ Chí Minh (Quốc lộ 14) đoạn qua tỉnh Đắk Nông có chiều dài 70 Km được đầu tư xây dựng với tổng vốn đầu tư gần 1.400 tỷ đồng. Đến nay, tất cả các hạng mục chính để đảm bảo thông xe tuyến đường này đã hoàn thành, sớm hơn 6 tháng so với yêu cầu tiến độ.



Hình ảnh lễ thông xe dự án đường Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Đắk Nông

- Ngày 26/10/2015, Tập đoàn Đức Long Gia Lai chính thức thu phí tại 2 Trạm thu phí đường bộ thuộc dự án nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh (quốc lộ 14 đoạn Pleiku (Km 1610)-Cầu 110 (Km 1667+570). Đến ngày 19/11/2015, Tập đoàn Đức Long Gia Lai tiếp tục được Bộ GTVT cho phép thu phí tại 2 trạm thu phí bố trí tại Km 1877 + 600 và Km 1945+440 để hoàn vốn cho Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14 đoạn qua tỉnh Đắk Nông theo hình thức hợp đồng BOT (BOT Đắk Nông).



Hình ảnh trạm thu phí tại Gia Lai



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề chiến lược:

Cơ sở hạ tầng
Sản xuất linh kiện điện tử
Nông nghiệp
Năng lượng
Bất động sản



Ngành nghề truyền thống:

Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe
Kinh doanh nhà hàng khách sạn và khu nghỉ dưỡng
Dịch vụ bảo vệ, vệ sĩ

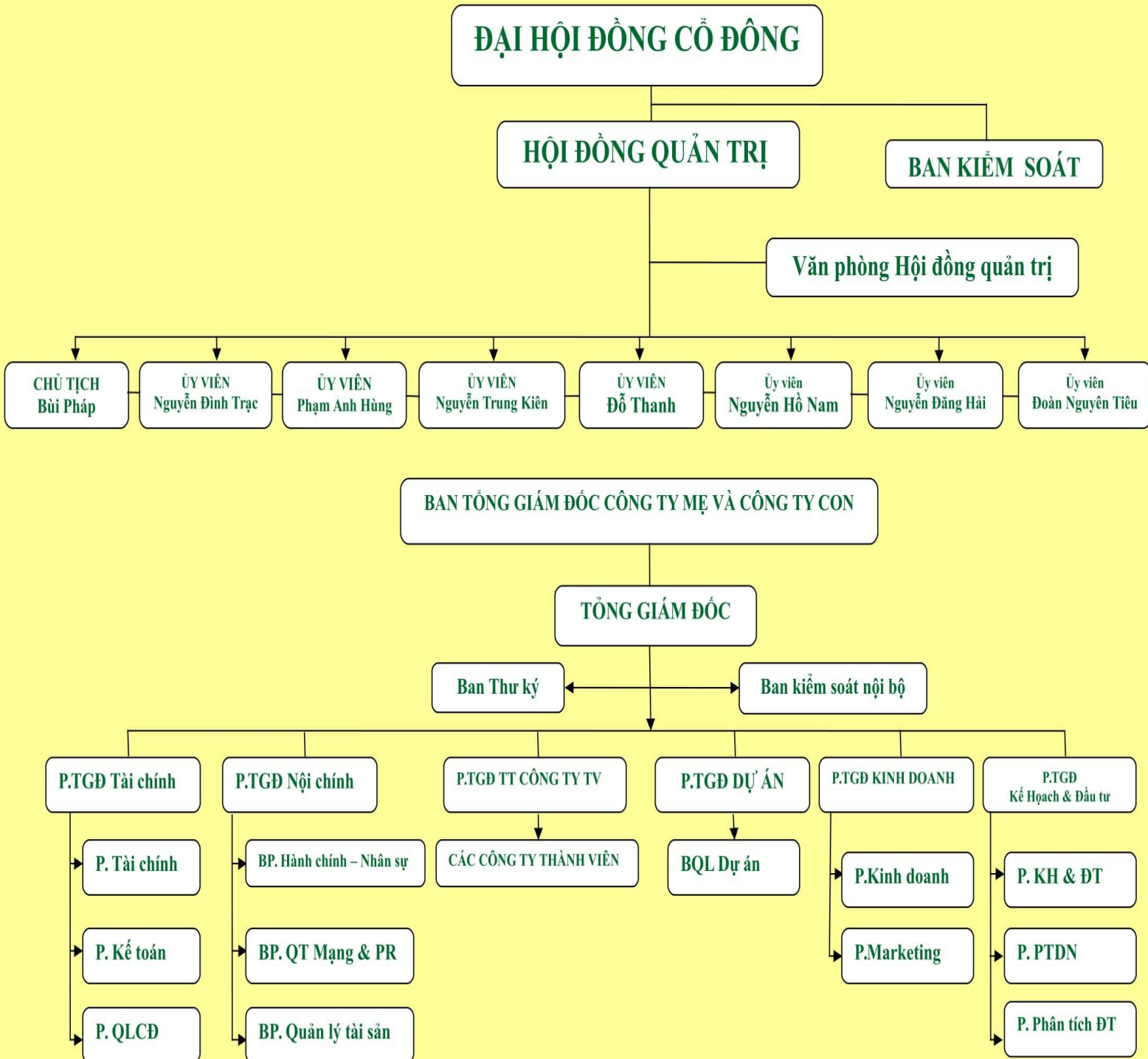




Địa bàn kinh doanh chủ yếu

Là một tập đoàn kinh doanh đa ngành nghề, địa bàn kinh doanh của Đức Long Gia Lai không chỉ trong tỉnh Gia Lai mà trải rộng khắp các tỉnh thành trong cả nước. Bên cạnh đó, tập đoàn còn đang mở rộng việc đầu tư kinh doanh bên ngoài lãnh thổ Việt Nam như Lào, Trung Quốc, Hồng Kông các nước Đông Nam Á khác. Các sản phẩm gỗ và sản phẩm linh kiện điện tử mang thương hiệu Đức Long Gia Lai xuất khẩu sang các nước Mỹ, Châu Âu, Châu Mỹ.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI



Các Công ty con

| Tên công ty | Địa chỉ | Vốn điều lệ (tỷ đồng) | Tỷ lệ góp vốn |
|--|--|-----------------------|---------------|
| CTCP Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng ĐLGL | 43- Lý Nam Đế- Trà Bá- Pleiku- Gia Lai | 31 | 54,67% |
| CTCP trồng rừng và cây công nghiệp ĐLGL | 43- Lý Nam Đế- Trà Bá- Pleiku- Gia Lai | 47 | 96,81% |
| CTCP Dịch vụ bảo vệ Đức Long Gia Lai | 73A Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 15, Quận Phú Nhuận – TP HCM | 3,4 | 52,00% |
| CTCP Đức Long Đà Nẵng | 47 Bế Văn Đàn- quận Thanh Khê- Tp. Đà Nẵng | 25 | 85,00% |
| Công ty CP Đầu tư xây dựng Đức Long Gia Lai. | 43 Lý Nam Đế – Pleiku – Gia Lai | 2 | 51,00% |
| Công ty cổ phần BOT&BT Đức Long Đăk Nông | Tổ 9, Phường Nghĩa Thành – Gia Nghĩa – Đăk Nông | 224 | 67,19% |
| Công ty cổ phần BOT&BT Đức Long Gia Lai | 782 Hùng Vương – Chư Sê – Gia Lai | 270 | 60,00% |
| Công ty cổ phần xây dựng giao thông Đức Long Gia Lai | 30 Hùng Vương – Chư Sê - Gia Lai | 50 | 51,00% |
| Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai | 211 thôn Phú Hà, xã Ia Blứ, huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai | 360,5 | 99,86% |

| Tên công ty | Địa chỉ | Vốn điều lệ (tỷ đồng) | Tỷ lệ góp vốn |
|---------------------------------------|--|--------------------------|---------------|
| Công ty cổ phần Năng lượng Tân Thương | 18 Hà Huy Tập, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng | 155 | 88% |
| Công ty TNHH Mass Noble Investments | Hòm thư 957, trung tâm doanh nghiệp nước ngoài Road Town, Tortola, quần đảo Virgin Islands thuộc | 320 | 97,73% |

Công ty liên kết

| Tên công ty | Địa chỉ | Vốn điều lệ (tỷ đồng) | Tỷ lệ góp vốn |
|---|---|--------------------------|---------------|
| CTCP Tư vấn xây dựng Giao thông Gia Lai | 53 Quang Trung, Tp Pleiku, tỉnh Gia Lai | 2,961 | 20,00% |
| Cty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên | 02 Đặng Trần Côn, p.Trà Bá, Tp.Pleiku, tỉnh Gia Lai | 60 | 33,33% |
| CTCP Đức Long Tây Nguyên | 117-119-121 Trần Phú, tp.Pleiku, tỉnh Gia Lai | 15 | 40,00% |

Phần đầu đến năm 2020 Đức Long Gia Lai sẽ trở thành **một trong**

những công ty đa ngành hàng đầu Việt Nam có đủ năng lực để cạnh tranh với các Doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế trong nước và quốc tế.

Về doanh thu và lợi nhuận: Đức Long Gia Lai phấn đấu tốc độ tăng doanh thu hàng năm đạt từ 30% - 50%.

Về thị trường: Trong chiến lược phát triển, Đức Long Gia Lai sẽ tiếp tục củng cố vị thế tại thị trường nội địa, duy trì, tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm tăng thị phần.

Đối với môi trường, xã hội, cộng đồng của Công ty

Đối với môi trường: Tập đoàn DLGL luôn xác định các hoạt động của mình sẽ góp phần bảo vệ và cải thiện môi trường xung quanh, phù hợp với chính sách của nhà nước. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của mình, Đức Long Gia Lai luôn đề cao việc áp dụng kỹ thuật tiên bộ tránh ô nhiễm môi trường và cũng đẩy mạnh các ngành giúp cải thiện môi trường như trồng rừng, chăm sóc rừng,...

Đối với xã hội: Tập đoàn luôn tích cực tập trung đầu tư phát triển những ngành phục vụ nhu cầu xã hội như ngành điện năng và xây dựng và đồng thời góp phần tạo ra việc làm, giải quyết các vấn đề của xã hội.

Đối với cộng đồng: những công trình của tập đoàn xây dựng góp phần vào phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương, đảm bảo cân bằng lợi ích của tập đoàn và lợi ích cộng đồng.

Trở thành tập đoàn đầu tư đa ngành hàng đầu Việt Nam vào năm 2020 với các

Lĩnh vực cốt lõi:

Cơ sở hạ tầng: Đức Long Gia Lai là doanh nghiệp có năng lực hàng đầu Việt Nam về đầu tư và xây dựng cơ sở hạ tầng. Đây là thế mạnh được Chính phủ Việt Nam chọn làm nhà đầu tư thi công tuyến đường cao tốc Quốc lộ 1 và Quốc lộ 14 với tổng mức đầu tư cho các dự án về cơ sở hạ tầng và các dự án trong tương lai ước tính hàng tỷ USD bằng hình thức BOT, BT, PPP. Đến thời điểm hiện nay, ở lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, Đức Long Gia Lai là doanh nghiệp duy nhất nắm trong tay 4 trạm thu phí trên gần 150 Km đường BOT với thời gian thu trên 20 năm.

Sản xuất linh kiện điện tử: Phát triển và mở rộng quy mô lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử ở nước ngoài, đưa các sản phẩm điện tử viễn thông công nghệ cao vào thị trường Việt Nam. Đồng thời, xây dựng các nhà máy sản xuất điện tử ở nước ta, đáp ứng nhu cầu công nghệ ngày càng cao trong nước.

Nông nghiệp: Xây dựng ngành nông nghiệp theo mô hình khép kín với 3 lĩnh vực bổ trợ nhau: Chăn nuôi bò sữa, chăn nuôi bò thịt và trồng trọt cây nông nghiệp ngắn ngày. Sử dụng công nghệ cao kết hợp kỹ sư chuyên nghiệp để phát triển một ngành nông nghiệp cơ giới hóa, hiệu quả cao và thu hồi vốn nhanh.

Năng lượng: Tập trung phát triển nguồn năng lượng tái tạo, theo hình thức phân tán kết hợp phát triển lưới điện thông minh đã và đang áp dụng rất thành công tại Đức. Phần đầu đưa dự án trở thành mô hình kiểu mẫu cho Việt Nam trong tương lai.

Bất động sản: Năm 2016, DLG chính thức bổ sung ngành bất động sản vào chiến lược tái cấu trúc của Tập đoàn. Trong thời gian tới, DLG sẽ khởi công các dự án xây dựng căn hộ tại thành phố Hồ Chí Minh. Lĩnh vực đầu tư mới này sẽ mang lại nguồn lợi lớn cho tập đoàn trong các năm tiếp theo.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Nền kinh tế luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro do chịu ảnh hưởng của các yếu tố trong và ngoài nước tác động, là một chủ thể hoạt động trong nền kinh tế thì tập đoàn Đức Long Gia Lai cũng phải chịu ảnh hưởng nhất định lên hoạt động kinh doanh của mình. Trong năm 2015 nền kinh tế đạt được những thành tựu, tình hình vĩ mô ổn định lạm phát bình quân năm 2015 tăng 2,05% so với năm trước.

GDP tăng 6,68% so với năm 2014. Mức tăng trưởng năm nay cao hơn mục tiêu 6,2% đề ra và cao hơn mức tăng của các năm từ năm 2011 -2014, cho thấy nền kinh tế phục hồi rõ nét. Trong mức tăng 6,68% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,41%, thấp hơn mức 3,44% của năm 2014, đóng góp 0,4 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,64%, cao hơn nhiều mức tăng 6,42% của năm trước, đóng góp 3,2 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 6,33%, đóng góp 2,43 điểm phần trăm. Hưởng lợi từ các yếu tố vĩ mô đó, Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã trải qua một năm hoạt động đạt nhiều kết quả tích cực.

Rủi ro lãi suất

Với nhu cầu lớn về vốn để đáp ứng các mục đích đầu tư và hoạt động của tập đoàn, nguồn vốn vay đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu vốn của tập đoàn đặc biệt các khoản lãi suất thả nổi. Trong năm, lãi suất có diễn biến tốt khi tình hình vĩ mô ổn định, lạm phát thấp tạo điều kiện giúp Công ty giảm bớt gánh nặng tài chính.

Rủi ro tỷ giá

Do phát sinh các giao dịch mua, bán hàng có gốc ngoại tệ, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro pháp luật

Với đặc điểm là tập đoàn đa ngành thì các hoạt động luôn chịu ảnh hưởng của nhiều luật khác nhau. Những thay đổi về luật pháp có thể ảnh hưởng đến các dự án đang triển khai và các dự án đang hoạt động của tập đoàn. Vì vậy, DLG luôn quan tâm theo dõi cập nhật những thay đổi trong văn bản luật đảm bảo hoạt động của tập đoàn luôn hợp pháp và minh bạch.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

✚ *Rủi ro đối với ngành kinh doanh bến xe và bãi đỗ:* Với đặc điểm của ngành là chỉ cần đầu tư lần đầu và tiếp tục công tác duy tu, thu phí nên đây là ngành ổn định ít bị ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế. Ngoài ra, với hình thức đầu tư “Nhà nước và tư nhân cùng làm” giúp cho hoạt động của công ty đảm bảo lâu dài, không bị ảnh hưởng bởi chính sách. Dòng tiền của ngành vẫn ổn định do nhu cầu đi lại của người dân vẫn cao. Do đó đây là ngành ít rủi ro và có nguồn thu ổn định.

✚ *Rủi ro đối với ngành dịch vụ, khách sạn, resort:* Là ngành dịch vụ phục vụ du khách là chủ yếu nên hoạt động của ngành dịch vụ, khách sạn và resort bị ảnh hưởng bởi tình hình chung của nền kinh tế và tình hình thế giới. Trong năm, tình hình căng thẳng ở biển đông và bất ổn trên thế giới đã tác động không nhỏ đến hoạt động của công ty. Để giảm thiểu rủi ro, tập đoàn không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ, nâng cấp hệ thống khách sạn và resort để thu hút du khách.

R I S K

✚ *Rủi ro đối với lĩnh vực cơ sở hạ tầng:* Các dự án xây dựng cầu đường chủ yếu của công ty là các dự án BOT, các dự án này đều là con đường quan trọng nối liền các tỉnh khu vực Tây Nguyên với các tỉnh thành phía Nam nên có mật độ xe lưu thông cao đem lại nguồn thu cho công ty. Tuy nhiên, trong tương lai để mở rộng hoạt động tập đoàn sẽ phải cạnh tranh với nhiều công ty khách được thành lập và cả các công ty nước ngoài, đồng thời việc vận hành các trạm thu phí cũng gặp một số khó khăn nhất định. Để khắc phục, tập đoàn đã chủ động tìm kiếm các nhà cung cấp, tích cực hợp tác với các đối tác nước ngoài để áp dụng kỹ thuật hiện đại tăng tính cạnh tranh, giảm thiểu chi phí, hoạt động chuyên nghiệp.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư, chủ sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh trong năm 2015

| CHỈ TIÊU | ĐVT | 2014 | 2015 | 2015/2014 |
|-------------------------------|------------|-----------|-----------|-----------|
| Doanh thu thuần | Triệu đồng | 1.005.809 | 1.645.084 | 63,56% |
| Giá vốn hàng bán | Triệu đồng | 900.027 | 1.481.048 | 64,56 % |
| Lợi tức gộp | Triệu đồng | 105.783 | 156.666 | 48,10% |
| Doanh thu hoạt động tài chính | Triệu đồng | 80.695 | 104.493 | 29,49% |
| Chi phí hoạt động tài chính | Triệu đồng | 103.283 | 159.455 | 54,39% |
| Chi phí bán hàng | Triệu đồng | 2.395 | 14.521 | 506,3% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | Triệu đồng | 33.323 | 64.186 | 92,62% |
| Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD | Triệu đồng | 47.477 | 23.201 | -51,13% |
| Lợi nhuận khác | Triệu đồng | 5.180 | 59.607 | 1.050,7% |
| Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 52.609 | 82.809 | 57,4 % |
| Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 54.267 | 81.061 | 49,37% |

Trong năm 2015, Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã tận dụng mọi nguồn lực để thực hiện kế hoạch và tạo lợi nhuận cho cổ đông.

Với 4 lĩnh vực trọng tâm: Nông nghiệp, Năng lượng và Cơ sở hạ tầng, sản xuất linh kiện điện tử, ĐLGL đã và đang có những bước chuyển mình mạnh mẽ. Những con số ấn tượng về doanh thu cũng như lợi nhuận hoạt động đã minh chứng cho những nỗ lực vượt bậc của ĐLGL. Cụ thể: Doanh thu thuần đạt mức cao nhất từ trước đến nay với giá trị 1.645.084 triệu đồng, tương đương mức tăng 63,56% so với cùng kỳ; Lợi nhuận khác đạt 59.607 triệu đồng, tương ứng mức tăng 1.050,7% so với năm 2014; Lợi nhuận sau thuế tăng mạnh từ 54.267 triệu đồng lên 82.809 triệu đồng, tương đương tăng trưởng 57,4% so với cùng kỳ. Cùng với đó, nhờ tiến hành cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng tập trung vào các dự án sinh lời ngắn hạn sau một thời gian dài tập trung đầu tư vào các lĩnh vực dài hạn, hoạt động SXKD của ĐLGL không ngừng tăng trưởng, đi vào ổn định và tạo được nguồn vốn thường xuyên cho việc đầu tư các lĩnh vực trọng yếu.

Tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra:

| Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2015 | TH2015 | TH2015/KH2015 |
|--------------------|---------|---------|--------|---------------|
| Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 2.500 | 1.645 | 65,80% |
| Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 265 | 81 | 30,57% |

Trong điều kiện kinh tế trong và ngoài nước dù đã khởi sắc nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro, các kết quả đạt được vẫn chưa đạt mức kỳ vọng của ĐHĐCĐ thường niên 2015.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

| STT | Thành viên | Chức vụ | Số lượng cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ |
|-----|------------------|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| 1 | Phạm Anh Hùng | Tổng giám đốc | 0 | 0 |
| 2 | Đỗ Thanh | Phó tổng giám đốc thường trực | 19.950 | 0,012% |
| 3 | Nguyễn Tiên Dũng | Phó tổng giám đốc | 0 | 0 |
| 4 | Phạm Minh Việt | Phó tổng giám đốc | 0 | 0 |
| 5 | Phan Xuân Viên | Phó tổng giám đốc | 0 | 0 |
| 6 | Vũ Thị Hải | Kế toán trưởng | 32.182 | 0,02% |



Ông Phạm Anh Hùng - Tổng giám đốc

Trình độ: Cử nhân luật

Quá trình công tác:

- 2000 - 2005: nhân viên kinh doanh nông sản công ty XNK Gia Lai.
- 2006 - 2010: nhân viên kinh doanh nông sản công ty TNHH An Lạc.
- 11/2010 - 04/2011: Trợ lý chủ tịch HĐQT Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- 04/2011 - 31/12/2013: Trưởng ban đầu tư Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- 01/01/2015 đến nay: Tổng giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.



Ông Đỗ Thanh, Phó Tổng Giám đốc thường trực

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1982 – 1986: Kế toán trưởng Xí nghiệp cơ khí Gia Lai.
- 1987 – 1991: Chuyên viên kinh tế sở Công nghiệp Gia Lai.
- 1992 - 2001: Kế toán trưởng Xí nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu Gia Lai.
- 2002 - 2005: KTT kiêm trưởng phòng kinh doanh XNTD ĐLGL.
- 2006 - 06/2007: Phó giám đốc kinh doanh XNTD ĐLGL.
- 06/2007 - nay: Phó tổng giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.



Ông Nguyễn Tiên Dũng, Phó Tổng Giám đốc

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1991 – 2002: Công tác tại Công ty Xuất nhập khẩu Tỉnh Gia Lai
- 2002 – 2007 : Kế toán trưởng Công ty Xuất nhập khẩu Tỉnh Gia Lai
- 2007 – 2008: Công tác tại Công ty Điện Gia Lai, Chuyên viên Ban đầu tư phát triển Tập đoàn ĐLGL
- 2008 – 2009: Trợ lý Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn ĐLGL
- 2009 - nay : Phó Tổng Giám đốc phụ trách đầu tư Tập đoàn ĐLGL.



Ông Phạm Minh Việt, Phó Tổng Giám đốc

Trình độ: Kỹ sư xây dựng cầu đường

Quá trình công tác:

- 2000 - 2003: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty TNHH Tư vấn Công trình Sài Gòn
- 2003 - 2006 : Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Tư vấn Phương Nam.
- 2006 - 2008: Giám đốc điều hành dự án Công ty CP ĐTXD và Thương mại Thăng Long.
- 2008 – 2010: Trưởng ban BOT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- 2010 – nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách cơ sở hạ tầng Công ty CP Tập đoàn ĐLGL.



Ông Phan Xuân Viên, Phó Tổng Giám đốc

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1990 - 2005: Giám đốc Công ty XNK thương mại Thừa Thiên - Huế
- 2005 - 2006: Giám đốc Công ty CP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai
- 2007 – nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách các dự án phía Nam kiêm Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc



Bà Vũ Thị Hải, Kế toán trưởng

Trình độ: Cử nhân kinh tế.

Quá trình công tác:

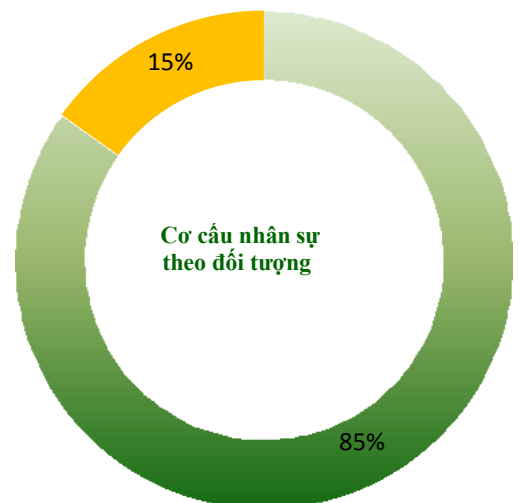
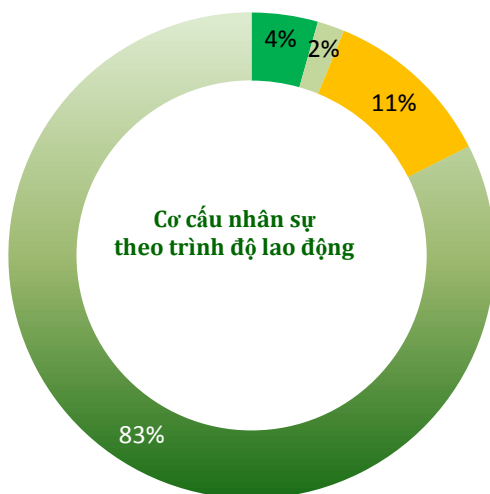
- 1987 - 2007 : Kế toán công ty dịch vụ du lịch Gia Lai.
- 01/2008 – 02/2008 : Kế toán tổng hợp CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- 03/2008 – 10/04/2011 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- 11.04/2011 – 8/07/2013: Trưởng Ban Tài chính Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- 9/07/2013 – nay: Trưởng Ban Tài chính kiêm kế toán trưởng, trưởng ban quan hệ nhà đầu tư Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Ban điều hành Tập đoàn trong năm 2015 duy trì hoạt động ổn định, phối hợp tích cực thực hiện quyết liệt các chủ trương do Hội đồng quản trị đề ra.

Thống kê nhân sự

Tổng số lượng cán bộ nhân viên toàn Tập đoàn tính đến 31/12/2015 là 4.500 người. Công ty luôn quan tâm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Pháp luật về lao động. Mức lương bình quân của toàn thể cán bộ nhân viên Công ty năm 2015 là 7 triệu đồng/người/tháng. Thu nhập bình quân hàng tháng trên 7,5 triệu đồng/người/tháng.

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 |
|---|-----------|-----------|-----------|
| Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng) | 5.500.000 | 6.000.000 | 7.000.000 |
| Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng) | 6.000.000 | 6.300.000 | 7.500.000 |



- Trình độ đại học và trên đại học
- Trình độ cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp
- Sơ cấp và công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông

Lao động trực tiếp

Lao động gián tiếp

Một số chính sách đối với người lao động áp dụng trong năm 2015:

Chính sách tuyển dụng

Được Công ty sử dụng khá linh hoạt với nhiều cách thức “tuyển” để “dùng” với những tiêu chí tuyển dụng công khai, minh bạch... Với thông điệp “ĐỨC LONG - nơi hội tụ nhân tài”, đảm bảo số lượng và chất lượng nhân sự đầu vào có chất lượng cao mặc dù thị trường nhân sự trong lĩnh vực Công ty đang hoạt động ngày càng khan hiếm. Công tác tuyển dụng: được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty, thực hiện theo kế hoạch hàng năm và trong từng giai đoạn dựa trên nguyên tắc tạo cơ hội bình đẳng cho mọi ứng cử viên, thực hiện theo quy trình tuyển dụng của Công ty.

Chính sách đào tạo:

Đào tạo và phát triển nhân viên là ưu tiên hàng đầu của Công ty. Đào tạo để cùng đồng hành và phát triển với Công ty được coi là chính sách quan trọng. Công ty luôn quan tâm và coi trọng chính sách đào tạo trong từng thời kỳ phát triển của Công ty, đào tạo là phương thức hỗ trợ CB-NV phát triển nghề nghiệp. Mỗi CB-NV đều được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo tại Công ty hoặc bên ngoài.

Dựa vào nội dung của từng khóa học, học viên sẽ được đào tạo thông qua các phương pháp đào tạo phù hợp, như: học lý thuyết, thảo luận, tiếp cận thực tế đưa ra các tình huống cụ thể sát với thực tế để giải quyết, hoặc kết hợp ngoại khóa... Cuối mỗi khóa đào tạo, học viên đều phải viết bài thu hoạch và báo cáo kết quả học tập về cho Ban Lãnh đạo công ty.

CB-CNV làm việc từ 6 tháng trở lên được tham gia đào tạo ngắn hạn trong nước theo kế hoạch đào tạo nghiệp vụ hàng năm, đào

tạo đột xuất theo nhu cầu của đơn vị và bằng các hình thức như đào tạo thông qua luân chuyển công tác, bố trí tham gia các ban dự án, chương trình để nhân viên có điều kiện phát huy khả năng và học hỏi kinh nghiệm tích lũy kiến thức, phát triển chuyên môn và nghề nghiệp theo định hướng của Công ty.

Thăng tiến và phát triển nghề nghiệp:

Tại Công ty, cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho mọi đối tượng được xác lập bằng kế hoạch quy hoạch sử dụng nguồn nhân lực với một quy trình rõ ràng. Công ty có chính sách quy hoạch nguồn cán bộ lâu dài từ những cán bộ, nhân viên có tâm huyết, đủ trình độ, năng lực lãnh đạo, có thành tích trong lao động được lãnh đạo đơn vị đánh giá cao và đưa vào nguồn cán bộ quy hoạch dài hạn cho công ty. Những cán bộ thuộc diện quy hoạch sẽ được bồi dưỡng, đào tạo, bổ sung kiến thức chuyên môn để điều hành các hoạt động của Công ty trong những năm tiếp theo.

Công ty có kế hoạch đánh giá năng lực và công việc định kỳ (6 tháng/lần) qua đó đánh giá mục tiêu công việc, mục tiêu phát triển nghề nghiệp của mỗi cá nhân đồng thời cũng là cơ sở nhằm quy hoạch nguồn nhân sự phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty.

Chính sách tiền lương:

Với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó dài lâu và đồng thời tiếp tục duy trì văn hóa doanh nghiệp, chính sách đãi ngộ lao động luôn được Công ty xem trọng và liên tục hoàn thiện. Do đó, tại Công ty người lao động được hưởng các chế độ tiền lương, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Hàng năm, người lao

động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên sẽ được xem xét điều chỉnh tăng lương sao cho phù hợp với trình độ, năng lực, hiệu quả công việc.

Chính sách thưởng:

Công ty thực hiện chế độ khen thưởng cho nhân viên căn cứ trên năng lực làm việc của mình. Công ty có chính sách thưởng bằng hiện kim thông qua việc đánh giá thi đua khen thưởng hàng quý, năm, xem xét quá trình công tác, đạt hiệu quả cao, thành tích tiêu biểu. Đồng thời, công ty cũng có chính sách thưởng đột xuất đối với các cá nhân và tập thể có những đóng góp nổi bật hoặc có những thành tích nổi bật trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của công ty, có những ý tưởng và giải pháp sáng tạo mang lại hiệu quả trong việc phát triển công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng có chính sách đề xuất thưởng theo danh hiệu thi đua của nhà nước đối với những tập thể và cá nhân có những thành tích xuất sắc vượt bậc theo tiêu chuẩn chung của Luật thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn. Kết quả thi đua khen thưởng của CB-NV được sử dụng làm cơ sở để thực hiện các chính sách của công ty, như : quy hoạch, đào tạo nguồn dự trữ kế thừa, nâng cao; nâng bậc lương trước thời hạn; đề bạt, bố trí chức vụ cao hơn.

Chính sách phúc lợi:

Việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động luôn được Công ty quan tâm hàng đầu. Công ty đảm bảo các chế độ, chính sách được trả bằng hoặc cao hơn yêu cầu của pháp luật lao động. Tất cả các cán bộ nhân viên chính thức của Công

ty đều được đảm bảo thụ hưởng các chế độ chính sách phù hợp với Luật lao động Việt Nam, ngoài ra cán bộ nhân viên của Công ty còn được nhận các chế độ phúc lợi theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty, được điều chỉnh hàng năm và có những chế độ như: thưởng các dịp Lễ, Tết, lương tháng 13, trợ cấp thâm niên, tham quan nghỉ mát, sinh nhật, kết hôn, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ khó khăn; được tham gia các hoạt động tổ chức Công đoàn, văn thể mỹ, thể dục thể thao.

Môi trường - điều kiện làm việc:

Với phương châm “Con người là yếu tố cốt lõi của sự cạnh tranh”, Công ty luôn hướng đến một môi trường làm việc hiện đại và chuyên nghiệp, nơi thật sự tôn vinh những tài năng và giá trị con người. Công ty không ngừng xây dựng một môi trường làm việc:

- Giao tiếp cởi mở và tôn trọng;
- Công việc thách thức và sáng tạo;
- Thu nhập cạnh tranh và công bằng;
- Cơ hội học tập /thăng tiến rõ ràng và không giới hạn;
- Thành tích được đánh giá khách quan và khoa học;
- Công việc ổn định và được chăm sóc chu đáo.

Công ty luôn chú tâm duy trì không khí thoải mái, vui vẻ khi làm việc. Các hoạt động thường xuyên được tổ chức như: các giải thể thao, văn nghệ, tổ chức sinh nhật cho CBNV, ngày Hội gia đình và các hoạt động sinh hoạt như dự các ngày lễ truyền thống của đất nước và Công ty, các hoạt động chung vì cộng đồng v.v.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn phát sinh trong năm:

Đầu tư ngắn hạn

| Chỉ tiêu | ĐVT | 2014 | 2015 |
|--------------------------|---------|---------|---------|
| Cho vay ngắn hạn tổ chức | Tr.đồng | 412.820 | 415.462 |
| Cho vay ngắn hạn cá nhân | Tr.đồng | 40.837 | 184.238 |
| Tiền gửi ngắn hạn | Tr.đồng | 340.000 | 573.264 |

Đầu tư dài hạn

| Chỉ tiêu | 2014 (Tr.đồng) | 2015 (Tr.đồng) |
|---|-------------------|-------------------|
| Đầu tư góp vốn | | |
| CTCP Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn | 5.600 | 5.600 |
| CTCP ĐĐT XD Nam Nguyên | 968 | 968 |
| CTY TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang GL | 1.200 | 1.200 |
| CTCP Đầu tư và PT Điện năng ĐLGL | 3.503 | 3.503 |
| CTCP ĐT & KD Bất động sản ĐLGL | 4.000 | 4.000 |
| CTCP Dịch vụ công cộng ĐL Bảo Lộc | 480 | 480 |
| Cho vay | | |
| CTY TNHH Đức Long Dung Quất | 67.100 | 90.902 |
| Cty TNHH MTV Việt Gia Phát | 219.267 | 157.343 |
| DNTN Du lịch lữ hành và Đầu tư xây dựng NHHTC | 2.992 | 1.000 |
| Tiền gửi trên 12 tháng | 4.400 | 1.400 |

Các công ty con, công ty liên kết:

❖ **Một số chỉ tiêu tóm tắt tài chính của một số Công ty con (tỷ đồng)**

| CTCP Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng ĐLGL | ĐVT | 2014 | 2015 |
|---|------------|-------------|-------------|
| Doanh thu | Tỷ đồng | 22,416 | 20,595 |
| LNTT | Tỷ đồng | 4,326 | 15,074 |
| Tài sản | Tỷ đồng | 53,894 | 54,97 |
| Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 31,42 | 31,42 |

| CTCP Đầu tư xây dựng ĐLGL | ĐVT | 2014 | 2015 |
|----------------------------------|------------|-------------|-------------|
| Doanh thu | Tỷ đồng | 4,328 | 27,689 |
| LNTT | Tỷ đồng | 0,027 | 2,041 |
| Tài sản | Tỷ đồng | 66,089 | 48,100 |
| Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 2 | 2 |

| Công ty TNHH Mass Noble Limited | ĐVT | 2015 |
|--|------------|-------------|
| Doanh thu | Tỷ đồng | 439,475 |
| LNTT | Tỷ đồng | 14,225 |
| Tài sản | Tỷ đồng | 755,61 |
| Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 320 |

| Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai | ĐVT | 2014 | 2015 |
|--|------------|-------------|-------------|
| Doanh thu | Tỷ đồng | 61,758 | 309,990 |
| LNTT | Tỷ đồng | 42,118 | 20,051 |
| Tài sản | Tỷ đồng | 143,93 | 207,144 |
| Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 360,5 | 360,5 |

❖ **Một số chỉ tiêu tóm tắt tình hình tài chính Công ty liên kết**

Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Giao thông Gia Lai

| Chỉ tiêu | ĐVT | 2014 | 2015 |
|--------------------|------------|-------------|-------------|
| Doanh thu | Tỷ đồng | 18,7 | 18,7 |
| LNTT | Tỷ đồng | 6,5 | 2 |
| Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 2,9 | 2,9 |

Công ty TNHH Cung ứng vật tư nguyên liệu Tây Nguyên

| Chỉ tiêu | ĐVT | 2014 | 2015 |
|--------------------|------------|-------------|-------------|
| Doanh thu | Tỷ đồng | 428,48 | 411,47 |
| LNTT | Tỷ đồng | 0,171 | 0.247 |
| Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 60 | 60 |

Tình hình tài chính

- Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | 2014 | 2015 | 2015 /2014 |
|-----|----------------------|---------|-----------|-----------|------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | Tr.đồng | 4.111.652 | 6.815.607 | 65,76% |
| 2 | Doanh thu thuần | Tr.đồng | 1.005.809 | 1.645.084 | 63,56% |
| 3 | Lợi nhuận từ HĐKD | Tr.đồng | 47.477 | 23.201 | -51,13% |
| 4 | Lợi nhuận khác | Tr.đồng | 5.180 | 59.607 | 1.050,71% |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 52.609 | 82.809 | 57,40% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đồng | 54.267 | 81.061 | 49,37% |

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2014 | Năm 2015 |
|---|------|----------|----------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 2,93 | 2,61 |
| Hệ số thanh toán nhanh: | Lần | 2,35 | 2,16 |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Nợ/Tổng tài sản | % | 60,73 | 68,36 |
| Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 146,31 | 216,09 |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho: | Vòng | 2,52 | 3,16 |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | Lần | 0,24 | 0,24 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 5,37 | 4,92 |
| Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | 3,24 | 3,76 |
| Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 1,32 | 1,19 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 4,68 | 1,41 |

Tất cả các chỉ số tài chính đều thể hiện xu hướng chung trong năm 2015 là sự chuyển biến tích cực, thể hiện tình hình tài chính lành mạnh với mức độ thanh khoản trong ngắn hạn tốt. Các chỉ số thanh toán phản ánh khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn, đến hạn và đáp ứng kịp thời các khoản vay cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phần

Số cổ phiếu phổ thông : 169.186.117 cổ
phần Số cổ phiếu ưu đãi : 0 cổ phần

Số cổ phiếu đang lưu hành : 169.186.117 cổ
phần Số cổ phiếu quỹ : 0 cổ phần

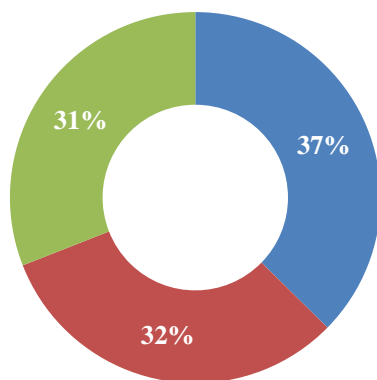
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần

Cơ cấu cổ đông Theo danh sách chốt ngày 16.7.2015

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

| Đối tượng | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ |
|---------------------------|--------------------|----------------|
| Cổ đông trong nước | 149.120.449 | 88,14% |
| <i>Cá nhân</i> | 148.040.183 | 87,50% |
| <i>Tổ chức</i> | 1.080.266 | 0,64% |
| Cổ đông nước ngoài | 20.065.668 | 11,86% |
| <i>Cá nhân</i> | 121.917 | 0,07% |
| <i>Tổ chức</i> | 19.943.751 | 11,79% |
| Tổng cộng | 169.186.117 | 100,00% |

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu



- Cổ đông sở hữu dưới 1%
- Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5%
- Cổ đông sở hữu trên 5%

Danh sách cổ đông lớn

| Tên tổ chức/cá nhân | Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD | Địa chỉ | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ |
|----------------------------|-----------------------|--|------------------|---------|
| Bùi Pháp | 230512386 | 03 Trần Quang Khải, TP. Pleiku, Gia Lai | 33,840,387 | 20,002% |
| AnsenHoldco Limited | 1811201 | Commerce House, Wickhams Cay 1, PO Box 3140, Road Town, Tortola, British Virgin Islands, VG 1110 | 18.541.963 | 10,96% |

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

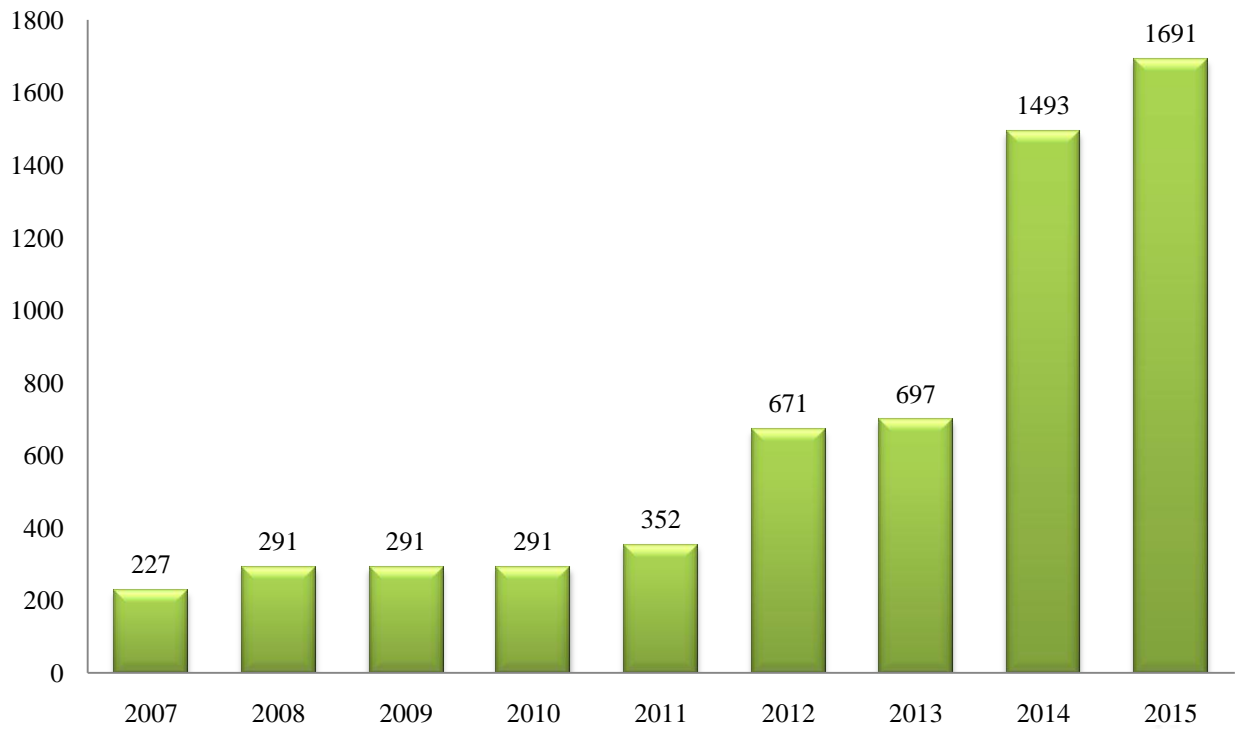
Tháng 7/2015 Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã phát hành thành công 19.932.609 cổ phiếu để hoán đổi cổ phần với công ty Mass Noble Investment Limited tăng vốn điều lệ lên gần 1.691,8 đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không**Phát hành 500 tỷ trái phiếu chuyển đổi**

Ngày 10/04/2015, công ty đã phát hành thành công 500 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 2 năm lãi suất 0% cho quỹ đầu tư Thăng Long.



Quá trình tăng vốn 2007-2015 (tỷ đồng)



A vibrant green field of rice plants, likely a variety of fragrant rice, is shown in a close-up, slightly blurred perspective. The plants are densely packed and appear to be swaying. A large, white, circular graphic is centered in the upper half of the image, containing the text 'BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC' in a bold, green, serif font.

**BÁO CÁO
BAN GIÁM ĐỐC**

DÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

❖ Môi trường kinh doanh năm 2015

Năm 2015, tình hình kinh tế thế giới tiềm ẩn nhiều rủi ro; tình hình kinh tế trong nước tuy đã dần phục hồi và ổn định, nhưng vẫn còn nhiều yếu tố tác động bất lợi đến sự phát triển sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó Tập đoàn ĐLGL (DLG) không phải là ngoại lệ.

Với sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tập trung khai thác các lợi thế của DLG, quyết tâm đổi mới, đầu tư chiều sâu, tận dụng những thuận lợi của nền kinh tế, biến những thách thức thành cơ hội phát triển và đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

❖ Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015

| Chỉ tiêu | ĐVT | TH2014 | KH 2015 | TH2015 | TH2015/TH2014 | TH2015/KH2015 |
|--------------------|---------|--------|---------|--------|---------------|---------------|
| Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 1.006 | 2.500 | 1.645 | 163,52% | 65,80% |
| Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 54 | 265 | 81 | 150,00% | 30,57% |

Lợi nhuận sau thuế tăng

50%

so với cùng kỳ năm 2014

Trong bối cảnh tình hình kinh tế trong và ngoài nước có nhiều biến động, Công ty đã đạt được kết quả SXKD như trên là nhờ nỗ lực rất lớn từ Ban Lãnh đạo đến toàn thể CBCNV Công ty. Doanh thu năm 2015 tăng 63,52% so với năm 2014, kéo theo lợi nhuận sau thuế năm 2015 tăng 50% so với cùng kỳ năm 2014.

Tuy nhiên, so với kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông năm 2015 đã thông qua thì kết quả thực hiện năm 2015 vẫn chưa đạt yêu cầu: Doanh thu đạt được năm 2015 đạt 65,8%, lợi nhuận sau thuế đạt 31% chỉ tiêu kế hoạch. Nguyên nhân dẫn đến kết quả thực hiện năm 2015 không đạt như Đại hội cổ đông đã đề ra là do: chi phí đầu vào của một số ngành SXKD cơ bản tăng cao, tập trung vào các Dự án lớn của Tập đoàn: Dự án nâng cấp và mở rộng Quốc lộ 14 theo hình thức BOT; Dự án nông nghiệp tại ba tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông; Dự án thủy điện Đắk Pô Kô,...

Tuy nhiên, kết quả đạt được như trên là rất đáng được trân trọng. Đó không chỉ là việc ghi nhận công lao to lớn từ sự chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT Tập đoàn đến các cấp lãnh đạo, cán bộ chủ chốt, người lao động trong Tập đoàn mà nhà đầu tư, cổ đông bên ngoài cũng đã nhìn nhận, đánh giá kết quả đạt được là tích cực khi so sánh với kết quả của Tập đoàn với các doanh nghiệp khác.

Tình hình tài chính

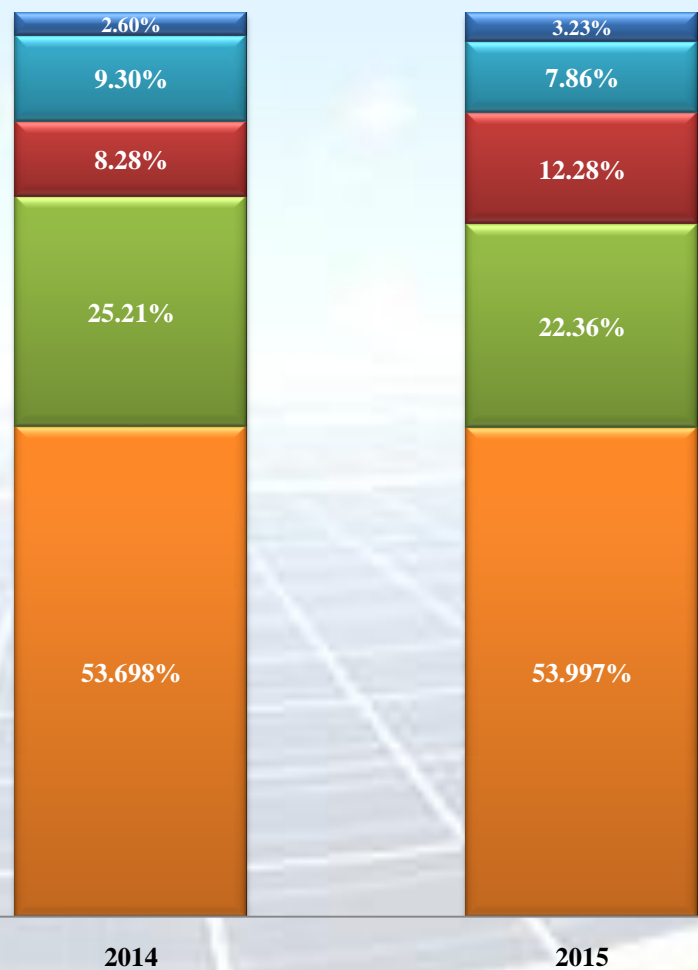
Tình hình tài sản

| Chỉ tiêu | 2014 | | 2015 | | 2015/2014 |
|------------------|-------------------|----------|-------------------|----------|-----------|
| | Giá trị (tr.đồng) | Tỷ trọng | Giá trị (tr.đồng) | Tỷ trọng | |
| Tài sản ngắn hạn | 1.901.481 | 46,30% | 3.135.385 | 46,00% | 64,89% |
| Tài sản dài hạn | 2.205.182 | 53,70% | 3.680.222 | 54,00% | 66,89% |
| Tổng tài sản | 4.106.664 | 100,00% | 6.815.607 | 100,00% | 65,96% |

Cơ cấu tài sản qua các năm

- Tài sản dài hạn
- Các khoản phải thu
- Đầu tư ngắn hạn
- Hàng tồn kho
- Tiền

Tổng tài sản tăng 66% trong năm 2015 với sự đóng góp chủ yếu của giá trị Chi phí xây dựng cơ bản dở dang và giá trị khoản mục đầu tư ngắn hạn. do công ty vừa có đợt phát hành. Cơ cấu tổng tài sản cũng có sự dịch chuyển nhẹ từ ngắn hạn sang dài hạn.



Tình hình nợ phải trả

| Chỉ tiêu | 2014 | | 2015 | | 2015/2014 |
|-------------|-------------------|----------|-------------------|----------|-----------|
| | Giá trị (tr.đồng) | Tỷ trọng | Giá trị (tr.đồng) | Tỷ trọng | |
| Nợ ngắn hạn | 648.279 | 26,51% | 1.201.278 | 25,78% | 85,34% |
| Nợ dài hạn | 1.791.279 | 73,49% | 3.457.889 | 74,22% | 93,04% |
| Tổng nợ | 2.439.559 | 100,00% | 4.659.167 | 100,00% | 90,98% |

Tổng nợ phải trả của Công ty trong năm 2015 tăng 90,98% so với 2014 trong đó, tỷ trọng nợ dài hạn chiếm hơn 74%. Khoản mục nợ dài hạn tăng 93% trong khi nợ ngắn hạn tăng hơn 85%. Công ty tăng nợ vay nhằm tài trợ hoạt động đầu tư Dự án trung và dài hạn đang triển khai. Mặc dù, tổng nợ phải trả tăng mạnh trong năm 2015 nhưng Công ty vẫn duy trì tình hình tài chính lành mạnh. Công ty không có tình trạng nợ quá hạn, nợ phải trả xấu.

Công ty không có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn. Đối với các khoản nợ trong hạn, Công ty có đủ khả năng để tạo đủ nguồn tiền đáp ứng các nghĩa vụ khi đến hạn.

› Về ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá

Do phát sinh các giao dịch mua, bán hàng có nguồn gốc ngoại tệ, Công ty chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

› Về ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay

Do có các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Theo đó, có bất cứ biến động nào về lãi vay đều có tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn thời điểm trả nợ thích hợp. Do vậy, biến động lãi suất ngoài dự tính vẫn được duy trì ở mức thấp.

Các thành tựu trong năm 2015

Công tác tái cấu trúc doanh nghiệp:

Năm 2015, Hội đồng quản trị đã quyết liệt thực hiện chiến lược công ty đã được đề ra tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 với 4 lĩnh vực trọng tâm: Cơ sở hạ tầng, sản xuất linh kiện điện tử, nông nghiệp, năng lượng.

Phát triển cơ sở hạ tầng

Với 2 dự án trọng điểm: BOT Gia Lai, BOT Đăk Nông, Tập đoàn đã đồng bộ thi công tất cả các gói thầu, tăng cường nhà thầu năng lực, đảm bảo chất lượng, tiến độ công trình. Nhờ vậy, các dự án thi công đã vượt tiến độ 6 tháng, dự án được đưa vào sử dụng trước mùa mưa năm 2015. Đồng thời góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh đối với các tỉnh Tây Nguyên. Trong tháng 10 và tháng 11 năm 2015, Tập đoàn đã chính thức đưa vào hoạt động 4 trạm thu phí tại Gia Lai và Đăk Nông.

Sản xuất linh kiện điện tử

Ngày 16/07/2015, Tập đoàn Đức Long Gia Lai chính thức hoàn tất thương vụ phát hành 19.932.609 cổ phiếu hoán đổi cho các cổ đông của Công ty Mass Noble Investment Limited. Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã trở thành đơn vị tiên phong trong hoạt động mua lại doanh nghiệp nước ngoài thông qua hình thức hoán đổi cổ phiếu, chính thức nắm quyền sở hữu công ty Mass Noble Investments Limited (Mỹ), đồng nghĩa với việc trở thành chủ sở hữu nhà máy ANSEN có trụ sở đặt tại thành phố Đông Quán, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

Tập đoàn DLGL hợp tác toàn diện với Công ty CP Sữa Việt Nam (Vinamilk) và Tập đoàn hàng đầu thế giới Delaval (Thụy Điển) nhằm đẩy mạnh đầu tư mở rộng lĩnh vực nông nghiệp với quy mô lớn tại khu vực Tây Nguyên. Hợp tác chiến lược lâu dài với Quỹ đầu tư Global Emerging Markets (GEM) nhằm đáp ứng nhu cầu vốn, mở rộng thị trường.

Công tác nhân sự:

- ✓ Năm 2015, Ban TGD Tập đoàn DLGL, lãnh đạo các đơn vị thành viên, cùng với sự phát huy cao độ tinh thần đoàn kết của CBNV toàn công ty tích cực phấn đấu thực hiện kế hoạch năm 2015, dưới sự chỉ đạo sát sao, hiệu quả của HĐQT đã đưa hoạt động của Tập đoàn và các đơn vị thành viên phát triển vượt bậc.
- ✓ Tập đoàn thường xuyên khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên tham gia các lớp tập huấn, nâng cao năng lực chuyên môn, phát huy khả năng sáng tạo, không ngừng học hỏi, đem lại hiệu quả cao trong công việc.

Hoạt động an sinh xã hội:

- ✓ Trong năm 2015, Tập đoàn DLGL tiếp tục hỗ trợ cho Quỹ xã hội từ thiện công đoàn giao thông vận tải, ủng hộ cho chương trình Nhịp cầu yêu thương do Bộ GTVT phát động để xây dựng cầu treo phục vụ cho đồng bào dân tộc các tỉnh Tây Nguyên.
- ✓ Tài trợ cho chương trình giải Việt dã do báo Gia Lai tổ chức và nhiều chương trình của các tổ chức khác tổ chức tại Gia Lai.

Công tác truyền thông, quảng bá thương

hiệu:

- ✓ Tổ chức nhiều sự kiện có ý nghĩa, nâng cấp website và kịp thời đăng tải những thông tin về Tập đoàn DLGL và các Công ty thành viên. Hoàn thành việc xây dựng phóng sự 10 sự kiện tiêu biểu trong năm 2015. Nhìn chung, hoạt động PR trong năm 2015 có nhiều tiến bộ so với các năm trước. Bộ phận PR đã tạo được mối quan hệ rộng rãi với các cơ quan báo đài địa phương và Trung ương góp phần đưa thương hiệu DLG ngày càng lan rộng cả trong và ngoài nước.

Doanh thu **2.800 tỷ đồng**

Lợi nhuận sau thuế **220 tỷ đồng**



Bước sang giai đoạn mới 2016-2020, Ban Tổng Giám đốc tiếp tục chú trọng đầu tư, phát triển 4 lĩnh vực trọng tâm : *Cơ sở hạ tầng, sản xuất linh kiện điện tử, nông nghiệp, năng lượng và 1 lĩnh vực mới là: bất động sản.*

CƠ SỞ HẠ TẦNG

Đến thời điểm hiện nay, ở lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, có thể nói DLG là doanh nghiệp duy nhất nắm trong tay 4 trạm thu phí trên gần 150 Km đường BOT với thời gian thu trên 20 năm. Với 4 trạm này, hàng năm DLG thu về khoảng doanh thu không dưới 750 tỷ đồng, mức doanh thu này sẽ ngày càng gia tăng theo lưu lượng xe và mức thu phí, dự kiến mỗi năm sẽ tăng khoảng 15%. Ngoài các dự án đang thi công, Tập đoàn sẽ tiếp tục tham gia đấu thầu các dự án giao thông quy mô lớn trong cả nước, từng bước khẳng định năng lực, vị thế của Đức Long Gia Lai trong lĩnh vực nhiều tiềm năng này.

Công ty Mass Noble chính thức trở thành công ty con của Tập đoàn từ tháng 7 năm 2015 và chính thức ghi nhận doanh thu từ quý 4 năm 2015. Đồng thời, DLG cũng đã có kế hoạch tái cơ cấu tổng thể nhằm sắp xếp hợp lý các dây chuyền lắp ráp và tổ chức lại doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả và năng suất hoạt động, từ đó gia tăng giá trị lợi ích cho các cổ đông.

Kế hoạch tái cơ cấu tổng thể chủ yếu bao gồm:

- Giai đoạn 1: Tổ chức lại dây chuyền sản xuất, tăng cường tự động hóa, giảm thiểu lao động bằng tay.
- Giai đoạn 2: Tái cơ cấu tổ chức và chức năng hoạt động của các bộ phận.
- Giai đoạn 3: Tăng năng suất tự động và phân bổ lại lực lượng lao động cấp cao

SX LINH KIỆN ĐIỆN TỬ**NÔNG NGHIỆP**

Chủ yếu phát triển trên 3 hướng chính: Phát triển chăn nuôi bò sữa, chăn nuôi bò thịt và trồng trọt. Với mục tiêu hình thành dự án quy mô 80.000 con bò sữa, 45.000 con bò thịt, Tập đoàn đã tiến hành tạo dựng mối quan hệ hợp tác chiến lược với nhiều đối tác uy tín, hỗ trợ thực hiện thành công dự án như: Công ty Cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk), Tập đoàn hàng đầu thế giới về giải pháp chuồng trại Delaval (Thụy Điển), Trung tâm nghiên cứu và phát triển chăn nuôi gia súc lớn Bình Dương. Đồng thời, Tập đoàn đã chuẩn bị đầy đủ nhân lực, vật lực và nguồn tài chính để triển khai xây dựng chuồng trại, nhà máy, hình thành những trang trại quy mô lớn, phục vụ hoạt động chăn nuôi, trồng trọt.

Chú trọng đầu tư, sản xuất nguồn năng lượng sạch. Tập đoàn đã, đang và chuẩn bị đầu tư, đưa vào khai thác nhiều dự án thủy điện có tầm cỡ và quy mô cấp Quốc gia như: Thủy điện Đắkpôcô (Kon tum) công suất 15MW, thủy điện Tân thượng 22 MW....

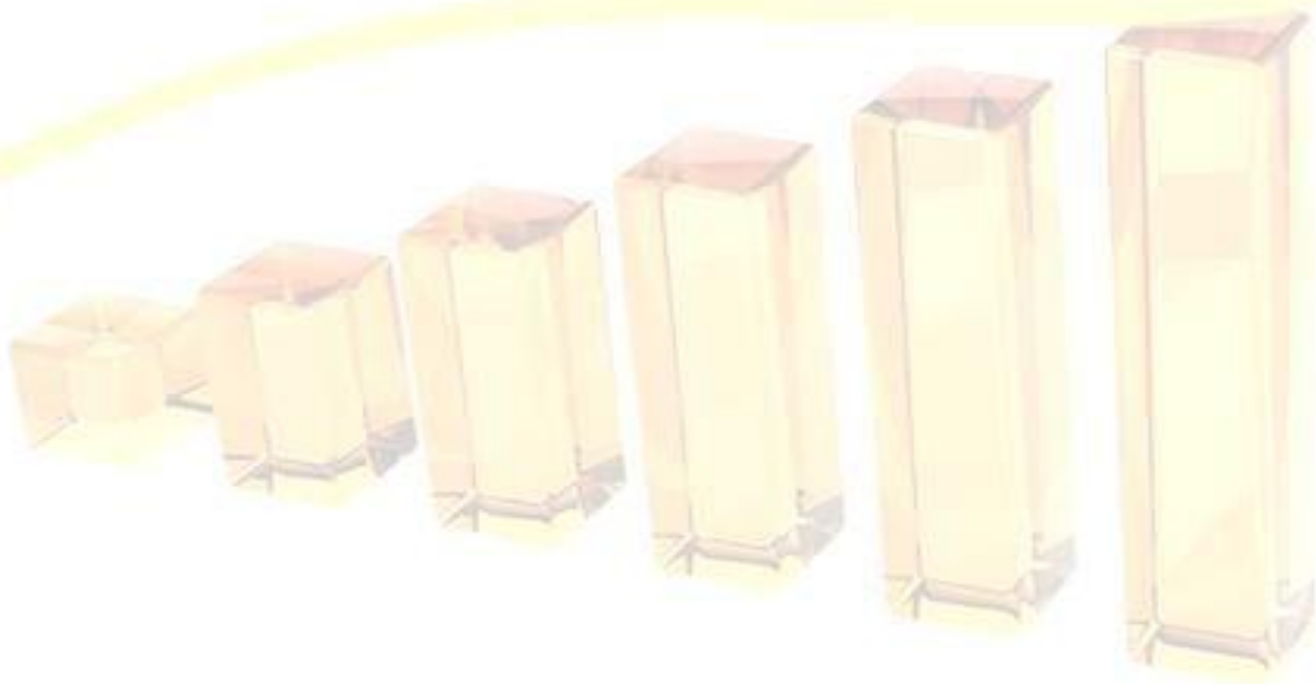
NĂNG LƯỢNG

DLGL chính thức bổ sung bất động sản vào chiến lược tái cấu trúc. Trong năm 2016, DLGL sẽ khởi công đầu tư xây dựng 03 dự án tại Quận 7, Quận 8 và Quận Bình Tân với trên 2.500 căn hộ, tổng mức đầu tư khoảng 4.000 tỷ đồng, dự kiến năm 2016 DLG sẽ thu về từ 700-800 tỷ đồng từ công tác bán hàng.

Ngoài 4 lĩnh vực trọng tâm là Cơ sở hạ tầng, sản xuất linh kiện điện tử, nông nghiệp, năng lượng và bất động sản, Ban Tổng giám đốc vẫn tiếp tục đầu tư theo chiều sâu các dự án, các lĩnh vực truyền thống như: Kinh doanh bến xe; Dịch vụ bảo vệ, vệ sĩ....

Thực hiện rà soát lại toàn bộ những đơn vị, chi nhánh hoạt động kém hiệu quả nhằm hạn chế đầu tư dàn trải mà đầu tư có chọn lọc và thật tập trung vào một số dự án trọng tâm, trọng điểm thuộc các ngành nghề chiến lược mà Tập đoàn đang có nhiều lợi thế để phát sinh doanh thu và mang lại lợi nhuận cao để đảm bảo tập trung sức mạnh và nguồn lực, phát triển theo hướng chuyên ngành.

Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không





**BÁO CÁO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY**



Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Kinh tế - xã hội năm 2015 diễn ra trong bối cảnh thị trường toàn cầu vẫn còn nhiều bất ổn, kinh tế thế giới đối mặt với nhiều rủi ro lớn với các nhân tố khó lường. Tình hình địa chính trị quốc tế diễn biến hết sức phức tạp. Khủng hoảng di cư bùng nổ tại các nước Châu Âu. Tấn công khủng bố diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới. Thương mại toàn cầu sụt giảm. Kinh tế thế giới chưa lấy lại được đà tăng trưởng. Giá dầu thô, giá vàng, Đô la Mỹ và thị trường chứng khoán liên tục biến động, suy giảm và tiềm ẩn nhiều rủi ro; cùng với việc phá giá đồng Nhân dân tệ và tăng trưởng sụt giảm của kinh tế Trung Quốc đã tác động mạnh tới nền kinh tế trong nước nói riêng và kinh tế thế giới nói chung.

Trong nước, mặc dù bị ảnh hưởng bởi sự bất ổn của kinh tế thế giới, làm cho giá cả các mặt hàng thiết yếu bị suy giảm, nhưng nhìn chung, kinh tế vĩ mô của đất nước tăng trưởng ổn định, tổng sản phẩm (GDP) tăng 6,68%, là mức tăng cao nhất 5 năm qua. Lạm phát được kiềm chế. Thị trường bất động sản phục hồi. Thị trường chứng khoán thanh khoản tốt. Tăng trưởng tín dụng ổn định, lãi suất giảm, đóng góp thiết thực vào quá trình phát triển kinh tế xã hội. Đại hội lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam thành công tốt đẹp, đã quyết định các chức danh chủ chốt của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Quốc hội, hứa hẹn sẽ mang lại nhiều sự thay đổi tích cực về chủ trương và chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Về đối ngoại, nước ta ngày càng hội nhập sâu rộng vào đời sống chính trị kinh tế quốc tế, được đánh dấu bằng việc nhiều hiệp định thương mại đã được ký kết, đặc biệt là Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) đã chính thức được ký kết vào ngày 04/02/2016 vừa qua.

Trong bối cảnh trên, HĐQT ĐLGL đã luôn theo sát diễn biến của nền kinh tế và các chính sách tài chính, tiền tệ của Chính phủ, chủ động dự báo, nhận định tình hình để đề ra những biện pháp ứng phó kịp thời, liên tục điều chỉnh để phù hợp với mọi biến động của thị trường. Tập đoàn đã xác định định hướng chiến lược, là: Một mặt, chú trọng các ngành nghề kinh doanh truyền thống; mặt khác, tập trung đầu tư vào những dự án, ngành nghề chiến lược thuộc các lĩnh vực mà Tập đoàn đang có lợi thế.

Chủ trương đúng đắn đó đã được thể hiện qua những con số mà ĐLGL đã phấn đấu đạt được trong năm 2015, như sau: Tổng doanh thu 1.645 tỷ đồng, tăng 63,6%; lợi nhuận trước thuế 82,8 tỷ đồng, tăng 57,4% so với năm 2014. Mặc dù kết quả đạt được chưa đáp ứng được các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội cổ đông năm 2015 đề ra, nhưng tốc độ tăng trưởng được đánh giá là vượt bậc so với 05 năm gần đây, thỏa mãn được yêu cầu và đảm bảo được quyền lợi của cổ đông.

Năm 2015 ĐLGL đã tổ chức nhiều sự kiện, để lại dấu ấn quan trọng và ý nghĩa, đó là:

- Ngày **28/5/2015**, ĐLGL đã chính thức thông tuyến dự án BOT đoạn đường Hồ Chí

Minh qua tỉnh Gia Lai, từ Hàm Rồng (TP. Pleiku) đến Km 110, giáp ranh với tỉnh Đắk Lắk.

- Ngày **29/5/2016**, ĐLGL đã chính thức thông tuyến dự án BOT đoạn đường Hồ Chí Minh qua tỉnh Đắk Nông, từ Cầu 20 đến Cây Chanh, giáp ranh với tỉnh Bình Phước.

Với chất lượng công trình đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật và là các dự án đường giao thông có chất lượng hàng đầu của Việt Nam và đã đưa 04 trạm thu phí vào khai thác từ tháng 10/2015.

- Ngày **16/6/2015**, ĐLGL khởi công Dự án Khách sạn Đức Long Mỹ Khê với tiêu chuẩn 5 sao tại thành phố Đà Nẵng với vốn đầu tư 410 tỷ đồng.

- Ngày **16/7/2015**, ĐLGL đã sở hữu và nắm quyền điều hành Công ty Mass Noble của Mỹ có trụ sở tại New York, Văn phòng đại diện tại Hồng Kông và Nhà máy đóng tại thành phố Đông Quan, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

- Ngày **06/11/2015**, ĐLGL khởi công Dự án thủy điện Đăk Pô Cô tại huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum với công suất 18MW, điện lượng bình quân 72 triệu Kwh/năm, vốn đầu tư 525 tỷ đồng.

- Năm 2015 ĐLGL đã sở hữu và nắm quyền điều hành 08 dự án bất động sản thành phố Hồ Chí Minh, là cơ sở để ĐLGL mở rộng đầu tư, kinh doanh vào lĩnh vực ở một thị trường tiềm năng.

Ngoài ra, ĐLGL đã và đang triển khai nhiều dự án có tầm cỡ và quy mô lớn ở khu vực Tây Nguyên, như: 05 dự án nông nghiệp tại Đắk Lắk, Đắk Nông; các dự án thủy điện tại Đắk Nông, Lâm Đồng, Kon Tum; dự án Khu trung chuyển hàng hóa tại Khu Kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng, Lạng Sơn; các dự án đầu tư và sản xuất kinh doanh linh kiện điện tử tại thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng ... Các ngành nghề truyền thống vẫn đang hoạt động có hiệu quả, đóng góp một phần doanh thu và lợi nhuận không nhỏ cho ĐLGL.

ĐLGL luôn được các tổ chức tín dụng, quỹ đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư trong nước đánh giá, định hạng doanh nghiệp uy tín và mong muốn hợp tác lâu dài với ĐLGL bằng việc tài trợ nguồn vốn, tham gia làm đối tác chiến lược hoặc trở thành cổ đông lâu dài của ĐLGL. Đây là tiền đề hết sức quan trọng để ĐLGL triển khai thành công chiến lược đã đề ra.

Để củng cố sức mạnh tài chính, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, HĐQT ĐLGL đã đề ra lộ trình tăng vốn điều lệ, thông qua Đại hội đồng cổ đông. Số vốn tăng hàng năm, ban đầu là 270 tỷ, hiện nay đã lên đến 2.200 tỷ đồng. Việc tăng vốn điều lệ được thực hiện trên cơ sở chọn lọc và mời gọi các nhà đầu tư trong nước và quốc tế có uy tín và thương hiệu nhằm tạo nên hình ảnh và khẳng định thương hiệu của ĐLGL. Thông qua kiểm tra, giám sát và kiểm toán định kỳ, vốn được bảo toàn, sử dụng đúng mục đích và hiệu quả.

Trong năm qua, DLGL đã thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo, văn hóa và thể thao trong cả nước với số tiền tham gia gần 20 tỷ đồng. HĐQT DLGL cũng đã rất thành công trên lĩnh vực ngoại giao, giữ được mối quan hệ tốt, bền chặt với các đối tác, khách hàng trong nước và quốc tế, các cơ quan chức năng TW và địa phương, các cơ quan thông tấn, báo chí..., đồng thời đã góp phần không nhỏ, giúp các địa phương trong công tác ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Kết quả đạt được của DLGL đã được Đảng, Nhà nước ghi nhận, biểu dương, khen thưởng bằng nhiều hình thức.

Về quản trị nguồn nhân lực: Để thực hiện thành công Nghị quyết của Đại hội cổ đông 2014 và 2015, DLGL đã xây dựng hệ thống quản trị nhân sự chuyên nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế; có cơ chế tiền lương, tiền thưởng và môi trường, điều kiện làm việc hấp dẫn; thu hút, tuyển dụng và đào tạo được nhiều nhân sự cấp cao có năng lực, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao của Tập đoàn; đồng thời là cơ sở để điều chỉnh và bổ sung nhân sự trung, cao cấp phù hợp với chiến lược phát triển của Tập đoàn trong giai đoạn mới.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

HĐQT hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, luôn đảm bảo sự đồng thuận trong nội bộ, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành, liên tục điều chỉnh đối sách phù hợp với tình hình thực tế, nhờ đó đã chèo lái “con tàu” Đức Long Gia Lai đạt được kết quả khả quan. Kể từ khi được cổ phần hóa, HĐQT DLGL đã tổ chức thành công 08 kỳ đại hội cổ đông thường niên và trên 30 lần đại hội cổ đông bất thường. Nhìn chung, các kỳ đại hội cổ đông và các kỳ họp của HĐQT đều đạt được sự đồng thuận, nhất trí cao. Các thành viên HĐQT tham gia tích cực trong việc quyết định chính sách, đường lối hoạt động và chiến lược phát triển; xây dựng và ban hành các nghị quyết và các văn bản quan trọng để điều chỉnh các hoạt động của Tập đoàn. Các thành viên HĐQT đã nỗ lực, làm đúng trọng trách với mục tiêu duy nhất là giúp Tập đoàn thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra, tăng trưởng bền vững để hoàn thành sứ mệnh mà Đại hội đã tin tưởng, giao phó.

Năm 2015, HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định để chỉ đạo việc triển khai các nhiệm vụ quan trọng, góp phần quyết định cho thành công của chiến lược đã đề ra; tổ chức 12 cuộc họp định kỳ (mỗi tháng 01 lần). Ngoài ra, HĐQT và Chủ tịch HĐQT đã tổ chức hàng trăm cuộc họp chỉ đạo, điều hành và hàng nghìn cuộc điện đàm, trao đổi thông tin qua email và trao đổi trực tiếp giữa Chủ tịch HĐQT và các thành viên của HĐQT, kịp thời chỉ đạo hoạt động của Ban TGD và các phòng ban chức năng. Nội dung các cuộc họp tập trung vào việc đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh; triển khai các biện pháp đổi mới công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những biểu hiện lệch lạc. Ngoài Ban Cố vấn của HĐQT, Ban Kiểm soát nội bộ đã phát huy tốt vai trò

kiểm tra, giám sát và xử lý kịp thời, qua đó hỗ trợ tích cực hoạt động của Ban TGD. Công tác giám sát, đánh giá đã giúp Ban TGD chủ động điều hành công việc thường xuyên, nhất quán và hiệu quả, tuân thủ Điều lệ Công ty và Nghị quyết của HĐQT nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của mình. Với các cán bộ quản lý khác, HĐQT căn cứ chức năng nhiệm vụ được phân công, đối chiếu với kết quả hoàn thành, làm thước đo để đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, bổ nhiệm, điều động vào các vị trí thích hợp và thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng; đưa ra các quyết định phù hợp, kịp thời nhằm kiện toàn tổ chức bộ máy để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao trong chiến lược phát triển của ĐLGL.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Tập đoàn trung thành với chiến lược sau khi tái cấu trúc các ngành nghề, dựa trên các nguyên tắc cơ bản, giữ vững phương châm: ***“Đổi mới - Phát triển - Chia sẻ - Đoàn kết - Tôn chỉ pháp luật”***; với mục tiêu: ***“Xây dựng Công ty thành một tập đoàn đầu tư đa ngành mạnh hàng đầu của Việt nam cả về quy mô vốn, thương hiệu, công nghệ, năng lực quản trị, có khả năng hợp tác và hội nhập thành công trong nước và quốc tế; cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đồng bộ và chất lượng cao”***.

Tiếp tục và nhất quán thực hiện chiến lược tái cấu trúc với các ngành nghề trọng tâm: Cơ sở hạ tầng - Nông nghiệp - Sản xuất linh kiện điện tử - Năng lượng.

Ngoài ra, các năm qua, ĐLGL đã chuẩn bị quỹ đất, chờ thời cơ thuận lợi để đầu tư, phát triển các dự án bất động sản. Căn cứ diễn biến tình hình bất động sản trong cả nước đã phát triển một cách ổn định, mà đặc biệt là tại thành phố Hồ Chí Minh, do đó tại Đại hội lần này, Hội đồng quản trị ĐLGL đã bổ sung danh mục đầu tư và kinh doanh bất động sản vào ngành nghề chiến lược của ĐLGL.

Như vậy định hướng chiến lược của ĐLGL từ năm 2016 trở đi sẽ tập trung vào các ngành nghề chiến lược: Cơ sở hạ tầng; Nông nghiệp; Sản xuất linh kiện điện tử; Năng lượng và Bất động sản.

Để triển khai thực hiện thành công định hướng chiến lược đã đề ra, cần tập trung các giải pháp sau:

- Về cơ sở hạ tầng: Làm tốt công tác thu phí các dự án BOT. Tiếp tục thi công các hạng mục còn lại từ nguồn dự phòng các Dự án BOT. Ngoài ra, ĐLGL sẽ tiếp tục tìm

kiểm, đánh giá cũng như tham gia đấu thầu các dự án lớn về cơ sở hạ tầng: Khu trung chuyển hàng hóa, các dự án giao thông đường bộ, đường sắt, sân bay, cảng biển... trong cả nước;

- Về đầu tư, sản xuất linh kiện điện tử: Thực hiện tái cấu trúc và ổn định hoạt động của Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử Ansen tại thành phố Đông quản, tỉnh Quảng Đông. Đang đàm phán giai đoạn cuối để mua, sáp nhập thêm 01 Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử nữa tại Trung Quốc. Ngoài ra, DLGL đã hoàn thành việc mua Nhà máy điện tử có quy mô lớn tại Khu Công nghệ cao - Quận 9 thành phố HCM, chuẩn bị lắp đặt thiết bị máy móc để sản xuất ra sản phẩm xuất khẩu. Đồng thời DLGL đang hoàn thiện thủ tục để đầu tư thêm 01 nhà máy sản xuất đèn led tại thành phố Đà Nẵng.

- Về nông nghiệp: Ngoài việc chăm sóc duy trì vườn cao su hiện có, DLGL đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp theo định hướng đa ngành nghề, đa sản phẩm, tập trung phát triển trồng trọt và chăn nuôi, bao gồm các ngành nghề: Chăn nuôi bò giống, bò thịt, chè, cà phê... DLGL đã đăng ký làm nhà đầu tư chiến lược, mua cổ phần các doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa: Công ty chè Bầu Cạn, Công ty chè Biển Hồ, Công ty Cà phê Gia Lai và Trung tâm giống gia súc lớn tại tỉnh Bình Dương.

- Về năng lượng: Đẩy mạnh tiến độ thi công xây dựng Dự án thủy điện Đăk Pô Cô, dự kiến tháng 11/2017 sẽ hoàn thành việc xây dựng và bắt đầu bán điện thương mại. Trong tháng 7/2016 khởi công Dự án Tân Thượng tại tỉnh Lâm Đồng (công suất 22MW, điện lượng 90 triệu kWh/năm với tổng mức đầu tư 750 tỷ đồng) và chuẩn bị thủ tục đầu tư 04 dự án thủy điện khác tại địa bàn các tỉnh Tây Nguyên với tổng công suất 250 kWh, dự kiến sẽ hoàn thiện thủ tục pháp lý và khởi công từ 2017 - 2020

- Về bất động sản: Hoàn thiện thủ tục đầu tư 08 dự án bất động sản tại Quận 2, Quận 4, Quận 7, Quận 8 và Quận Bình Tân thành phố Hồ Chí Minh. Trước mắt, từ tháng 6 - 8/2016 sẽ khởi công đầu tư xây dựng 03 dự án: Đức Long Golden Land (Quận 7), Đức Long Newland (Quận 8) và Đức Long Western park (Quận Bình Tân) với trên 2.500 căn hộ, tổng mức đầu tư khoảng 4.000 tỷ đồng với định hướng tập trung đầu tư vào phân khúc thị trường các loại căn hộ vừa và nhỏ, Officetel và Shop house.

Định hướng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư 2016 - 2018:

Dự trên kết quả thực hiện năm 2015 và dự báo tình hình kinh tế chính trị trong nước thời gian sắp đến, HĐQT ĐLGL đưa ra các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận giai đoạn 2016 - 2018 như sau:

(ĐVT: Tỷ đồng)

| Chỉ tiêu | 2016 | 2017 | 2018 |
|--------------------|--------------|--------------|--------------|
| - Doanh thu | 2.800 | 3.500 | 4.000 |
| - Lợi nhuận | 220 | 300 | 450 |

Cơ sở để đề ra chỉ tiêu kế hoạch của giai đoạn 2016 - 2018 xuất phát từ tình hình kinh tế vĩ mô trong nước đang tiếp tục tăng trưởng ổn định; Nghị quyết của Quốc hội Khóa 13, Kỳ họp thứ 11, đã đề ra các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 2016-2020, theo đó tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân 5 năm 6,5-7%/năm. GDP bình quân đầu người năm 2020 khoảng 3.200-3.500 USD. Tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP năm 2020 khoảng 85%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm khoảng 32-34% GDP. Bội chi ngân sách Nhà nước năm 2020 dưới 4% GDP. Từ những thuận lợi của tình hình kinh tế thế giới và trong nước, thì đây là cơ hội cho ĐLGL, đồng thời là sự khẳng định cho việc đề ra các chỉ tiêu trên là hoàn toàn phù hợp.

Giải pháp tổ chức thực hiện

Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc nâng cao năng lực điều hành, hiệu lực, hiệu quả hoạt động, bám sát với thực tiễn sản xuất kinh doanh để thực hiện thành công các mục tiêu, chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Kiểm soát, chú trọng công tác kiểm soát nội bộ, giám sát, hậu kiểm để xử lý kịp thời, nhằm mục đích giúp cho việc sử dụng hiệu quả vốn của Tập đoàn.

Chỉ đạo đổi mới toàn diện công tác quản trị doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp, tiên tiến, hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế. Sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ nhân

viên chủ chốt đã gắn bó hơn 10 năm với ĐLGL, kết hợp với việc trẻ hóa nguồn nhân lực có chất lượng. Tiếp tục tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên để đảm nhận tốt nhiệm vụ của ĐLGL trong tình hình mới;

Duy trì các hoạt động giám sát, lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của HĐQT và nâng cao năng lực hoạt động của các thành viên HĐQT đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên HĐQT luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, trong sạch, vững mạnh, hoàn thành mọi nhiệm vụ mà HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao phó.

The background is a blue-toned collage of business-related icons including a cloud with an upward arrow, a printer, a person in a photo frame, a smartphone and tablet, a laptop, gears, a briefcase, an '@' symbol, an envelope, a document, a magnifying glass, a target, and a handshake. A central semi-transparent box contains the title and list items.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị

2. Ban Kiểm soát

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS



Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

| Họ và tên | Chức vụ | Cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) | Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác |
|--------------------------|--|-----------------|-----------|---|
| Bùi Pháp | Chủ tịch Hội đồng quản trị | 33.840.387 | 20,002 % | - Chủ tịch HĐQT tại 3 công ty thành viên - Ủy viên HĐQT tại 2 công ty thành viên - Chủ tịch HĐQT tại 1 công ty thành viên |
| Đỗ Thanh | Ủy viên Hội đồng quản trị | 19.950 | 0,012% | Ủy viên HĐQT tại 3 công ty thành viên |
| Nguyễn Đình Trạc | Ủy viên Hội đồng quản trị | 899.071 | 0,531% | Ủy viên HĐQT tại 5 công ty thành viên |
| Phạm Anh Hùng | Ủy viên Hội đồng quản trị | 0 | 0 | Ủy viên HĐQT tại 1 công ty thành viên. |
| Nguyễn Trung Kiên | Ủy viên Hội đồng quản trị | 10.032 | 0,006% | Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc tại 1 công ty thành viên |
| Ông Nguyễn Hồ Nam | Ủy viên Hội đồng quản trị (thành viên độc lập) | 0 | 0 | |
| Nguyễn Đăng Hải | Ủy viên Hội đồng quản trị | 0 | 0 | |
| Đoàn Nguyên Tiêu | Ủy viên Hội đồng quản trị (thành viên độc lập) | 0 | 0 | |



Ông Bùi Pháp

Năm sinh: 1962

Trình độ: Chuyên viên kinh tế

Quá trình công tác:

- 1995-12/06/2007: Giám đốc Xí Nghiệp tư doanh Đức Long Gia Lai

-13/06/2007-16/01/2010: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

- 17/01/2010 – nay : Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Ông Đỗ Thanh

Sinh năm: 1957

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1982 – **1986**: Kế toán trưởng Xí nghiệp cơ khí Gia Lai.

- 1987 – 1991: Chuyên viên kinh tế sở Công nghiệp Gia Lai.

- 1992 - 2001: Kế toán trưởng Xí nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu Gia Lai.

- 2002 - 2005: KTT kiêm trưởng phòng kinh doanh XNTD ĐLGL.

- 2006 - 06/2007: Phó giám đốc kinh doanh XNTD ĐLGL.

- 06/2007 - nay: Phó tổng giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.



Ông Phạm Anh Hùng

Năm sinh: 1972

Trình độ: Cử nhân luật

Quá trình công tác:

- 2000 - 2005: nhân viên kinh doanh nông sản công ty XNK Gia Lai.
- 2006 - 2010: nhân viên kinh doanh nông sản công ty TNHH An Lạc.
- 11/2010 - 04/2011: Trợ lý chủ tịch HĐQT Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- 04/2011 - 31/12/2013: Trưởng ban đầu tư Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- 01/01/2014 đến nay : Tổng Giám đốc Tập đoàn Đức Long Gia Lai .



Ông Nguyễn Đình Trạc

Năm sinh: 1957

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1976 – 1989: Kế toán Lâm trường An Hội, An Khê, Gia Lai
- 1990 – 2001: Kế toán trưởng Cty trồng rừng nguyên liệu công nghiệp Gia Lai
- 2002 – 2004: Giám đốc sản xuất XNTD Đức Long Gia Lai
- 2005 - 05/2007: Trợ lý Giám đốc XNTD Đức Long Gia Lai
- 06/2007 – 16/01/2010: Phó Tổng Giám đốc thường trực CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- 17/01/2010 – 31/12/2013: Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- 1/1/2014 đến nay : Ủy viên HĐQT Tập đoàn Đức Long Gia Lai.



**Ông Nguyễn Hồ Nam**

Năm sinh: 1978

Trình độ: Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng

Quá trình công tác:

- 2001 -2006: Trưởng phòng Tài chính kế toán, Trưởng phòng Kế toán quản trị Tập đoàn Unilever Việt Nam

-9/2006-01/2010: Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín

-01/2010-05/2012: Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng khoán NH Sài Gòn Thương Tín

-06/2012 - nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Thủ Phủ Tre và kiêm nhiệm thêm chức danh Ủy viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai từ tháng 11/2014.

Ông Nguyễn Trung Kiên

Năm sinh: 1974

Trình độ: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

- 1999 - 2003: Nhân viên kỹ thuật Công ty Công trình 86.

- 11/2003 - 07/2004: Kỹ sư xây dựng- Công ty thi công cơ giới- TCT xây dựng đường thủy.

- 03/2005 - 02/2007: Nhân viên ban QLDA bến xe Đức Long Gia Lai.

- 03/2007 - 08/2010: Giám đốc, Ban QLDA Đức Long Tower- Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

- 09/2010 - 10/2012: Giám đốc Công ty TNHH Hà Trung..

- 10/2012 -5/2013 : Giám đốc Công ty CP BOT & Đức Long Đak Nông.

- 5/2013 đến nay : Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty CP BOT & Đức Long Đak Nông



Ông Nguyễn Đăng Hải

Năm sinh: 1975

Trình độ: Cử nhân Tài chính doanh nghiệp

Quá trình công tác:

- 1998 -2006: Quản lý Tài chính, kế toán bán hàng, tiếp thị Tập đoàn Unilever Việt Nam
- 2006-2013: Quản lý các dự án tái cấu trúc Doanh nghiệp và xây dựng mới Doanh nghiệp cho các Công ty Việt Nam.
- 2014 đến nay: Tổng giám đốc Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai. Đến tháng 11/2014, kiêm nhiệm thêm chức danh Ủy viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

**Ông Đoàn Nguyên Tiêu**

Năm sinh: 1976

Trình độ: Tiến sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

- 01/2002 -5/2006: Giáo sư trợ giảng City University of New York
- 12/2006 -6/2008: Nghiên cứu sinh Columbia University
- 02/2008-08/2008: Giám đốc điều hành Young New York Patners, LLC.
- 06/2008 – 02/2010: Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc điều hành HRCITI Corp
- 08/2009-nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành Asia Global Capital Group, Inc. Đến tháng 11/2014, kiêm nhiệm thêm chức danh Ủy viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT mà chỉ phân công nhiệm vụ để tham mưu, giúp việc cho HĐQT cụ thể:

- Chánh văn phòng kiêm nhiệm Thư ký Công ty
- Ban Nội chính kiêm nhiệm công tác tổ chức thi đua, khen thưởng lao động tuân thủ theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty
- Ban kiểm soát nội bộ thực hiện công tác kiểm soát dòng tiền, kiểm soát nghiệp vụ
- Các trợ lý Chủ tịch HĐQT thực hiện nhiệm vụ Trợ lý, tham mưu về chiến lược phát triển, kế hoạch tài chính, tổ chức thực hiện các Nghị Quyết của HĐQT.

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Tổng kết các cuộc họp trong năm 2015

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|-----------------------|----------|---------------------|-------|--|
| 1 | Ông Bùi Pháp | Chủ tịch | 26/26 | 100% | |
| 2 | Ông Đỗ Thanh | Ủy viên | 26/26 | 100% | |
| 3 | Ông Nguyễn Đình Trạc | Ủy viên | 26/26 | 100% | |
| 4 | Ông Phạm Anh Hùng | Ủy viên | 26/26 | 100% | |
| 5 | Ông Nguyễn Trung Kiên | Ủy viên | 17/26 | 65% | Đi công tác |
| 6 | Ông Nguyễn Hồ Nam | Ủy viên | 4/4 | 100% | Đi công tác, ở xa ủy quyền cho Hội đồng thường trực HĐQT Tập đoàn. |
| 7 | Nguyễn Đăng Hải | Ủy viên | 4/4 | 100% | Đi công tác, ở xa ủy quyền cho Hội đồng thường trực HĐQT Tập đoàn. |
| 8 | Đoàn Nguyên Tiêu | Ủy viên | 4/4 | 100% | Đi công tác, ở xa ủy quyền cho Hội đồng thường trực HĐQT Tập đoàn. |

Các thành viên HĐQT không thường trực bao gồm ông Nguyễn Hồ Nam, ông Nguyễn Đăng Hải và ông Đoàn Nguyên Tiêu đã có văn bản ủy quyền cho Hội đồng thường trực của Hội đồng quản trị CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai ban hành các nghị quyết và quyết định đối với hoạt động SXKD, đầu tư của DLG. Đồng thời Hội đồng thường trực của Hội đồng quản trị CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai phải có trách nhiệm báo cáo lại các thành viên HĐQT không thường trực các vấn đề liên quan.

Tổng kết tình hình ban hành các Quyết định HĐQT

| STT | Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|-----------------|------------|--|
| 1 | 04/QĐ-HĐQT-ĐLGL | 17/01/2015 | Về việc cho thuê tài sản Bến xe tải Đức Long Gia Lai |
| 2 | 06/QĐ-HĐQT-ĐLGL | 17/01/2015 | Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2015. Đơn vị: CTCP Đức Long Đà Nẵng. |
| 3 | 07/QĐ-HĐQT-ĐLGL | 17/01/2015 | Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2015. Đơn vị: CTCP dịch vụ bảo vệ Đức Long Gia Lai |
| 4 | 08/QĐ-HQT-ĐLGL | 17/01/2015 | Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2015. Đơn vị: Công ty TNHH Đức Long Dung Quất. |
| 5 | 09/QĐ-HĐQT-ĐLGL | 17/01/2015 | Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2015. Đơn vị: Công ty CP chế biến gỗ Đức Long Gia Lai. |
| 6 | 10/QĐ-HĐQT-ĐLGL | 17/01/2015 | Về việc ban hành quy chế khen thưởng, xử phạt trong kế hoạch SXKD năm 2015 của CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai. |
| 7 | 13/QĐ-HĐQT-ĐLGL | 19/01/2015 | Về việc thông qua phương án chi tiết phát hành riêng lẻ trái phiếu chuyển đổi |
| 8 | 14/QĐ-HĐQT-ĐLGL | 21/01/2015 | Về việc phê duyệt kế hoạch tập luyện, thi đấu và tổng kinh phí năm 2015 của Đội bóng chuyển Đức Long Gia Lai |
| 9 | 16/QĐ-HĐQT-ĐLGL | 21/01/2015 | Về việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2015 |
| 10 | 17/QĐ-HĐQT-ĐLGL | 19/01/2015 | Ủy quyền cho Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai triển khai thực hiện nhiệm vụ kinh doanh đầu tư lĩnh vực nông nghiệp của Tập đoàn Đức Long Gia Lai. |
| 11 | 18/QĐ-HĐQT-ĐLGL | 31/01/2015 | Về việc chi quà tết cho CBNV dịp tết nguyên đán. |
| 12 | 19/QĐ-HĐQT-ĐLGL | 05/03/2015 | Về việc thực hiện tổ chuyên trách thực hiện các thủ tục pháp lý cho các dự án do Tập đoàn ĐLGL đã và đang đầu tư tại địa bán tỉnh Gia Lai. |

| STT | Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|-----------------|------------|--|
| 13 | 21/QĐ-HĐQT-ĐLGL | 19/03/2015 | Về việc phê duyệt kế hoạch, hoạt động công tác PR năm 2015 |
| 14 | 23/QĐ-HĐQT-ĐLGL | 24/03/2015 | Về việc thành lập Ban tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 của CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai. |
| 15 | 24/QĐ-HĐQT-ĐLGL | 31/03/2015 | Về việc chuyển nhượng cổ phần của CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai hiện đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần khoáng sản và luyện kim Tây Nguyên. |
| 16 | 25/QĐ-HĐQT-ĐLGL | 31/03/2015 | Về việc chuyển nhượng cổ phần của CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai hiện đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần chế biến gỗ Đức Long Gia Lai. |
| 17 | 31/QĐ-HĐQT-ĐLGL | 29/04/2015 | Về việc chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Khai thác & chế biến khoáng sản Đức Long Gia Lai do CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai làm chủ sở hữu cho ông Nguyễn Văn Hức. |
| 18 | 41/QĐ-HĐQT-ĐLGL | 16/06/2015 | V/v thông qua việc phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần |
| 19 | 52/QĐ-HĐQT-ĐLGL | 29/07/2015 | V/v đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung 19.932.609 cổ phiếu |
| 20 | 54/QĐ-HĐQT-ĐLGL | 04/08/2015 | V/v thay đổi người đại diện quản lý vốn góp tại Công ty Cổ phần Trồng rừng và Cây công nghiệp Đức Long Gia Lai |
| 21 | 66/QĐ-HĐQT-ĐLGL | 25/09/2015 | V/v góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Đức Long Gia Lai |
| 22 | 68/QĐ-HĐQT-ĐLGL | 29/09/2015 | V/v chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng cầu đường Phước Hoàng Long |
| 23 | 69/QĐ-HĐQT-ĐLGL | 29/09/2015 | V/v chuyển nhượng quyền góp vốn và toàn bộ vốn đã góp tại CTCP Xây dựng giao thông Minh Long Gia Lai |
| 24 | 72/QĐ-HĐQT-ĐLGL | 31/10/2015 | V/v nhận chuyển nhượng phần vốn góp của cổ đông sáng lập hiện đang nắm giữ tại CTCP Năng lượng Tân Thượng và ủy quyền người đại diện quản lý vốn góp. |
| 25 | 73/QĐ-HĐQT-ĐLGL | 31/10/2015 | V/v góp thêm vốn tại CTCP Năng lượng Tân Thượng và ủy quyền người đại diện quản lý vốn góp. |
| 26 | 74/QĐ-HĐQT-ĐLGL | 30/11/2015 | V/v đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015. |

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Công ty có 2 thành viên Hội đồng quản trị độc lập là Ông Nguyễn Hồ Nam và Ông Đoàn Nguyên Tiêu. Trong năm thành viên hội đồng quản trị độc lập đã tham gia hoạt động giám sát tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2015, tham mưu Hội đồng quản trị để đưa ra những quyết sách hoạt động hỗ trợ công tác quản lý, điều hành của Ban lãnh đạo Công ty.

Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số lượng cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ |
|-----|-------------------|----------------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | Phan Thị Ngọc Anh | Trưởng Ban Kiểm Soát | 0 | 0 |
| 2 | Nguyễn Văn Nguyên | Thành viên | 0 | 0 |
| 3 | Lê Ngọc Minh | Thành viên | 0 | 0 |

Hoạt động của BKS trong năm

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai, căn cứ đặc điểm tình hình SXKD của Tập đoàn, Ban kiểm soát dựa vào các Điều lệ, quy chế mà lập chương trình kế hoạch kiểm tra, kiểm soát năm 2015.

Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2015, tổ chức ngày 24/4/2015, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

Ngày 25/4/2015, Ban kiểm soát đã tiến hành họp và các thành viên đã nhất trí bầu bà Phan Thị Ngọc Anh giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát. Các thành viên còn lại gồm:

- Ông Lê Ngọc Minh - Thành viên Ban Kiểm soát
- Ông Nguyễn Văn Nguyên - Thành viên Ban Kiểm soát

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát theo đúng Quy định Điều lệ Công ty, trong năm 2015 Ban Kiểm soát đã tổ chức 4 cuộc họp định kỳ hàng quý, đồng thời liên tục thực hiện hoạt động kiểm tra, kiểm soát, cụ thể như sau:

- Thẩm định báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2015 và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 của Tập đoàn.
- Kiểm tra tình hình hoạt động SXKD của công ty mẹ và các công ty thành viên.
- Kiểm tra việc thực hiện các chuẩn mực kế toán, các kỳ báo cáo tài chính; báo cáo tình hình SXKD hằng năm của công ty và tham gia báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- Theo dõi, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh, linh kiện điện tử, Năng lượng, Thủy điện, Nông Nghiệp, dịch vụ bến xe, bãi đỗ, nhà hàng khách sạn, khu nghỉ dưỡng, dịch vụ bảo vệ và các hoạt động khác.
- Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015, việc chấp hành Điều lệ công ty, chấp hành Pháp luật Nhà nước và các Quy chế, Quy định, Quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý thực hiện điều hành nhiệm vụ năm 2015.

Thống kê các buổi họp: trong năm 2015, BKS đã tổ chức 03 buổi họp với các nội dung cụ thể:

| STT | Ngày họp | Nội dung chi tiết |
|-----|------------|--|
| 1 | 01/04/2015 | Đánh giá kết quả hoạt động của ban kiểm soát trong năm 2014 và kế hoạch công việc của ban kiểm soát trong năm 2015 |
| 2 | 01/07/2015 | Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong 6 tháng đầu năm 2015 và triển khai các công việc trong 6 tháng cuối năm 2015. |
| 3 | 25/09/2015 | Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tại các công ty thành viên trong 9 tháng đầu năm 2015 |

Ngoài ra BKS tham dự các cuộc họp của HĐQT và tham gia góp ý, chất vấn các nội dung nêu ra trong các cuộc họp của HĐQT.

Đối với cổ đông: BKS không nhận được đơn thư khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, sự điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát nhận được sự phối hợp, hỗ trợ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc cũng như các Phòng/Ban nghiệp vụ khác để Ban KS thực hiện nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao được tốt hơn.

Đánh giá của BKS

Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

- Hội đồng quản trị Công ty duy trì ổn định 08 thành viên, gồm Chủ tịch và 07 Ủy viên HĐQT. Trong đó, Hội đồng quản trị thường trực gồm 05 thành viên. Hội đồng quản trị không thường trực gồm 03 thành viên.

- Hoạt động của HĐQT trong năm 2015 là phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và của Công ty.

- HĐQT đã xây dựng chiến lược kinh doanh trung và dài hạn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế nói chung và năng lực của Tập đoàn trong giai đoạn hiện nay.

- Hội đồng quản trị luôn duy trì các kỳ họp định kỳ và đột xuất. Trong năm 2015 Hội đồng quản trị đã thường xuyên tổ chức cuộc họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo việc triển khai các nhiệm vụ và định hướng quan trọng.

- Ban TGD chỉ đạo điều hành Công ty theo đúng Điều lệ, Nghị quyết của HĐQT, tuân thủ các quy định Pháp luật hiện hành. Đến tại thời điểm này Ban kiểm soát chưa phát hiện trường hợp bất thường nào trong mọi hoạt động Tài chính của Công ty.

Qua các kỳ kiểm tra, Ban kiểm soát thống nhất nội dung báo cáo, cơ bản đồng ý với đánh giá về tình hình hoạt động SXKD, báo cáo Tài chính của HĐQT, Ban TGD đưa ra; và đồng ý với báo cáo của Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban TGD và các Cổ đông.

Ban TGD Công ty có 6 người (01 Tổng Giám đốc và 05 Phó Tổng Giám đốc). Trong năm 2015, Ban TGD và các cán bộ quản lý chủ chốt đã không ngừng cố gắng, nỗ lực trong công tác quản lý và điều hành để duy trì ổn định Công ty, đảm bảo quyền và lợi ích của các cổ đông. Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban TGD được thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại Hội cổ đông; các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trong năm 2015, đích thân chủ tịch HĐQT đã có thông cáo báo chí giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư liên quan đến cổ phiếu DLG.

Hội đồng quản trị và Ban TGD đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát tiến hành hoạt động kiểm tra, thẩm định các báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2015 và kế hoạch, biện pháp thực hiện năm 2015; báo cáo nội dung tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hằng năm của các Công ty thành viên năm 2015 theo đúng quy định.

BKS luôn nhận được đầy đủ các thông tin và các quyết định của HĐQT, Ban TGD. Sự phối hợp giữa HĐQT, Ban TGD, BKS chặt chẽ và nghiêm túc nhằm thực hiện tốt nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Kiến nghị

Cần quyết liệt chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch SXKD toàn tập đoàn để đưa ra các giải pháp cụ thể nhanh chóng, kịp thời chỉ đạo các Công ty thành viên thực hiện tốt kế hoạch SXKD và đầu tư.

Xây dựng kế hoạch SXKD hằng năm phù hợp với năng lực, nguồn lực của Công ty để đảm bảo kế hoạch đề ra và khi thực hiện có tính khả thi cao.

Tiếp tục xây dựng chiến lược trung và dài hạn hoàn thiện quá trình tái cơ cấu của Công ty.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích trong năm: do kết quả kinh doanh trong năm không đạt như kỳ vọng nên các thành viên HĐQT, BKS tự nguyện không nhận thù lao, thưởng và các lợi ích khác.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã xây dựng quy chế quản trị công ty từ năm 2010 và thực hiện xuyên suốt quá trình hoạt động từ trước đến nay. Đồng thời, Công ty cũng xây dựng quy trình quản lý, giám sát, thực hiện công việc để tăng hiệu quả công việc. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cùng theo đuổi mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất, nâng cao hiệu quả kinh doanh, khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2015 ĐÃ KIỂM TOÁN

Ý kiến kiểm toán

Bảng cân đối kế toán

Kết quả kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Thuyết minh báo cáo tài chính

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dnng.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 482/2016/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 20/03/2016, từ trang 6 đến trang 65, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2016


Nguyễn Hà Trung – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2444-2013-010-1

Báo cáo này được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính và Thuyết minh báo cáo đính kèm

Trang 5

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2015 VND | 01/01/2015 VND |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 3.135.385.580.757 | 1.901.481.385.683 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 220.107.949.123 | 106.621.225.448 |
| 1. Tiền | 111 | | 96.121.254.089 | 88.321.225.448 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 123.986.695.034 | 18.300.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 837.264.666.667 | 340.000.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | 6 | 264.000.000.000 | - |
| 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 7.a.1 | 573.264.666.667 | 340.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 1.523.713.012.610 | 1.035.308.268.253 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 8 | 421.320.582.095 | 251.508.882.295 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 9 | 196.979.291.054 | 92.738.960.959 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 10.a | 701.001.957.372 | 496.620.171.148 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 11.a | 217.129.586.506 | 203.252.605.452 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 12 | (12.727.607.230) | (8.821.554.414) |
| 6. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | 9.202.813 | 9.202.813 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 13 | 535.383.509.352 | 381.765.003.773 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 555.758.377.420 | 381.765.003.773 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (20.374.868.068) | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 18.916.443.005 | 37.786.888.209 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 14.a | 1.201.639.542 | 965.104.142 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 17.209.941.556 | 36.783.351.157 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 22.a | 504.861.907 | 38.432.910 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 3.680.221.906.917 | 2.205.182.919.630 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 182.708.702.723 | 219.660.747.218 |
| 1. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | 10.b | 157.343.713.318 | 219.267.747.218 |
| 2. Phải thu dài hạn khác | 216 | 11.b | 25.364.989.405 | 393.000.000 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 2.536.676.671.940 | 222.422.233.560 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 15 | 2.472.217.311.059 | 168.282.323.695 |
| - Nguyên giá | 222 | | 2.837.238.847.437 | 221.982.830.756 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (365.021.536.378) | (53.700.507.061) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 16 | 64.459.360.881 | 54.139.909.865 |
| - Nguyên giá | 228 | | 166.169.051.175 | 54.585.204.763 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (101.709.690.294) | (445.294.898) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | 17 | 108.928.078.646 | 112.863.719.865 |
| - Nguyên giá | 231 | | 121.311.884.456 | 124.210.456.151 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (12.383.805.810) | (11.346.736.286) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 460.347.766.841 | 1.552.703.097.068 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 18 | 460.347.766.841 | 1.552.703.097.068 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 41.337.243.414 | 87.595.592.293 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | 7.b | 26.450.981.778 | 26.246.489.601 |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 7.c | 15.751.500.000 | 62.017.800.000 |
| 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (2.265.238.364) | (5.068.697.308) |
| 4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | 7.a.2 | 1.400.000.000 | 4.400.000.000 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 350.223.443.353 | 9.937.529.626 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 14.b | 41.474.594.822 | 4.076.567.242 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 18.164.978.676 | 5.860.962.384 |
| 3. Lợi thế thương mại | 269 | 19 | 290.583.869.855 | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 6.815.607.487.674 | 4.106.664.305.313 |

Thuyết minh kèm theo từ trang 10 đến trang 65 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính này

Trang 6

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2015 VND | 01/01/2015 VND |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A. Nợ phải trả | 300 | | 4.659.167.400.422 | 2.439.559.634.144 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.201.278.547.823 | 648.279.945.358 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 20 | 609.145.972.928 | 205.487.084.131 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 21 | 40.826.783.914 | 8.708.898.399 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước | 313 | 22.b | 51.611.529.683 | 31.102.653.266 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 24.575.230.736 | 5.358.960.448 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 23 | 44.274.125.874 | 21.877.644.412 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 24 | 496.919.698 | 127.328.029 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 25.a | 113.132.159.636 | 122.573.876.554 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 26.a | 317.745.315.095 | 251.931.779.860 |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | (529.489.741) | 1.111.720.259 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 3.457.888.852.599 | 1.791.279.688.786 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | 25.b | 74.595.230.845 | - |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 26.b | 2.915.632.941.375 | 1.790.554.533.424 |
| 3. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | 27.b | 438.110.772.258 | - |
| 4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | 2.629.387.586 | 725.155.362 |
| 5. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | 28 | 26.920.520.535 | - |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 2.156.440.087.252 | 1.667.104.671.169 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 2.156.440.087.252 | 1.667.104.671.169 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 29 | 1.691.861.170.000 | 1.492.535.080.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 1.691.861.170.000 | 1.492.535.080.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 29 | 49.928.104.500 | 819.082.000 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | 29 | 94.188.783.378 | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | 29 | 8.977.680.000 | - |
| 5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | 29 | 10.031.813.727 | - |
| 6. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 29 | 11.134.542.824 | 11.134.542.824 |
| 7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 29 | 133.480.076.884 | 54.165.749.925 |
| - LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 45.188.069.925 | 142.177.962 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 88.292.006.959 | 54.023.571.963 |
| 8. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 429 | | 156.837.915.939 | 108.450.216.420 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 6.815.607.487.674 | 4.106.664.305.313 |



Phạm Anh Hùng

Gia Lai, ngày 20 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng



Vũ Thị Hải

Người lập biểu



Nguyễn Thị Phương Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 31 | 1.645.084.969.683 | 1.005.809.203.566 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 32 | 7.369.879.408 | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ | 10 | | 1.637.715.090.275 | 1.005.809.203.566 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 33 | 1.481.048.765.115 | 900.026.622.354 |
| 5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ | 20 | | 156.666.325.160 | 105.782.581.212 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 34 | 104.493.457.068 | 80.695.375.782 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 35 | 159.455.236.286 | 103.283.314.270 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 162.207.084.144 | 101.318.290.886 |
| 8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, l.doanh | 24 | | 204.492.177 | (48.160.527) |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | 36.a | 14.521.100.051 | 2.394.767.348 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 36.b | 64.186.030.221 | 33.322.592.570 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 23.201.907.847 | 47.429.122.279 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | 37 | 64.029.845.334 | 7.172.215.253 |
| 13. Chi phí khác | 32 | 38 | 4.422.348.561 | 1.991.845.218 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | 59.607.496.773 | 5.180.370.035 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 82.809.404.620 | 52.609.492.314 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 39 | 7.073.815.733 | 5.002.675.960 |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | (5.325.788.529) | (6.660.670.910) |
| 18. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | 81.061.377.416 | 54.267.487.264 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ | 61 | | 82.680.971.121 | 52.796.969.817 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | (1.619.593.705) | 1.470.517.447 |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 40 | 522 | 533 |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | 40 | 522 | 533 |



Tổng Giám đốc

Phạm Anh Hùng

Gia Lai, ngày 20 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hải

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 03-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|--|----------------------|----------------------------|----------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 82.809.404.620 | 52.609.492.314 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao TSCĐ | 02 | (13.653.806.767) | 11.006.030.027 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 516.761.952 | 5.274.073.294 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | (1.135.421) | (6.234.704) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (104.302.257.013) | (80.565.400.314) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 162.207.084.144 | 101.318.290.886 |
| 3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 127.576.051.515 | 89.636.251.503 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (52.505.789.139) | (71.270.044.224) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 14.091.662.642 | (48.120.523.575) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | 144.447.432.135 | 18.965.632.494 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 459.148.443 | (5.911.153.204) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | (211.831.833.772) | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (97.399.626.110) | (66.646.336.907) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (15.864.741.825) | (3.068.253.092) |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (1.641.210.000) | (339.375.674) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (92.668.906.111) | (86.753.802.679) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác | 21 | (1.302.556.066.334) | (881.745.387.007) |
| 2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác | 22 | 127.537.335 | 25.000.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (2.063.030.289.499) | (844.771.741.346) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác | 24 | 1.644.570.192.228 | 290.037.250.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | 13.603.782.108 | (3.766.300.000) |
| 5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 130.645.248.370 | 28.851.200.000 |
| 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 51.452.286.399 | 35.557.385.995 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (1.525.187.309.393) | (1.375.812.592.358) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | 148.188.783.378 | 702.937.700.000 |
| 2. Tiền thu từ đi vay | 33 | 2.953.204.463.589 | 963.954.520.236 |
| 3. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (1.370.264.135.087) | (179.378.873.245) |
| 4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | (419.851.563) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 1.731.129.111.880 | 1.487.093.495.428 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | 113.272.896.376 | 24.527.100.391 |
| Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ | 60 | 106.621.225.448 | 82.088.914.921 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ | 61 | 213.827.299 | 5.210.136 |
| Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ | 70 | 220.107.949.123 | 106.621.225.448 |



Phạm Anh Hùng
Gia Lai, ngày 20 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hải

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Thủy

Thuyết minh kèm theo từ trang 10 đến trang 65 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

Trang 9

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động**1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tên giao dịch bằng tiếng Anh là Duc Long Gia Lai Group JSC, sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900415863 ngày 13 tháng 06 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 25 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 26/08/2015. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 114/QĐ-SGDHCM ngày 14/06/2010 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DLG. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 22/06/2010.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất thành phẩm từ gỗ, sản xuất sản phẩm nông nghiệp (bắp, đậu nành...), khai thác đá, kinh doanh thương mại, hoạt động xây lắp và kinh doanh dịch vụ (cho thuê tài sản, khách sạn,...).

1.3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, bằng vật liệu khác);
- Trồng cây cao su; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải bằng xe buýt; Dịch vụ ăn uống khác;
- Khai thác quặng sắt; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT));
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị; Cho thuê văn phòng); Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (Chi tiết: Phát hành vé xem thi đấu thể thao);
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: Cầu đường, dân dụng và công nghiệp);
- Cơ sở lưu trú khác (Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày);
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động thể thao khác; Quảng cáo;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Cát tạo dáng và hoàn thiện đá (Chi tiết: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; Chế biến khoáng sản);
- Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (Chi tiết: Gia công cao su mũ cốp);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (Chi tiết: Mua bán cao su mũ côm; Mua bán phân bón; Bán buôn nhựa đường, bê tông nhựa đường, bê tông xi măng);
- Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp; Bán buôn đá, cát, sỏi, xi măng);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ);
- Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu; Đại lý mua bán các chất bôi trơn làm sạch động cơ);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu (Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư);
- Hoạt động quản lý quỹ (Chi tiết: Quản lý quỹ chung);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Không hoạt động tại trụ sở chính);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm);
- Sản xuất linh kiện điện tử (Chi tiết: Sản xuất, gia công linh kiện điện tử);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Bán buôn nông sản (trừ mù cao su); Bán buôn trâu, bò).

1.4. Cấu trúc tập đoàn

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho Công ty và 16 Công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”). Tất cả các công ty con đã được hợp nhất vào Báo cáo tài chính. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

Thông tin về tái cấu trúc tập đoàn:

- Công ty con được mua thêm trong kỳ:
 - ✓ Công ty Cổ phần Năng lượng Tân Thượng;
 - ✓ Công ty TNHH Mass Noble Investments.
- Trong kỳ Công ty đã thoái vốn tại 04 công ty con, gồm:
 - ✓ Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Long Gia Lai (kết thúc kiểm soát ngày 31/03/2015);
 - ✓ Công ty TNHH MTV Khai thác và Chế biến Khoáng sản Đức Long Gia Lai (kết thúc kiểm soát ngày 29/04/2015);
 - ✓ Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Minh Long Gia Lai (kết thúc kiểm soát ngày 29/09/2015);
 - ✓ Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Cầu đường Phước Hoàng Long (kết thúc kiểm soát ngày 29/09/2015).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Danh sách các Công ty con được hợp nhất (gồm 16 công ty)**1. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai**

- o Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải bằng đường bộ; Vận tải khách bằng xe buýt; Vận tải khách theo tuyến cố định; Vận tải hàng; Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ ăn uống khác; Đại lý mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn tổng hợp; Hoạt động vui chơi, giải trí khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Cho thuê văn phòng; Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng; Vận tải hành khách theo hợp đồng; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác.
- o Vốn điều lệ: 31.420.260.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 54,67%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 54,67%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai

- o Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình giao thông, công trình hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Lắp đặt công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình giao thông, công trình hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Sản xuất, chế tạo vật tư, cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường; Mua bán vật tư cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường; Quảng cáo; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất; Dịch vụ lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các mặt hàng công ty kinh doanh; Đầu tư, quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy điện, thủy lợi; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật khác; Xây dựng công trình thủy điện, thủy lợi; Phá dỡ công trình; Chuẩn bị mặt bằng xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện, cơ khí thủy công, các công trình công nghiệp, dân dụng và nhà máy thủy điện.
- o Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 94,12%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

3. Công ty Cổ phần Trồng rừng và Cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai

- o Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng cây cao su; Trồng cây lâu năm khác; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Khai thác gỗ rừng trồng; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xử lý hạt giống để nhân giống.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- o Vốn điều lệ: 47.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 96,81%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 96,81%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

4. Công ty Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai

- o Địa chỉ trụ sở chính: 73A Nguyễn Trọng Tuyển, P. 15, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ.
- o Vốn điều lệ: 3.400.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 48%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 52%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

5. Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắk Nông

- o Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 9, Phường Nghĩa Thành, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác: Đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất: sắt, thép, gang; Đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT); Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy; Bán buôn chuyên doanh khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- o Vốn điều lệ: 224.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 68,06%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 67,19%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

6. Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Gia Lai

- o Địa chỉ trụ sở chính: 782 Hùng Vương, Thị Trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng công trình giao thông, khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang, đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy, bán buôn chuyên dụng khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

- o Vốn điều lệ: 270.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 70,83%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 60%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

7. Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Đức Long Gia Lai

- o Địa chỉ trụ sở chính: Số 30 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang; Gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng máy khác; Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT & BT).
- o Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

8. Công ty Cổ phần Đức Long Đà Nẵng

- o Địa chỉ trụ sở chính: 47 Bế Văn Đàn, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hàng, đầu tư xây dựng bến xe, bãi đỗ xe; Dịch vụ ăn uống; Kinh doanh khách sạn, du lịch nhà nghỉ; Dịch vụ vui chơi, giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke); Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, công trình công ích, công trình kỹ thuật; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Mua bán sắt thép; Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng; Kinh doanh xăng tại Quốc lộ 1A, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.
- o Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 85%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

9. Công ty Cổ phần Giáo dục Thể thao và Du lịch Đức Long Gia Lai

- o Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; Giáo dục tiểu học; Giáo dục thể thao và giải trí; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Hoạt động của các cơ sở thể thao; Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao; Đại lý du lịch; Bán buôn vải, hàng may sẵn,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

giày dép; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Hoạt động thể thao khác.

- o Vốn điều lệ: 65.000.000.000 đồng.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 55%.
- o Tình trạng hoạt động: Chưa hoạt động.

10. Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai

- o Địa chỉ trụ sở chính: 211 Thôn Phú Hà, Xã IaBlứ, Huyện Chư Pưh, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác; Trồng cây lấy củ có chất bột; Trồng cây mía; Trồng cây lấy hạt chứa dầu; Trồng cây lấy quả chứa dầu; Trồng cây cao su; Chăn nuôi trâu, bò; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Bán buôn nông sản (trừ mùn cao su); Bán buôn trâu, bò); Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Mua bán cao su mùn cốm, mua bán phân bón); Hoạt động công ty nắm giữ tài sản.
- o Vốn điều lệ: 360.500.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,66%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99,86%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

11. Công ty Cổ phần Năng lượng Tân Thượng

- o Địa chỉ trụ sở chính: 18 Hà Huy Tập, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Đầu tư xây dựng công trình thủy điện lớn, vừa và nhỏ; Xây dựng công trình thủy công; Xây dựng vỏ bao che công trình công nghiệp); Xây dựng công trình công ích (Xây dựng công trình thủy lợi, đập đập, hệ thống tưới tiêu); Sản xuất truyền tải và phân phối điện; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công; Chế tạo, lắp đặt thiết bị thủy điện); Chuẩn bị mặt bằng (Khoan phụt, xử lý và gia công nền móng công trình xây dựng).
- o Vốn điều lệ: 155.000.000.000 đồng.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 88%.
- o Tình trạng hoạt động: Chưa hoạt động.

12. Công ty TNHH Mass Noble Investments

- o Địa chỉ trụ sở chính: Hòm thư 957, Trung tâm doanh nghiệp nước ngoài Road Town, Tortola, Quần đảo Virgin Islands thuộc Anh.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động trong các lĩnh vực thiết kế, sản xuất và kinh doanh các mặt hàng tiện nghi gia dụng, chăm sóc cá nhân, các sản phẩm tiết kiệm năng lượng và an ninh gia đình tại Hoa Kỳ và Châu Âu.
- o Vốn điều lệ: 320.062.401.456 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 97,73%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 97,73%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai (kết thúc kiểm soát ngày 31/03/2015)

- o Địa chỉ trụ sở chính: Lô C4, đường số 4, KCN Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Cưa xẻ bào gỗ và bào quân gỗ; Mua bán gỗ các loại; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật khác; Tư vấn thiết kế về trang trí nội thất; Mua bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.
- o Vốn điều lệ: 35.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 91,71%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 91,71%. Công ty mẹ kết thúc kiểm soát ngày 31/03/2015.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

14. Công ty TNHH Một thành viên Khai thác và Chế biến Khoáng sản Đức Long Gia Lai (kết thúc kiểm soát ngày 29/04/2015)

- o Địa chỉ trụ sở chính: Lô E6 Khu Công nghiệp Trà Đa, Xã Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá (Chi tiết: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng, chế biến khoáng sản); Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt.
- o Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%. Công ty mẹ kết thúc kiểm soát ngày 29/04/2015.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

15. Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Minh Long Gia Lai (kết thúc kiểm soát ngày 29/09/2015)

- o Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Hòa Bình, Thị trấn Nhơn Hòa, Huyện Chư Puh, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác quặng sắt, quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm (không khai thác tại tỉnh Gia Lai); Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất các sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc kim loại; Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại: các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ, công trình công ích, công trình công nghiệp và công trình dân dụng kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- o Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 30,45%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

16. Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Cầu đường Phước Hoàng Long (kết thúc kiểm soát ngày 29/09/2015)

- o Địa chỉ trụ sở chính: Khối phố 3, Thị trấn Phú Hòa, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng công trình đường bộ; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Xây dựng nhà các loại; Cắt tạo đá và hoàn thiện đá; Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ công trình; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Bán buôn máy móc, thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành cầu đường, dân dụng và công nghiệp; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Khai thác đá Granit, đá Bazan.
- o Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 80%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 80%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

Các Công ty liên kết được phân ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gồm 3 công ty):

1. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai

- o Địa chỉ trụ sở chính: Số 53 Quang Trung, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; Lập dự án khả thi, tiền khả thi, báo cáo đầu tư; Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán, dự toán; Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định hồ sơ dự án, thiết kế, dự toán do đơn vị khác lập; Giám sát kỹ thuật thi công, quản lý dự án; Thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm tra chất lượng xây dựng công trình; Thi công xây lắp các công trình; Thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp.
- o Vốn điều lệ: 2.961.000.000 đồng. Trong đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty là 20,00%.
- o Tỷ lệ quyền biểu quyết: 20,00%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

2. Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên

- o Địa chỉ trụ sở chính: 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp; Mua bán vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội, ngoại thất); Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Chi tiết: Mua bán kim loại); Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Cắt tạo đá và hoàn thiện đá; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Khai thác quặng sắt.
- o Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng. Trong đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty là 33,33%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- o Tỷ lệ quyền biểu quyết: 33,33%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

3. Công ty Cổ phần Đức Long Tây Nguyên

- o Địa chỉ trụ sở chính: 117-119-121 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất sắt, thép, gang; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chăn nuôi trâu, bò; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Đúc sắt, thép; Casting đúc và hoàn thiện đá; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc kim loại màu; Chăn nuôi dê, cừu; Chăn nuôi lợn.
- o Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ quyền biểu quyết: 40,00%.
- o Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/12/2015 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.
Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Theo hướng dẫn của Thông tư 200, ảnh hưởng do thay đổi các chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng phi hồi tố.

Ngoài ra, một số chỉ tiêu tương ứng của kỳ trước đã được phân loại lại (xem Thuyết minh số 46) nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư 200.

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202") thay thế phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007. Thông tư này có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Tập đoàn áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định của Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu hồi tố đối với các thay đổi này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.2 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.2.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con. Công ty con là đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Tập đoàn bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát. Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Loại trừ các giao dịch nội bộ

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.2.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.2.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.3 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Các Báo cáo tài chính của công ty liên kết sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh thích hợp được thực hiện để đảm bảo các chính sách được áp dụng nhất quán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc; Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của bên được đầu tư sau ngày mua. Trong trường hợp phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết. Phần sở hữu của Công ty trong kết quả kinh doanh của bên được đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản được chia từ bên được đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào Công ty khác là các khoản đầu tư mà Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.6 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Tập đoàn và người mua;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí máy thi công, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được tập hợp cho từng sản phẩm, công trình.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.8 Tài sản cố định hữu hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

| <u>Loại tài sản</u> | <u>Thời gian khấu hao (năm)</u> |
|------------------------|---------------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 7 – 50 |
| Máy móc, thiết bị | 7 – 20 |
| Phương tiện vận tải | 7 - 10 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thiết bị dụng cụ quản lý

7

4.9 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Tập đoàn.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản

Thời gian khấu hao (năm)

Phần mềm kế toán

7

4.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Tập đoàn. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

Loại tài sản

Thời gian khấu hao (năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc

8 – 50

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.11 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

4.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Tập đoàn:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm;
- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất theo hợp đồng;
- Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn của Hợp đồng bảo hiểm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Tập đoàn lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến tạo ra.

4.13 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Tập đoàn;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Tập đoàn theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.14 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Tập đoàn theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Tập đoàn thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.15 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Tập đoàn là:

- Chi phí lãi vay phải trả được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay;
- Chi phí xây lắp công trình được xác định theo các giá trị khối lượng đã xác nhận hoàn thành với nhà cung cấp nhưng chưa xuất được hóa đơn tài chính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.16 Dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) của Tập đoàn phát sinh từ các sự kiện đã qua và có khả năng làm giảm sút lợi ích kinh tế của Tập đoàn do việc thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được ghi nhận khi nghĩa vụ nợ được ước tính một cách đáng tin cậy.

4.17 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Tập đoàn là khoản nhận trước tiền cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng, được phân bổ theo số kỳ mà Tập đoàn đã nhận tiền trước.

4.18 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận tách biệt giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn trên báo cáo tài chính. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả; cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Sau ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng, phù hợp với kỳ hạn trái phiếu. Theo đó, giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi cũng được điều chỉnh theo giá trị phân bổ hàng kỳ cho đến khi được hủy bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Thực tế, do không xác định được lãi suất của trái phiếu tương tự, Tập đoàn đã sử dụng lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu (11%/năm) để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán trong tương lai.

4.19 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi

Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi chưa đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.20 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành;
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận và có phiếu giá thanh toán.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.21 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.22 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.23 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.24 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.25 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất.

4.26 Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.27 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Tập đoàn đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Hoạt động kinh doanh phân bón, hoạt động nông nghiệp: Không chịu thuế;
 - ✓ Hoạt động xây lắp, kinh doanh đá, gỗ,...: Áp dụng thuế suất 10%;
 - ✓ Các sản phẩm khác áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con tại Việt Nam với mức thuế suất là 20% hoặc 22%.

Riêng chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp tại các Công ty con ở nước ngoài thì áp dụng như sau:

 - ✓ Đối với các công ty được thành lập theo Luật công ty kinh doanh quốc tế của Virgin Islands thuộc Anh được miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của Virgin Islands thuộc Anh;
 - ✓ Thuế suất thu nhập doanh nghiệp của Hồng Kông là 16,5% trên lợi nhuận tính thuế ước tính của các công ty con của Công ty phát sinh ở hoặc có nguồn gốc từ Hồng Kông;
 - ✓ Đối với các Công ty con tại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa: thuế suất là 25% trên lợi nhuận của các công ty con theo quy định của Luật thuế thu nhập Trung Quốc áp dụng cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp nước ngoài.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.28 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|---|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 21.484.472.095 | 14.715.285.476 |
| Tiền gửi ngân hàng | 74.636.781.994 | 73.605.939.972 |
| Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn không quá 3 tháng | 123.986.695.034 | 18.300.000.000 |
| - Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN - CN Gia Lai | 113.499.000.000 | 18.300.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Gia Lai (*) | 10.487.695.034 | - |
| Cộng | 220.107.949.123 | 106.621.225.448 |

(*) Khoản tiền gửi này đang được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt nam – Chi nhánh Gia Lai.

6. Chứng khoán kinh doanh

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|--|------------------------|------------|
| | Giá gốc | Giá gốc |
| Chứng khoán kinh doanh | | |
| - Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Đức Long Gia Lai | 264.000.000.000 | - |
| Cộng | 264.000.000.000 | - |

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 24/BB-HĐQT-ĐLGL ngày 25/09/2015 về việc đầu tư góp vốn tại Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Đức Long Gia Lai và ủy quyền người đại diện Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai để quản lý vốn thì mục đích mua cổ phần của Công ty này là để bán lại trong tương lai gần (dưới 12 tháng).

Cổ phiếu của Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Đức Long Gia Lai chưa được niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán, theo đó, Tập đoàn không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán; vì vậy, khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LẠI
02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

a.1 Ngắn hạn

| | 31/12/2015 | | 01/01/2015 | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi số | Giá gốc | Giá trị ghi số |
| Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng | | | | |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Gia Lai (*) | 13.264.666.667 | 13.264.666.667 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| - Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng | 560.000.000.000 | 560.000.000.000 | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai | - | - | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| Cộng | 573.264.666.667 | 573.264.666.667 | 340.000.000.000 | 340.000.000.000 |

(*) Khoản tiền gửi này đang được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt nam – Chi nhánh Gia Lai.

a.2 Dài hạn

| | 31/12/2015 | | 01/01/2015 | |
|---|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi số | Giá gốc | Giá trị ghi số |
| Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng | | | | |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Gia Lai | - | - | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (*) | 1.400.000.000 | 1.400.000.000 | 1.400.000.000 | 1.400.000.000 |
| Cộng | 1.400.000.000 | 1.400.000.000 | 4.400.000.000 | 4.400.000.000 |

(*) Khoản tiền gửi này đang được thế chấp cho khoản vay của Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắk Nông tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Tại ngày 31/12/2015, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm, tổn thất về giá trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
Số 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

| | 31/12/2015 | | 01/01/2015 | |
|--|------------------|--|------------------|--|
| | Số lượng cổ phần | Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu | Số lượng cổ phần | Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu |
| Cty CP Tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai | 5.922 | 6.676.306.812 | | 6.554.358.011 |
| Cty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên | 33,3% | 19.774.674.966 | | 19.692.131.590 |
| Cộng | | 26.450.981.778 | | 26.246.489.601 |

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 31/12/2015 | | | 01/01/2015 | | |
|--|---------------------|-----------|-----------------------|------------------------|---------------|------------------------|
| | Tình hình hoạt động | Tỷ lệ vốn | Số lượng cổ phần | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc |
| Cty CP Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn (i) | Đang hoạt động | 18,7% | 56.000 | 5.600.000.000 | - | 5.600.000.000 |
| Cty CP ĐT Xây dựng Nam Nguyên (i) | Đang hoạt động | 96,800 | 96.800 | 968.000.000 | (968.000.000) | 968.000.000 |
| Cty CP Khoáng sản Luyện kim Tây Nguyên | Đã thoái vốn | - | - | - | - | 46.266.300.000 |
| Cty TNHH KT Khoáng sản Đức Sang Gia Lai | Đang hoạt động | 9,7% | 1.200.000.000 | 1.200.000.000 | - | 1.200.000.000 |
| Cty CP Đầu tư và PT Điện năng Đức Long GL | Đang hoạt động | 3,6% | 3.503.350 | 3.503.500.000 | (471.079.169) | 3.503.500.000 |
| Cty CP Dịch vụ Công cộng ĐL Bảo Lộc | Đang hoạt động | 7,2% | 48.000 | 480.000.000 | (480.000.000) | 480.000.000 |
| Cty CP ĐT & KD Bất động sản DLGL | Đang hoạt động | 4,0% | 400.000 | 4.000.000.000 | (346.159.195) | 4.000.000.000 |
| Cộng | | | 15.751.500.000 | (2.265.238.364) | | (5.068.697.308) |

(i) Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Tập đoàn chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn và Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn cũng chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Tập đoàn cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|---|------------------------|------------------------|
| Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên | 121.246.059.976 | 95.594.432.583 |
| Công ty Cổ phần Bamboo Capital | 47.920.083.400 | 26.571.100.000 |
| Công ty TNHH MTV An Phước | - | 38.097.146.000 |
| Caradon MK Electric Ltd (Sub CAA) | 62.492.698.111 | - |
| Nguyễn Thanh Lâm | 25.649.390.000 | - |
| Các đối tượng khác | 164.012.350.608 | 91.246.203.712 |
| Cộng | 421.320.582.095 | 251.508.882.295 |

Trong đó: phải thu của khách hàng là các bên liên quan

| | Mối quan hệ | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|--|------------------|------------------------|------------------------|
| Công ty TNHH Cung ứng Vật tư NL.T.Nguyên | Công ty liên kết | 121.246.059.976 | 95.594.432.583 |
| Công ty Cổ phần Bamboo Capital | Chung TV HĐQT | 47.920.083.400 | 26.571.100.000 |
| Các đối tượng khác | | 14.034.425.515 | 10.983.729.035 |
| Cộng | | 183.200.568.891 | 133.149.261.618 |

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|--|------------------------|-----------------------|
| Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên | 11.127.846.159 | 21.377.846.159 |
| Công ty TNHH Khai thác khoáng sản Đức Sang Gia Lai | 6.704.486.043 | 21.145.525.038 |
| Công ty Cổ phần Bamboo Capital | 15.400.000.000 | 14.200.000.000 |
| Công ty CP Công nghiệp Khai thác CB Đá Tây Nguyên | 95.519.648.768 | - |
| Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát | 17.425.837.772 | - |
| Các đối tượng khác | 50.801.472.312 | 36.015.589.762 |
| Cộng | 196.979.291.054 | 92.738.960.959 |

Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan

| | Mối quan hệ | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|--|---------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên | Công ty nhận đầu tư | 11.127.846.159 | 21.377.846.159 |
| Công ty TNHH Khai thác KS Đức Sang Gia Lai | Công ty nhận đầu tư | 6.704.486.043 | 21.145.525.038 |
| Công ty Cổ phần Bamboo Capital | Chung TV HĐQT | 15.400.000.000 | 14.200.000.000 |
| Các đối tượng khác | | - | 1.139.806.393 |
| Cộng | | 33.232.332.202 | 57.863.177.590 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Phải thu về cho vay
a. Ngắn hạn

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|--|------------------------|------------------------|
| Cho vay ngắn hạn | 599.701.309.345 | 453.657.261.554 |
| - Công ty Cổ phần Quốc tế Sài Gòn (*) | 408.490.727.000 | 322.000.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Bamboo Capital | - | 85.840.000.000 |
| - Đỗ Thị Dương | - | 11.805.000.000 |
| - Ông Nguyễn Thanh Lâm (**) | 184.238.582.345 | - |
| - DNTN Du lịch Lữ hành & Đầu tư Xây dựng NHHTC | 6.972.000.000 | 4.980.000.000 |
| - Các đối tượng khác | - | 29.032.261.554 |
| Cho mượn ngắn hạn (***) | 101.300.648.027 | 42.962.909.594 |
| - Ông Nguyễn Thanh Lâm | 924.400.000 | - |
| - Bà Võ Thị Thu Hằng | 16.972.616.187 | 15.882.634.000 |
| - Bà Trần Thị Thu Trang | 9.700.000.000 | 9.700.000.000 |
| - Công ty TNHH Đức Long Dung Quất | 1.400.244.431 | 2.580.244.431 |
| - Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Tây Nguyên | 12.017.853.104 | 3.027.099.554 |
| - Công ty CP Đầu tư và KD Bất động sản Đức Long GL | 6.000.069.541 | 2.058.061.482 |
| - Các đối tượng khác | 54.285.464.764 | 9.714.870.127 |
| Cộng | 701.001.957.372 | 496.620.171.148 |

- ✓ (*) Cho Công ty Cổ phần Quốc tế Sài Gòn vay vốn với thời hạn là 12 tháng, lãi suất cho vay là 6%/năm theo Hợp đồng số 09/HĐVV-DLGL ngày 01/07/2014 và Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐVV ngày 20/12/2015.
- ✓ (**) Cho ông Nguyễn Thanh Lâm vay vốn với thời hạn là 12 tháng, lãi suất cho vay là 6%/năm theo Hợp đồng số 13/HĐVV-DLGL ngày 01/07/2015.
 Các đối tượng, cá nhân đã vay không phải là cổ đông công ty và không có bất kỳ mối quan hệ nào liên quan đến Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty.
- ✓ (***) Cho các Công ty mượn tiền theo Thông báo số 22b/TB-TGD ngày 20/01/2015, các cá nhân theo từng Hợp đồng mượn tiền cụ thể. Thời gian cho mượn tiền theo từng lần nhận nợ (không quá 12 tháng).

b. Dài hạn

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|--|------------------------|------------------------|
| Cho vay dài hạn | 157.343.713.318 | 219.267.747.218 |
| - Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát | 65.441.054.300 | 149.175.000.000 |
| - Công ty TNHH Đức Long Dung Quất | 90.902.287.437 | 67.100.375.637 |
| - DNTN Du lịch Lữ hành & Đầu tư Xây dựng NHHTC | 1.000.371.581 | 2.992.371.581 |
| Cộng | 157.343.713.318 | 219.267.747.218 |

- ✓ Cho DNTN Du lịch Lữ hành và Đầu tư Xây dựng NHHTC vay theo Hợp đồng số 10/HĐCMT/2012 ngày 07/07/2012, thời hạn cho vay là 60 tháng với lãi suất 1,5%/tháng. Số tiền cho vay là

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7.972.371.580 đồng, trong đó nợ gốc đến hạn phải thu tính đến thời điểm 31/12/2016 là 6.972.000.000 đồng.

- ✓ Cho Công ty TNHH Đức Long Dung Quất vay theo hợp đồng số 03/HĐVV-DLGL ngày 01/01/2010 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐVV ngày 02/02/2015, thời hạn cho vay từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2020 với lãi suất 9,5%/năm. Số tiền cho vay là 120.000.000.000 đồng, thời gian trả nợ gốc vay bắt đầu từ ngày 30/06/2017.
- ✓ Cho Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/2012/HĐVV-CTTR ngày 17/01/2012 và Phụ lục hợp đồng ngày 02/10/2013, thời hạn thu hồi khoản cho vay từ ngày 30/06/2015 đến ngày 30/12/2020, lãi suất cho vay: tính bằng lãi suất cho vay của Ngân hàng Sacombank Thành phố Hồ Chí Minh tại từng thời điểm. Số tiền cho vay là 149.175.000.000 đồng.

c. Phải thu về cho các bên liên quan vay

| Mối quan hệ | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|---|------------------------|------------------------|
| Cho vay | 90.902.287.437 | 152.940.375.637 |
| - Công ty TNHH Đức Long Dung Quất | 90.902.287.437 | 67.100.375.637 |
| - Công ty Cổ phần Bamboo Capital | - | 85.840.000.000 |
| Cho mượn | 9.620.063.657 | 7.200.016.990 |
| - Công ty CP Đầu tư và KD BĐS DLGL | 6.000.069.541 | 2.058.061.482 |
| - Công ty CP ĐT và PT Điện năng DLGL | 2.219.749.685 | 1.168.191.685 |
| - Công ty TNHH KTKS Đức Sang Gia Lai | - | 1.193.600.000 |
| - Công ty CP Đầu tư xây dựng Nam Nguyên | - | 199.919.392 |
| - Công ty TNHH Đức Long Dung Quất | 1.400.244.431 | 2.580.244.431 |
| Cộng | 100.522.351.094 | 160.140.392.627 |

11. Phải thu khác
a. Ngắn hạn

| | 31/12/2015 | | 01/01/2015 | |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|----------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay phải thu | 69.949.725.302 | (759.366.355) | 66.076.385.041 | (28.517.408) |
| Tạm ứng cán bộ công nhân viên | 18.838.282.308 | (67.479.236) | 35.398.068.130 | (401.984.371) |
| Công ty CP Đầu tư Quốc tế Sài Gòn (*) | 100.000.000.000 | - | 100.000.000.000 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 6.814.309.696 | - | - | - |
| Phải thu khác | 21.527.269.200 | (1.307.578.912) | 1.778.152.281 | (145.990.880) |
| Cộng | 217.129.586.506 | (2.134.424.503) | 203.252.605.452 | (576.492.659) |

(*) Là khoản góp vốn của Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai (công ty con) cùng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Sài Gòn để tìm kiếm, nhận chuyển nhượng các dự án nông nghiệp đang sản xuất, đầu tư dở dang với diện tích 3.500 ha tại các tỉnh Tây Nguyên theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 15/DLGL-HTĐT ngày 5/11/2014. Theo đó, sau khi tìm kiếm và nhận chuyển nhượng dự án thành công, số tiền góp vốn thực tế của mỗi bên sẽ được quy thành vốn góp cổ phần theo tỷ lệ tương ứng trong các Công ty sở hữu dự án cụ thể. Thời gian hợp tác là 150 ngày từ 01/12/2014 đến ngày 05/05/2015 và được gia hạn đến ngày 02/05/2016 theo Phụ lục Hợp đồng số 01/DLGL - HTDT ngày 02/05/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
Số 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

| | 31/12/2015 | | 01/01/2015 | |
|------------------|-----------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Lãi vay phải thu | 25.364.989.405 | - | - | - |
| Ký cược, ký quỹ | - | - | 393.000.000 | - |
| Cộng | 25.364.989.405 | - | 393.000.000 | - |

c. Phải thu khác là các bên liên quan

| | Mối quan hệ | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|---------------------------------------|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH KTKS Đức Sang Gia Lai | Công ty nhận đầu tư | 2.010.037.883 | 3.173.340.001 |
| Công ty TNHH Đức Long Dung Quất | Chung cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể | 16.185.312.138 | 8.555.194.028 |
| Công ty Cổ phần Bamboo Capital | Chung TV HĐQT | - | 2.214.623.333 |
| Công ty CP Đầu tư xây dựng Nam Nguyên | Công ty nhận đầu tư | - | 4.377.835.724 |
| Cộng | | 18.195.350.021 | 18.320.993.086 |

12. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|--|-----------------------|----------------------|
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn | | |
| - Từ 3 năm trở lên | 6.197.733.770 | 6.838.906.208 |
| - Từ 2 năm đến dưới 3 năm | 3.983.785.358 | 854.656.157 |
| - Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 2.244.480.102 | 959.416.672 |
| - Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm | 301.608.000 | 168.575.377 |
| Cộng | 12.727.607.230 | 8.821.554.414 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
Số 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: nợ xấu

| | 31/12/2015 | | | |
|--|-----------------------|------------------------|---------------------------|---|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Ghi chú |
| Phải thu khách hàng | 6.467.605.933 | 371.183.017 | | |
| - Công ty TNHH Nam Thuận | 533.661.700 | - | Trên 3 năm | Đang khởi kiện |
| - Công ty VACHETTI GIUSEPPE S.P.A | 636.431.769 | - | Trên 3 năm | Không còn giao dịch với khách hàng |
| - Các đối tượng khác | 5.297.512.464 | 371.183.017 | Từ 6 tháng đến trên 3 năm | Công nợ tồn tại lâu, khó thu hồi |
| Trả trước người bán | 2.707.495.109 | 3.568.300 | | |
| - Công ty TNHH TV TK Kiến Phát | 1.490.000.000 | - | Trên 3 năm | Không thực hiện hợp đồng |
| - Các đối tượng khác | 1.217.495.109 | 3.568.300 | Từ 2 năm đến trên 3 năm | Không thực hiện hợp đồng |
| Tạm ứng | 67.479.236 | - | | |
| - Nguyễn Văn Hòa | 67.479.236 | - | Trên 3 năm | Đang thực hiện khấu trừ lương hàng tháng |
| Phải thu về cho vay | 3.984.000.000 | 2.191.200.000 | | |
| - DNTN Du lịch lữ hành & Đầu tư Xây dựng NHHTC | 3.984.000.000 | 2.191.200.000 | Từ 6 tháng đến 2 năm | Đang khởi kiện |
| Phải thu khác | 2.937.158.162 | 870.179.893 | | |
| - DNTN Du lịch lữ hành & Đầu tư Xây dựng NHHTC | 974.653.388 | 215.254.033 | Từ 2 năm đến trên 3 năm | Đang khởi kiện |
| - Phạm Trung | 656.446.732 | 328.223.366 | Từ 1-2 năm | CNV đã nghỉ việc, khó có khả năng thu hồi |
| - Võ Châu Hoàng | 490.630.823 | 187.189.246 | Từ 1-3 năm | CNV đã nghỉ việc, khó có khả năng thu hồi |
| - Lê Thế Kỳ | 199.500.000 | - | Trên 3 năm | CNV đã nghỉ việc, khó có khả năng thu hồi |
| - Các đối tượng khác | 615.927.219 | 139.513.248 | Từ 2 năm đến trên 3 năm | Chưa thu hồi được |
| Cộng | 16.163.738.440 | 3.436.131.210 | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
Số 02 Đường Trần Côn, Phường Trà Bá, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

| | 01/01/2015 | | Thời gian quá hạn | Ghi chú |
|-----------------------------------|-----------------------|------------------------|-------------------|--|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | |
| Phải thu khách hàng | 3.892.140.400 | 8.242.635 | | |
| - Công ty TNHH Nam Thuận | 533.661.700 | - | Trên 3 năm | Đang khởi kiện |
| - Công ty VACHETTI GIUSEPPE S.P.A | 636.431.769 | - | Trên 3 năm | Không còn giao dịch với khách hàng |
| - Các đối tượng khác | 2.722.046.931 | 8.242.635 | | Công nợ tồn tại lâu, khó thu hồi |
| Trả trước người bán | 5.589.392.909 | 1.258.228.919 | | |
| - Công ty TNHH TV TK Kiến Phát | 1.490.000.000 | - | Trên 3 năm | Không thực hiện hợp đồng |
| - Viện Môi trường Và Tài nguyên | 1.505.000.000 | 812.500.000 | Từ 1-2 năm | Không thực hiện hợp đồng |
| - Các đối tượng khác | 2.594.392.909 | 445.728.919 | | Không thực hiện hợp đồng |
| Tạm ứng | 568.165.612 | 166.181.241 | | |
| - Bùi Tịnh | 212.744.976 | 106.372.488 | Từ 1-2 năm | Đang thực hiện khấu trừ lương hàng tháng |
| - Lê Thế Kỳ | 199.500.000 | 30.000.000 | Từ 2-3 năm | Đang thực hiện khấu trừ lương hàng tháng |
| - Các đối tượng khác | 155.920.636 | 29.808.753 | | Đang thực hiện khấu trừ lương hàng tháng |
| Phải thu về cho vay | 100.000.000 | 70.000.000 | | |
| - Nguyễn Thị Thanh Tuyền | 100.000.000 | 70.000.000 | Dưới 1 năm | Công nợ tồn tại lâu, khó thu hồi |
| Phải thu khác | 309.559.201 | 135.050.913 | Dưới 1 năm | Công nợ tồn tại lâu, khó thu hồi |
| Cộng | 10.459.258.122 | 1.637.703.708 | | |

13. Hàng tồn kho

| | 31/12/2015 | | 01/01/2015 | |
|--------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 50.366.614.359 | (16.378.075.728) | 179.670.930.506 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 5.518.999 | - | 10.286.030 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 147.832.179.424 | (1.112.586.362) | 39.899.729.784 | - |
| Thành phẩm | 29.981.681.905 | (2.884.205.978) | 15.317.058.489 | - |
| Thành phẩm bất động sản đầu tư | 62.798.142.842 | - | 62.798.142.842 | - |
| Hàng hóa | 264.774.239.891 | - | 84.068.856.122 | - |
| Cộng | 555.758.377.420 | (20.374.868.068) | 381.765.003.773 | - |

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2015.
- Toàn bộ giá trị thành phẩm bất động sản (62.798.142.842 đồng) đã được dùng để thế chấp, đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|--------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ | 557.631.085 | 87.054.165 |
| Chi phí bảo hiểm | 196.080.173 | 167.079.185 |
| Chi phí trả trước khác | 447.928.284 | 710.970.792 |
| Cộng | 1.201.639.542 | 965.104.142 |

b. Dài hạn

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|---|-----------------------|----------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ | 1.176.961.260 | 1.658.159.711 |
| Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng | 661.090.894 | 892.053.026 |
| Tiền thuê đất và nhà (*) | 38.677.217.667 | - |
| Chi phí chuyển nhượng cầu thủ bóng chuyền | - | 569.937.277 |
| Chi phí dài hạn chờ phân bổ khác | 959.325.001 | 956.417.228 |
| Cộng | 41.474.594.822 | 4.076.567.242 |

(*) Đây là tiền thuê đất và nhà tại nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa và được phân bổ theo thời hạn thuê là 50 năm theo phương pháp đường thẳng.

15. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Tiện vận tải truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | TSCĐ khác | Cộng |
|------------------------|---------------------------|------------------------|----------------------------|------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu kỳ | 166.894.679.820 | 19.307.795.911 | 35.154.935.285 | 625.419.740 | - | 221.982.830.756 |
| Tăng do hợp nhất | 26.064.413.037 | 251.853.897.666 | 3.162.426.666 | 25.318.005.426 | - | 306.398.742.795 |
| Mua trong kỳ | 4.995.806.858 | 22.124.994.856 | 2.358.070.910 | 497.370.088 | 19.367.407.640 | 49.343.650.352 |
| XDCB hoàn thành | 63.480.926.599 | 20.790.365.000 | - | - | 2.275.658.995.396 | 2.359.930.286.995 |
| CL do chuyển đổi | 774.492.620 | 8.085.244.129 | 100.019.891 | 805.892.872 | - | 9.765.649.512 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | 380.952.381 | 20.643.936 | - | 401.596.317 |
| Giảm do thoái vốn | 77.663.523.959 | 30.794.965.925 | 1.008.226.067 | - | 271.143.705 | 109.737.859.656 |
| Giảm khác | - | 42.857.000 | - | - | - | 42.857.000 |
| Số cuối kỳ | 184.546.794.975 | 291.324.474.637 | 39.386.274.304 | 27.226.044.190 | 2.294.755.259.331 | 2.837.238.847.437 |
| Khấu hao | | | | | | |
| Số đầu kỳ | 29.225.999.642 | 6.533.182.111 | 17.365.793.933 | 575.531.375 | - | 53.700.507.061 |
| Tăng do hợp nhất | 17.884.500.236 | 247.769.838.162 | 3.162.426.666 | 6.319.509.546 | - | 275.136.274.610 |
| Khấu hao trong kỳ | 9.110.851.224 | 8.479.679.436 | 3.964.408.859 | 993.068.130 | 20.333.652.795 | 42.881.660.444 |
| CL do chuyển đổi | 533.266.559 | 7.899.008.999 | 100.019.891 | 210.208.310 | - | 8.742.503.759 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | 301.587.304 | 4.730.184 | - | 306.317.488 |
| Giảm do thoái vốn | 6.419.936.738 | 7.457.564.532 | 838.840.674 | - | 18.022.450 | 14.734.364.394 |
| Giảm khác | - | 42.857.000 | 355.870.614 | - | - | 398.727.614 |
| Số cuối kỳ | 50.334.680.923 | 263.181.287.176 | 23.096.350.757 | 8.093.587.177 | 20.315.630.345 | 365.021.536.378 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu kỳ | 137.668.680.178 | 12.774.613.800 | 17.789.141.352 | 49.888.365 | - | 168.282.323.695 |
| Số cuối kỳ | 134.212.114.052 | 28.143.187.461 | 16.289.923.547 | 19.132.457.013 | 2.274.439.628.986 | 2.472.217.311.059 |

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 2.440.932.973.439 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 158.022.481.853 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Quyền khai thác mỏ đá Đăk Wei | Website | Phần mềm máy tính | Chi phí triển khai | Cộng |
|------------------------|-----------------------|----------------------------------|-------------------|----------------------|------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | - | - | - | - | - | - |
| Số đầu kỳ | 53.536.754.270 | 617.689.701 | - | 430.760.792 | - | 54.585.204.763 |
| Tăng trong kỳ | - | - | 34.760.000 | 111.510.000 | 3.561.139.272 | 3.707.409.272 |
| Mua trong năm | - | - | - | 61.344.000 | - | 61.344.000 |
| Tăng do hợp nhất | - | - | - | - | 104.550.379.542 | 104.550.379.542 |
| CL do chuyển đổi | - | - | - | - | 3.345.113.598 | 3.345.113.598 |
| Giảm trong kỳ | - | - | - | 80.400.000 | - | 80.400.000 |
| Số cuối kỳ | 53.536.754.270 | 617.689.701 | 34.760.000 | 523.214.792 | 111.456.632.412 | 166.169.051.175 |
| Khấu hao | | | | | | |
| Số đầu kỳ | 23.384.075 | 32.591.429 | - | 389.319.394 | - | 445.294.898 |
| Khấu hao trong kỳ | 21.585.300 | 36.334.680 | 8.207.219 | 42.421.772 | 2.008.711.264 | 2.117.260.235 |
| Tăng do hợp nhất | - | - | - | - | 96.164.406.282 | 96.164.406.282 |
| CL do chuyển đổi | - | - | - | - | 3.063.128.879 | 3.063.128.879 |
| Giảm trong kỳ | - | - | - | 80.400.000 | - | 80.400.000 |
| Số cuối kỳ | 44.969.375 | 68.926.109 | 8.207.219 | 351.341.166 | 101.236.246.425 | 101.709.690.294 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu kỳ | 53.513.370.195 | 585.098.272 | - | 41.441.398 | - | 54.139.909.865 |
| Số cuối kỳ | 53.491.784.895 | 548.763.592 | 26.552.781 | 171.873.626 | 10.220.385.987 | 64.459.360.881 |

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 50.858.987.062 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 103.625.000 đồng.

17. Bất động sản đầu tư

| | Quyền sử dụng đất (*) | Nhà cửa, vật kiến trúc | Cộng |
|--------------------------------|--------------------------|---------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu kỳ | 66.720.417.973 | 57.490.038.178 | 124.210.456.151 |
| Tăng trong kỳ | - | - | - |
| Giảm do thoái vốn | - | 2.898.571.695 | 2.898.571.695 |
| Số cuối kỳ | 66.720.417.973 | 54.591.466.483 | 121.311.884.456 |
| Khấu hao | | | |
| Số đầu kỳ | - | 11.346.736.286 | 11.346.736.286 |
| Khấu hao trong kỳ | - | 2.238.823.284 | 2.238.823.284 |
| Giảm do thoái vốn | - | 1.201.753.760 | 1.201.753.760 |
| Số cuối kỳ | - | 12.383.805.810 | 12.383.805.810 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu kỳ | 66.720.417.973 | 46.143.301.892 | 112.863.719.865 |
| Số đánh giá lại cuối kỳ | 66.720.417.973 | 42.207.660.673 | 108.928.078.646 |

Giá trị còn lại cuối kỳ của bất động sản đầu tư đã thế chấp đảm bảo nợ vay là 108.928.078.646 đồng.

(*) Quyền sử dụng đất tại 97/2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

 với nguyên giá 66.720.417.973 đồng, diện tích 582,7 m², thời hạn sử dụng: lâu dài, mục đích sử dụng: cho thuê. Quyền sử dụng đất này được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Gia Lai.

18. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|--|------------------------|--------------------------|
| Xây dựng cơ bản | 460.347.766.841 | 1.552.703.097.068 |
| - Dự án trồng cao su tại IaTiem | 12.862.866.305 | 12.697.390.695 |
| - Dự án trồng cao su tại IaBlứ (948 ha) | 152.666.035.634 | 134.397.261.417 |
| - Chi phí khảo sát mỏ quặng sắt | - | 542.476.242 |
| - Dự án thủy điện Đồng Nai 6 (*) | 11.709.800.729 | 10.358.518.911 |
| - DA BOT quốc lộ 14A đoạn KM từ 817 đến 887 | - | 640.225.104.804 |
| - Hội sở chính Tập đoàn Đức Long Gia Lai | 109.617.235.333 | 69.894.206.580 |
| - Công trình khách sạn Mỹ Khê | 451.262.866 | 451.262.866 |
| - Mỏ chì kẽm Chư Mố -Azunpa | - | 83.489.202.040 |
| - Trồng rừng cao su 980 ha Chư Puh (980 ha) | 166.941.664.801 | 145.597.798.606 |
| - Mỏ đá Gabrô Krông Năng, Krông Pa- Tỉnh Gia Lai - 9,3 | 325.578.104 | 318.603.104 |
| - DA BOT Gia Lai - Đường HCM đoạn Pleiku (km 1610) | - | 449.524.637.048 |
| - Mỏ đá Gabrodiorit tại xã IaGrai | 1.061.251.741 | 1.017.796.741 |
| - Dự án chăn nuôi bò | 4.102.047.831 | - |
| - Các Công trình xây dựng khác | 610.023.497 | 4.188.838.014 |
| Cộng | 460.347.766.841 | 1.552.703.097.068 |

Giá trị của các công trình xây dựng cơ bản dở dang dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2015 là 429.224.935.768 đồng.

(*) Hiện nay, dự án Thủy điện Đồng Nai 6 đã bị loại khỏi quy hoạch tổng thể của Bộ Công thương. Tuy nhiên, tháng 12/2014 Tập đoàn đã có Báo cáo xin chủ trương tiếp tục đầu tư. Cho đến thời điểm hiện nay, Tập đoàn vẫn đang chờ phản hồi từ cơ quan chức năng.

19. Lợi thế thương mại

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|---------------------------------|------------------------|------------|
| Giá trị đầu kỳ | - | - |
| Tăng do hợp nhất | 295.205.416.464 | - |
| Phân bổ trong kỳ | 13.809.124.552 | - |
| Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo | 9.187.577.943 | - |
| Giá trị cuối kỳ | 290.583.869.855 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
Số 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|--|------------------------|------------------------|
| Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hoàng Tiến | 110.811.241.933 | 24.521.044.313 |
| Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku | - | 33.727.831.408 |
| Công ty TNHH SX - TM DV XD Thành Tuấn | 24.634.516.704 | 7.760.963.455 |
| Công ty XD và DV Tư vấn Xây lắp 727 | 11.903.315.709 | 19.005.527.633 |
| Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên | 30.191.090.000 | 25.300.000 |
| Công ty TNHH Xây dựng Nghĩa Thành | 25.572.714.632 | 14.170.650.603 |
| Công ty TNHH MTV Đầu tư PT Trường Thành Việt Nam | 50.950.040.000 | - |
| Các đối tượng khác | 355.083.053.950 | 106.275.766.719 |
| Cộng | 609.145.972.928 | 205.487.084.131 |

Trong đó: phải trả người bán là các bên liên quan:

| | Mối quan hệ | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|--|------------------|-----------------------|-------------------|
| Công ty TNHH Cung ứng Vật tư NL T.Nguyên | Công ty liên kết | 30.191.090.000 | 25.300.000 |
| Cộng | | 30.191.090.000 | 25.300.000 |

21. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|-------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Ban quản lý Đường Hồ Chí Minh | - | 4.540.182.027 |
| Công ty CP ĐT&PT Điện Năng Đức Long | 34.092.783.000 | 13.566.000 |
| Nguyễn Trung Kiên | 1.024.113.868 | 1.108.648.870 |
| Các đối tượng khác | 5.709.887.046 | 3.046.501.502 |
| Cộng | 40.826.783.914 | 8.708.898.399 |

Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan:

| | Mối quan hệ | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|-------------------------------------|---------------------|-----------------------|-------------------|
| Công ty CP ĐT&PT Điện Năng Đức Long | Công ty nhận đầu tư | 34.092.783.000 | 13.566.000 |
| Cộng | | 34.092.783.000 | 13.566.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a. Phải thu

| | Đầu kỳ | Số phải nộp trong kỳ | Số thực nộp trong kỳ | Giảm do HN | Số cuối kỳ |
|-----------------------------|-------------------|----------------------|----------------------|------------------|--------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 34.907.126 | - | - | 4.447.653 | 30.459.473 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | 14.005.746 | 486.355.746 | - | 472.350.000 |
| Các loại thuế khác | 3.525.784 | 8.473.350 | 7.000.000 | - | 2.052.434 |
| Cộng | 38.432.910 | 22.479.096 | 493.355.746 | 4.447.653 | 504.861.907 |

b. Phải trả

| | Đầu kỳ | Số phải nộp trong kỳ | Số thực nộp trong kỳ | Thay đổi do hợp nhất | Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo | Số cuối kỳ |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 8.069.724.540 | 4.625.493.180 | 6.770.395.759 | (4.474.342.569) | - | 1.450.479.392 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 20.214.721.188 | 7.073.815.733 | 15.864.741.825 | 36.051.812.698 | 1.280.011.892 | 48.755.619.686 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.330.779.201 | 94.443.211 | 1.216.148.356 | (36.235.988) | - | 172.838.068 |
| Thuế tài nguyên | 261.546.647 | 1.245.642.094 | 1.300.513.417 | (89.500.000) | - | 117.175.324 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 102.030.960 | 2.100.159.747 | 1.796.869.547 | - | - | 405.321.160 |
| Các loại thuế khác | - | 258.961.403 | 196.350.000 | - | - | 62.611.403 |
| Phí và lệ phí | 1.123.850.730 | 1.539.862.738 | 1.852.728.818 | (163.500.000) | - | 647.484.650 |
| Cộng | 31.102.653.266 | 16.938.378.106 | 28.997.747.722 | 31.288.234.141 | 1.280.011.892 | 51.611.529.683 |

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

23. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí trích trước các công trình xây lắp | 6.308.464.637 | 15.554.152.183 |
| Lãi vay phải trả | 9.832.973.691 | 6.318.392.229 |
| Chi phí văn phòng | 8.140.258.755 | - |
| Chi phí kiểm toán | 5.705.361.699 | - |
| Chi phí hoa hồng bán hàng | 4.203.866.233 | - |
| Các khoản trích trước khác | 10.083.200.859 | 5.100.000 |
| Cộng | 44.274.125.874 | 21.877.644.412 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
Số 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|---------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Doanh thu cho thuê cây xăng | - | 28.636.361 |
| Doanh thu cho thuê mặt bằng | 142.128.789 | 32.727.273 |
| Doanh thu thu phí đường bộ nhận trước | 354.790.909 | - |
| Doanh thu chưa thực hiện khác | - | 65.964.395 |
| Cộng | 496.919.698 | 127.328.029 |

25. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|--|------------------------|------------------------|
| Kinh phí công đoàn | 7.575.682 | 3.432.900 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 673.727.040 | 1.051.372.443 |
| Lãi trái phiếu chuyển đổi phải trả | 1.445.184.450 | 1.538.316.450 |
| Lãi vay phải trả | 74.608.231.551 | 117.910.771.152 |
| Cổ tức phải trả | 919.944.792 | 1.303.163.899 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 14.892.728.340 | - |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 20.584.767.781 | 766.819.710 |
| - Công ty TNHH Indochina Gateway | 6.923.655.000 | - |
| - Phải trả khác | 13.661.112.781 | 766.819.710 |
| Cộng | 113.132.159.636 | 122.573.876.554 |

b. Dài hạn

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|------------------------------|-----------------------|------------|
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 300.000.000 | - |
| Lãi vay phải trả | 74.295.230.845 | - |
| Cộng | 74.595.230.845 | - |

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LẠI
02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bã, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Vay và nợ thuê tài chính
a. Ngắn hạn

| | Đầu kỳ | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | Tăng do hợp nhất | Ảnh hưởng do chuyển đổi BC | Cuối kỳ |
|---|------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|----------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn | 102.787.138.318 | 797.619.630.059 | 808.528.940.912 | 102.494.167.230 | 3.267.057.486 | 197.639.052.181 |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam_CN Gia Lai | 35.260.000.000 | 80.976.000.000 | 83.273.000.000 | | | 32.963.000.000 |
| - Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam_CN Gia Lai | 51.042.138.318 | 522.903.426.115 | 560.865.349.040 | | | 13.080.215.393 |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam_CN Gia Lai | 11.335.000.000 | 48.735.000.000 | 21.570.000.000 | | | 38.500.000.000 |
| - Ngân hàng Eximbank_CN Tân Sơn Nhất | 4.500.000.000 | 8.000.000.000 | 8.500.000.000 | | | 4.000.000.000 |
| - Ngân hàng Standard Chartered Bank (HK) Ltd - USD | - | - | - | 22.512.000.000 | 712.000.000 | 23.224.000.000 |
| - Ngân hàng Standard Chartered Bank (HK) Ltd - HKD | 650.000.000 | 134.815.203.944 | 132.460.591.872 | 79.982.167.230 | 2.555.057.486 | 84.891.836.788 |
| - Vay các đối tượng khác | 45.550.100.000 | 2.190.000.000 | 1.860.000.000 | | | 980.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 2.000.000.000 | 118.398.436.614 | 45.450.034.800 | | | 118.498.501.814 |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam_CN Gia Lai | 2.000.000.000 | 8.000.000.000 | 2.000.000.000 | | | 8.000.000.000 |
| - Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam_CN Gia Lai | 39.180.000.000 | 80.200.000.000 | 39.180.000.000 | | | 80.200.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Gia Lai | 162.500.000 | 150.000.000 | 162.500.000 | | | 150.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Quốc Dân | 1.287.600.000 | 1.629.130.000 | 1.429.210.000 | | | 1.487.520.000 |
| - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin_CN Gia Lai | 2.800.000.000 | 3.500.000.000 | 2.558.324.800 | | | 3.741.673.200 |
| - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin_CN HCM | - | 24.799.306.614 | - | | | 24.799.306.614 |
| - Ngân hàng HD Bank - CN Đắk Lắk | 120.000.000 | 120.000.000 | 120.000.000 | | | 120.000.000 |
| Trái phiếu phát hành đến hạn trả | 404.500.000 | - | 24.900.000 | | | 379.600.000 |
| Tiền mượn | 103.190.041.542 | 86.680.198.030 | 188.642.078.472 | | | 1.228.161.100 |
| - Đỗ Thành Nhân | 40.975.000.000 | - | 40.975.000.000 | | | - |
| - Nguyễn Thanh Lâm | 32.351.705.095 | 85.000.000.000 | 117.351.705.095 | | | - |
| - Võ Thị Thu Hằng | 22.503.153.000 | - | 22.503.153.000 | | | - |
| - Các đối tượng khác | 7.360.183.447 | 1.680.198.030 | 7.812.220.377 | | | 1.228.161.100 |
| Cộng | 251.931.779.860 | 1.002.698.264.703 | 1.042.645.954.184 | 102.494.167.230 | 3.267.057.486 | 317.745.315.095 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Vay dài hạn

| | Đầu kỳ | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | Cuối kỳ |
|---|--------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| Vay dài hạn | 1.841.092.133.424 | 1.072.884.740.000 | 373.068.215.703 | 2.540.908.657.721 |
| - Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Gia Lai (i.1) | 501.075.000.000 | 427.694.000.000 | 2.000.000.000 | 926.769.000.000 |
| - Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN - CN Gia Lai (i.2) | 1.042.481.447.295 | 622.069.340.000 | 366.798.180.903 | 1.297.752.606.392 |
| - NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai (i.3) | 42.536.720.000 | 21.421.400.000 | 2.558.324.800 | 61.399.795.200 |
| - NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN HCM (i.4) | 247.993.066.129 | - | - | 247.993.066.129 |
| - Ngân hàng TMCP Kỹ Thương VN - CN Gia Lai (i.5) | 462.500.000 | - | 162.500.000 | 300.000.000 |
| - Ngân hàng HD Bank - CN Đắk Lắk (i.6) | 480.000.000 | - | 120.000.000 | 360.000.000 |
| - Ngân hàng Quốc Dân (i.7) | 6.063.400.000 | 1.000.000.000 | 1.429.210.000 | 5.634.190.000 |
| - Ông Nguyễn Thanh Lâm | - | 700.000.000 | - | 700.000.000 |
| Trái phiếu phát hành | (4.583.000.000) | 500.000.000.000 | 1.814.614.532 | 493.602.385.468 |
| Cộng | 1.836.509.133.424 | 1.572.884.740.000 | 374.882.830.235 | 3.034.511.043.189 |
| Trong đó: | | | | |
| - Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm | 45.550.100.000 | | | 118.498.501.814 |
| - Trái phiếu phát hành đến hạn | 404.500.000 | | | 379.600.000 |
| Vay và nợ thuế tài chính dài hạn | 1.790.554.533.424 | | | 2.915.632.941.375 |

(i.1) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai:

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 220/HĐTD ngày 19/07/2010 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 20/06/2014 với thời gian vay là 10 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 2 năm, hạn mức vay là 89.000.000.000 đồng, lãi suất vay áp dụng theo lãi suất thả nổi (Lãi suất cho vay thả nổi = Lãi suất cơ sở + biên độ 4% năm). Mục đích sử dụng tiền vay là thanh toán chi phí thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Bến xe khách liên tỉnh phía nam Thành phố Đà Nẵng. Khoản vay vốn này được đảm bảo bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Hợp đồng tín dụng số 45/HĐTD ngày 26/02/2011 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 11/05/2013 với hạn mức vay là 825.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng theo lãi suất điều chỉnh, thời hạn vay là 12 năm kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu, mục đích sử dụng tiền vay: thanh toán chi phí đầu tư thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14A đoạn Km từ 817 đến 887 theo hình thức BOT. Toàn bộ khoản nợ (bao gồm nhưng không hạn chế: nợ gốc, lãi, lãi phạt, các khoản phí...) phát sinh từ hợp đồng này được bảo đảm bằng tài sản hình thành trong tương lai là quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng BOT số 01/HĐBOT ngày 01/09/2010 và các phụ lục kèm theo được ký kết giữa Ủy ban nhân dân Tỉnh Đăk Nông với Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đăk Nông; Toàn bộ quyền khai thác, thu phí các trạm thu phí đoạn Km 817 – Km 887 trên quốc lộ 14 tỉnh Đăk Nông; Các tài sản khác phát sinh từ ưu đãi đầu tư theo hợp đồng BOT.

(i.2) Vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai:

- Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2008/HĐ ngày 16/05/2008 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, hạn mức vay là 55.000.000.000 đồng, lãi suất vay không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4%/năm, nhưng lãi suất vay tối thiểu sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất hiện hành tại thời điểm vay và không thấp hơn lãi suất bán vốn FPT cùng kỳ hạn + 2%. Mục đích sử dụng tiền vay là để đầu tư cho dự án cao ốc Đức Long Tower Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay. Theo Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 57/2013/BSHD ngày 16/10/2013 thì thời hạn vay được điều chỉnh là 168 tháng, từ ngày 14/08/2008 đến ngày 14/08/2022. Lãi suất vay là 12%/năm được cố định đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng thêm phí Ngân hàng là 3,0%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay.
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2009/HĐ ngày 30/12/2009 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 16/01/2012 với thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 72 tháng, số tiền vay là 96.000.000.000 đồng, lãi suất vay thả nổi không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4,2%/năm phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong thời kỳ. Mục đích sử dụng là tiền vay là để đầu tư cho dự án trồng 744 ha cao su trong tổng diện tích 948,5 ha cao su tại xã IaBlứ, Huyện Chư Pứ, Tỉnh Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2012/HĐ ngày 30/06/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 56/2013/BSHD ngày 16/10/2013 với thời hạn vay là 168 tháng kể từ ngày 30/06/2012 đến ngày 30/06/2026, số tiền vay là 62.800.000.000 đồng, lãi suất vay là 12%/năm được cố định đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng thêm phí Ngân hàng là 2,5%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm cho vay. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng tiền vay là để cơ cấu lại tài chính doanh nghiệp nhằm khắc phục tình trạng mất cân đối tài chính đối với Công trình Cao ốc Đức Long Tower Gia Lai. Khoản vay vốn được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2013/HĐ ngày 01/10/2013 với thời hạn vay là 76 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến ngày 31/12/2019, số tiền vay là 58.200.000.000 đồng, lãi suất vay là 12,5%/năm được cố định đến hết ngày 25/10/2013, từ ngày 26/10/2013 trở đi lãi suất vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 76 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng thêm phí Ngân hàng là 3,0%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay. Lãi suất quá hạn là 120% lãi suất trong hạn. Mục đích sử

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

dụng tiền vay là để đầu tư dự án khai thác và chế biến quặng chì, kẽm tại xã Chư Mố, Huyện Iapa, Tỉnh Gia Lai. Khoản vay vốn được thế chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai.

- Hợp đồng vay số 01/2011/HĐ ngày 14/10/2011. Mục đích vay: Đầu tư dự án trồng 980,4 ha cao su, hạn mức: 130.862.000.000 đồng. Thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày nhận vốn vay đầu tiên, lãi suất vay: theo thỏa thuận. Thời hạn trả gốc: bắt đầu trả từ năm 2019. Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.

(i.3) Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai:

- Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1029900097 ngày 26/10/2010 với thời hạn vay là 108 tháng, thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 30/01/2011), số tiền vay là 40.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên là 1,3%/tháng, các lần giải ngân sau lãi suất do Sacombank xác định tại thời điểm giải ngân. Thời hạn nhận tiền vay theo tiến độ thi công công trình. Mục đích sử dụng tiền vay là để đầu tư cho dự án xây dựng Trung tâm điều hành Tập đoàn Đức Long Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị công trình xây dựng, vật kiến trúc, tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay. Theo thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 01-LD 1029900097 ngày 14/01/2014 thì thời gian vay được điều chỉnh đến ngày 14/12/2023 (thời điểm trả hết nợ đến ngày 14/12/2023) và thời gian ân hạn kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 26/06/2015.
- Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1401400008 ngày 14/01/2014 với thời hạn vay là 120 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay là 44.957.100.000 đồng, lãi suất áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên là 1,0%/tháng, các lần giải ngân sau lãi suất do Sacombank xác định tại thời điểm giải ngân. Thời hạn nhận tiền vay theo tiến độ thi công công trình. Mục đích sử dụng tiền vay là để đầu tư cho dự án xây dựng Trung tâm điều hành Tập đoàn Đức Long Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị công trình xây dựng, vật kiến trúc, tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay.

(i.4) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Sở Giao dịch TP.HCM theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần với số LD 1134100059 ngày 05/01/2012 với thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày nhận đầu tiên, số tiền vay là 248.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cho 3 tháng đầu tiên là 20%/năm (áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên). Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 4, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ do Sacombank điều chỉnh theo định kỳ 3 tháng/lần với mức lãi suất do Sacombank xác định tại thời điểm điều chỉnh phù hợp với Ngân hàng Nhà nước về lãi suất vay. Thời hạn nhận tiền vay theo tiến độ thực hiện. Mục đích sử dụng là để thanh toán chi phí trồng cao su có tổng diện tích 1.834,5 hecta tại Xã IaBlứ, Huyện Chư Puh, Tỉnh Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị lợi tức phát sinh từ mù, hạt, gỗ vườn cây cao su trên, các quyền khai thác đá bazan làm vật liệu xây dựng, quyền khai thác đá Granit tại Xã Nghĩa Hưng. Theo thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 03/LD1134100059 ngày 25/06/2013 thì thời gian vay được điều chỉnh đến ngày 31/12/2020 (thời điểm trả hết nợ đến ngày 31/12/2020) và thời gian ân hạn kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 30/06/2016.

(i.5) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai theo Hợp đồng vay số 1682/HĐCV/PN/TCB-PLU ngày 26 tháng 12 năm 2013 để mua ô tô. Theo đó, tổng số tiền vay: 600.000.000 đồng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay tối đa: 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (27/12/2013, lãi suất theo hợp đồng là 13,9%/năm, được cố định trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu và sẽ được điều chỉnh từ tháng thứ 4 trở đi.

(i.6) Vay Ngân hàng HD Bank Tỉnh Đắk Lắk theo Hợp đồng tín dụng số 0282/13/HĐTD-TH ngày 25/10/2013 với hạn mức vay là 600.000.000 đồng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, lãi suất áp dụng theo lãi suất điều chỉnh, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu, mục đích sử dụng tiền vay: thanh toán mua xe ô tô xe Toyota Fortuner 2.5G.

(i.7) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quốc dân – Sở Giao dịch:

- Hợp đồng tín dụng số 079/14/HĐTD/101-63 ngày 08/10/2014 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay là 780.000.000 đồng, lãi suất vay kể từ ngày giải ngân đầu tiên là

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9,5%/năm. Trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng, lãi vay sẽ được thay đổi trong các trường hợp sau: sau mỗi 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; hoặc khi có sự thay đổi các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lãi suất vay mà các thay đổi đó làm cho lãi suất vay tăng lên. Mục đích sử dụng tiền vay là để mua xe ô tô Toyota Fortuner V 7 chỗ mới 100%. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 015/15/HĐTD/101-63 ngày 05/02/2015 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay là 500.000.000 đồng, lãi suất vay kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng tiền vay là để mua xe ô tô Ford Ranger XLT 05 chỗ mới 100%. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 096/15/HĐTD/101-63 ngày 22/06/2015 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay là 500.000.000 đồng, lãi suất vay kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng tiền vay là để mua xe ô tô Ford Ranger XLT 05 chỗ mới 100%. Tài sản thế chấp là tài sản được hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 080/HĐTD/101-63 ngày 08/10/2014 với thời hạn vay là 6 năm kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên (08/10/2014). Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 9,5%/năm và sau đó được điều chỉnh sau mỗi 12 tháng kể từ ngày giải ngân và sau đó được điều chỉnh sau mỗi 12 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên hoặc khi có thay đổi các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lãi suất vay tăng lên. Mục đích sử dụng tiền vay là để mua xe ô tô Toyota Camry 2.5G 5 chỗ, mới 100%. Tài sản thế chấp là tài sản được hình thành trong tương lai từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 051/14/HĐTD/ 101-63 ngày 20/8/2014 với thời hạn vay tối đa là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 20/08/2014), lãi suất vay kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 9,5%/năm, được thay đổi sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên hoặc khi có sự thay đổi các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lãi suất vay mà các thay đổi đó làm cho lãi suất vay (có thể được áp dụng theo quy định của pháp luật) tăng lên. Mục đích sử dụng tiền vay là để mua ô tô 4 chỗ Land Rover. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay.

27. Trái phiếu phát hành
a. Trái phiếu thường

| | 31/12/2015 | | | | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------|
| | Giá gốc trái phiếu | Tổng chi phí phát hành | Chi phí phát hành phân bổ trong kỳ | Giá trị trái phiếu cuối kỳ | Lãi suất |
| Loại phát hành theo mệnh giá | | | | | |
| - Trái phiếu kỳ hạn 5 năm | 366.000.000.000 | 6.491.086.494 | 1.298.217.299 | 360.807.130.805 | 11%/năm kỳ đầu và thà nổi từ kỳ thứ 2 |
| - Trái phiếu kỳ hạn 3 năm | 134.000.000.000 | 2.376.518.006 | 792.172.669 | 132.415.654.663 | 11%/năm kỳ đầu và thà nổi từ kỳ thứ 2 |
| - Trái phiếu phải trả do không chuyển đổi từ đợt phát hành 01/04/2011 | 379.600.000 | - | - | 379.600.000 | 13%/năm |
| Cộng | 500.379.600.000 | 8.867.604.500 | 2.090.389.968 | 493.602.385.468 | |

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LẠI
Đặng Trần Côn, Phường Trà Bã, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Trái phiếu chuyển đổi

| | Thời điểm phát hành | Kỳ hạn còn lại | Số lượng | Mệnh giá | Lãi suất danh nghĩa | Tỷ lệ chuyển đổi | Lãi suất chiết khấu | Nợ gốc tại thời điểm phát hành | Tổng chi phí phát hành | Phân bổ chi phí phát hành và lãi trái phiếu | Giá trị phần nợ gốc | Phần quyền chọn |
|---|---------------------|----------------|-----------|----------|---------------------|------------------|---------------------|--------------------------------|------------------------|---|---------------------|-----------------|
| Đầu kỳ | | | | | | | | | | | | |
| Trái phiếu chuyển đổi | | | | | | | | | | | | |
| Phát hành thêm trong kỳ | | | | | | | | | | | | |
| Trái phiếu chuyển đổi | 10/04/15 | 24 tháng | 5.000.000 | 100.000 | 0% | 1 : 8,333 | 11% | 405.811.216.622 | 100.000.000 | 32.399.555.636 | 438.110.772.258 | 94.188.783.378 |
| Chuyển thành cổ phiếu trong kỳ | | | | | | | | | | | | |
| Trái phiếu chuyển đổi | | | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Đã đáo hạn, không chuyển thành cổ phiếu trong kỳ | | | | | | | | | | | | |
| Trái phiếu chuyển đổi | | | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Cuối kỳ | | | | | | | | | | | | |
| Trái phiếu chuyển đổi | 10/04/15 | 24 tháng | 5.000.000 | 100.000 | 0% | 1 : 8,333 | 11% | 405.811.216.622 | 100.000.000 | 32.399.555.636 | 438.110.772.258 | 94.188.783.378 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)
28. Dự phòng phải trả dài hạn

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|-------------------------|-----------------------|------------|
| Dự phòng tái cơ cấu (*) | 26.920.520.535 | - |
| Cộng | 26.920.520.535 | - |

(*) Đây là khoản dự phòng phát sinh tại Công ty con (Công ty TNHH Mass Noble Investments). Sau khi Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai kết thúc việc mua lại Công ty TNHH Mass Noble Investments, việc tái cơ cấu doanh nghiệp đã được thống nhất thực hiện nhằm sắp xếp hợp lý các dây chuyền lắp ráp và tổ chức lại doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả và năng suất hoạt động, từ đó tăng giá trị lợi ích cho các cổ đông trong vòng 12 - 24 tháng tới.

Kế hoạch tái cơ cấu tổng thể chủ yếu bao gồm các phần chính:

- Giai đoạn 1: Tổ chức lại dây chuyền sản xuất bằng cách sắp xếp công việc hợp lý để tăng cường hoạt động tự động hóa bằng cách giảm thiểu các nhân viên nhà máy tạm thời hoặc nhân viên nhân rỗi;
- Giai đoạn 2: Tái cơ cấu tổ chức và chức năng của các bộ phận, chẳng hạn như đóng cửa bộ phận Nghiên cứu và Phát triển và chuyển đến Việt Nam;
- Giai đoạn 3: Tăng năng suất tự động và phân bổ lại các lực lượng lao động cấp cao cho Việt Nam. Do đó, một số nhân viên dự kiến sẽ được phân bổ lại công việc hoặc cho thôi việc.

Ban Giám đốc của Công ty đã ước tính chi phí dự kiến cho kế hoạch tái cơ cấu doanh nghiệp, bao gồm việc cắt giảm nhân viên và bồi thường cho nhân viên thôi việc. Dự phòng dài hạn cho tái cơ cấu được trích lập tại ngày 15/07/2015.

Tại ngày 31/12/2015, Công ty đã đánh giá lại khoản dự phòng dài hạn, dựa trên điều kiện và tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty. Một số điều chỉnh đã được tính đến khi Công ty có các đơn hàng ổn định và ngày càng tăng từ các khách hàng. Quy mô của kế hoạch tái cơ cấu dự kiến sẽ được giảm xuống mức độ khả thi nhằm duy trì chất lượng và hiệu quả hoạt động của nó, chẳng hạn như, giảm bớt số lượng nhân viên sa thải.

Vì vậy, Ban Giám đốc của Mass Noble giảm chi phí tái cơ cấu ước tính xuống khoảng 40% tại ngày 31/12/2015. Tại ngày 31/12/2015, khoản dự phòng dài hạn với số tiền 6,6 triệu HKD đã được hoàn nhập.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
02 Đường Trần Côn, Phường Trà Bá, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quyền chọn c.đối trái phiếu | Vốn khác của chủ sở hữu | CL tỷ giá hối đoái | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | LN sau thuế chưa phân phối |
|----------------------|------------------------------|-------------------------|--------------------------------|----------------------------|-----------------------|--------------------------|---------------------------|-------------------------------|
| Số dư tại 01/01/2014 | 697.448.980.000 | 49.922.262.000 | - | - | - | 13.778.680.446 | 4.329.972.378 | 43.001.361.482 |
| Tăng trong kỳ | 795.086.100.000 | - | - | - | - | - | - | 54.023.571.963 |
| Giảm trong kỳ | - | 49.103.180.000 | - | - | - | 6.974.110.000 | - | 42.859.183.520 |
| Số dư tại 31/12/2014 | 1.492.535.080.000 | 819.082.000 | - | - | - | 6.804.570.446 | 4.329.972.378 | 54.165.749.925 |
| Chuyển số dư (*) | | | | | | 4.329.972.378 | (4.329.972.378) | |
| Số dư tại 01/01/2015 | 1.492.535.080.000 | 819.082.000 | - | - | - | 11.134.542.824 | - | 54.165.749.925 |
| Tăng trong kỳ | 199.326.090.000 | 49.831.522.500 | 94.188.783.378 | 8.977.680.000 | 10.031.813.727 | - | - | 82.680.971.121 |
| Giảm trong kỳ | - | 722.500.000 | - | - | - | - | - | 3.366.644.162 |
| Số dư tại 31/12/2015 | 1.691.861.170.000 | 49.928.104.500 | 94.188.783.378 | 8.977.680.000 | 10.031.813.727 | 11.134.542.824 | - | 133.480.076.884 |

(*) Chuyển số dư Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển theo qui định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|------------------------------------|-------------------|-------------------|
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| - Vốn góp đầu kỳ | 1.492.535.080.000 | 697.448.980.000 |
| - Vốn góp tăng trong kỳ | 199.326.090.000 | 795.086.100.000 |
| - Vốn góp giảm trong kỳ | - | - |
| - Vốn góp cuối kỳ | 1.691.861.170.000 | 1.492.535.080.000 |
| Cổ tức đã chia | - | - |

c. Cổ phiếu

| | 31/12/2015 Cổ phiếu | 01/01/2015 Cổ phiếu |
|---|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 169.186.117 | 149.253.508 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 169.186.117 | 149.253.508 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 169.186.117 | 149.253.508 |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | - | - |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | - | - |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 169.186.117 | 149.253.508 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 169.186.117 | 149.253.508 |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i> | - | - |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND | | |

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|--|------------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận năm trước chuyển sang | 54.165.749.925 | 43.001.361.482 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 82.680.971.121 | 52.796.969.817 |
| Các khoản tăng/giảm lợi nhuận sau thuế | (3.366.644.162) | 1.226.602.146 |
| Phân phối lợi nhuận năm trước | - | 42.859.183.520 |
| - <i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i> | - | 1.014.973.520 |
| - <i>Trả cổ tức bằng cổ phiếu</i> | - | 41.844.210.000 |
| Tạm phân phối lợi nhuận năm nay | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ | 133.480.076.884 | 54.165.749.925 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

| CHỈ TIÊU | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|-------------------|-------------------|-------------------|
| Ngoại tệ các loại | | |
| - USD | 190.938,27 | 2.724,07 |
| - EUR | 1.828 | - |
| - RMB | 983.931 | - |

31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán hàng | 1.528.745.361.421 | 933.605.039.609 |
| - Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm | 718.768.189.452 | 374.494.330.069 |
| - Doanh thu trạm thu phí | 37.079.922.728 | - |
| - Doanh thu bán gỗ, sản phẩm từ gỗ | 104.907.782.055 | 323.447.420.562 |
| - Doanh thu bán phân bón | 278.590.832.931 | 155.677.219.999 |
| - Doanh thu bán căn hộ | | 9.065.000.000 |
| - Doanh thu bán đá | 79.030.679.021 | 9.162.518.979 |
| - Doanh thu sản phẩm nông nghiệp | 310.367.955.234 | 61.758.550.000 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 56.695.835.534 | 50.312.431.622 |
| - Doanh thu cho thuê tài sản | 7.576.339.395 | 4.989.120.933 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 28.231.434.463 | 22.025.518.988 |
| - Doanh thu dịch vụ bến xe và xe buýt | 20.888.061.676 | 23.297.791.701 |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng | 59.643.772.728 | 21.891.732.335 |
| - Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ | 59.643.772.728 | 21.891.732.335 |
| Cộng | 1.645.084.969.683 | 1.005.809.203.566 |

32. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|-----------------------|----------------------|-----------------|
| Chiết khấu thương mại | 1.463.433.344 | - |
| Giảm giá hàng bán | 5.906.446.064 | - |
| Cộng | 7.369.879.408 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Giá vốn hàng bán

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|-------------------------------------|--------------------------|------------------------|
| Giá vốn bán hàng | 1.386.920.241.166 | 844.281.272.812 |
| - Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm | 631.301.355.124 | 352.580.492.342 |
| - Giá vốn trạm thu phí | 20.808.715.965 | - |
| - Giá vốn bán gỗ, sản phẩm từ gỗ | 98.485.794.229 | 300.568.115.999 |
| - Giá vốn bán phân bón | 275.138.338.021 | 149.914.775.320 |
| - Giá vốn bán căn hộ | - | 13.779.776.180 |
| - Giá vốn bán đá | 72.724.820.993 | 8.268.071.049 |
| - Giá vốn sản phẩm nông nghiệp | 288.461.216.834 | 19.170.041.922 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ | 38.646.999.719 | 35.640.354.936 |
| - Giá vốn cho thuê tài sản | 6.311.887.162 | 2.531.900.004 |
| - Giá vốn cung cấp dịch vụ | 21.684.340.568 | 16.031.947.358 |
| - Giá vốn dịch vụ bến xe và xe buýt | 10.650.771.989 | 17.076.507.574 |
| Giá vốn công trình xây dựng | 54.453.058.158 | 20.104.994.606 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 1.028.466.072 | - |
| Cộng | 1.481.048.765.115 | 900.026.622.354 |

34. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|---|------------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 80.512.956.065 | 57.412.376.777 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 177.660.000 | 3.951.756.853 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán | 122.082.976 | 27.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ | 1.135.421 | 6.234.704 |
| Lãi do thanh lý khoản đầu tư | 23.679.622.606 | 19.324.980.448 |
| Cộng | 104.493.457.068 | 80.695.375.782 |

35. Chi phí tài chính

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí lãi vay | 76.133.805.207 | 101.318.290.886 |
| Lãi trái phiếu | 83.946.777.858 | - |
| Dự phòng tổn thất đầu tư | (2.803.458.944) | 1.939.450.075 |
| Lỗ do thanh lý khoản đầu tư tài chính | 51.611.086 | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán | - | 300.400 |
| Chi phí tài chính khác | - | 25.272.909 |
| Phí phát hành trái phiếu | 2.126.501.079 | - |
| Cộng | 159.455.236.286 | 103.283.314.270 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|----------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Chi phí hoa hồng | 3.124.242.260 | 697.758.248 |
| Chi phí nhân công | 793.075.585 | 711.808.322 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 142.517.884 | 129.904.142 |
| Chi phí vận chuyển | 6.495.626.956 | - |
| Các khoản khác | 3.965.637.366 | 855.296.636 |
| Cộng | 14.521.100.051 | 2.394.767.348 |

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân công | 26.219.832.557 | 11.163.515.182 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 5.235.533.819 | 2.335.904.792 |
| Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi | 2.291.754.824 | 3.334.623.219 |
| Phân bổ lợi thế thương mại | 13.809.124.552 | - |
| Hoàn nhập chi phí | (8.178.766.720) | - |
| Các khoản khác | 24.808.551.189 | 16.488.549.377 |
| Cộng | 64.186.030.221 | 33.322.592.570 |

37. Thu nhập khác

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|---|-----------------------|----------------------|
| Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho thuê mặt bằng | - | 218.181.818 |
| Lãi từ giao dịch mua rẻ công ty con | 63.650.351.496 | - |
| Lãi trái tức từ các năm trước không phải trả | - | 6.862.635.650 |
| Tiền phạt thu được | 200.000.000 | - |
| Bán lịch | 9.189.091 | - |
| Các khoản thu nhập khác | 170.304.747 | 91.397.785 |
| Cộng | 64.029.845.334 | 7.172.215.253 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

38. Chi phí khác

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí tiền phạt, truy thu thuế | 217.060.222 | 408.293.749 |
| Chi phí thanh lý tài sản cố định | 220.862.749 | 75.553.237 |
| Chi phí không hợp lý, hợp lệ | 2.223.999.152 | 921.809.953 |
| Chi phí khác | 1.760.426.438 | 586.188.279 |
| Cộng | 4.422.348.561 | 1.991.845.218 |

39. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|---|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 82.809.404.620 | 52.609.492.314 |
| - Lợi nhuận từ hoạt động bất động sản | - | (4.714.776.180) |
| - Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh | 82.809.404.620 | 57.324.268.494 |
| Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế | (11.953.975.731) | 12.561.004.239 |
| Điều chỉnh tăng các khoản thu nhập chịu thuế | 75.969.794.779 | 23.125.535.553 |
| - Các khoản phạt thuế và nộp phạt khác | 1.215.072.651 | 824.208.545 |
| - Các khoản không tính vào chi phí khác | 4.977.106.770 | 2.432.635.983 |
| - Chi phí lãi vay do chưa góp đủ vốn điều lệ | - | 93.927.371 |
| - Lãi/lỗ tại các công ty liên kết | (204.492.177) | 48.160.527 |
| - Lỗ tại các công ty con | 13.288.346.845 | 2.940.688.108 |
| - Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện | 56.693.760.690 | 16.785.915.019 |
| Điều chỉnh giảm | 87.923.770.510 | 10.564.531.314 |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia | 177.660.000 | 3.951.756.853 |
| - Lãi CLTG chưa thực hiện | 1.135.421 | 6.234.704 |
| - Lãi nội bộ đã thực hiện | - | 159.950.125 |
| - Điều chỉnh dự phòng đã trích lập | 8.385.590.328 | (13.134.217.732) |
| - Lãi do thoái vốn | 118.121.520 | 19.324.980.448 |
| - Điều chỉnh KH TSCĐ xây dựng nội bộ | 629.916.955 | - |
| - Chuyển lỗ của các công ty con | 735.794.896 | 255.826.916 |
| - Lãi từ giao dịch mua rẻ công ty con | 63.650.351.496 | - |
| - Giảm khác | 14.225.199.894 | - |
| Tổng thu nhập chịu thuế | 70.855.428.889 | 65.170.496.553 |
| - Thu nhập từ hoạt động bất động sản | - | (4.714.776.180) |
| - Thu nhập từ hoạt động miễn thuế | 20.052.146.693 | 42.124.327.761 |
| - Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh (20%) | 2.157.434.584 | 5.813.887.145 |
| - Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh (22%) | 48.645.847.612 | 21.947.057.827 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 7.073.815.733 | 5.002.675.960 |
| Trong đó: | | |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay (t/suất 20%) | 431.486.917 | 1.162.777.427 |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay (t/suất 22%) | 10.702.086.475 | 3.791.101.963 |
| - Chi phí thuế TNDN truy thu năm trước | 29.752.069 | 48.796.570 |
| - Chi phí thuế TNDN được giảm của Mass Noble | (4.089.509.728) | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

40. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|---|----------------|----------------|
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ | 82.680.971.121 | 52.796.969.817 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế | - | - |
| - Điều chỉnh tăng | - | - |
| - Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi) | - | - |
| LN hoặc lỗ p.bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 82.680.971.121 | 52.796.969.817 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ | 158.482.579 | 99.099.774 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 522 | 533 |

41. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 276.105.300.986 | 28.655.458.472 |
| Chi phí nhân công | 167.329.641.572 | 41.551.189.978 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 45.374.998.120 | 11.006.030.027 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 93.429.604.851 | 65.568.878.255 |
| Chi phí khác bằng tiền | 28.010.659.799 | 8.559.814.557 |
| Cộng | 610.250.205.328 | 155.341.371.289 |

42. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Tập đoàn xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do phát sinh các giao dịch mua, bán hàng có gốc ngoại tệ, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|---------------------------|------------|------------|
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền | | |
| - USD | 190.938 | 2.724 |
| - EUR | 1.828 | - |
| - RMB | 983.931 | - |
| Phải thu khách hàng (USD) | 53.600,81 | 53.600,81 |

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn phát sinh chủ yếu từ các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Tập đoàn ở mức có thể kiểm soát được.

Quản lý rủi ro về giá

Tập đoàn thực hiện chính sách đa dạng hóa nguồn cung cấp nguyên vật liệu, hàng hóa bằng cách thiết lập mối quan hệ với nhiều nhà cung cấp, nhằm tìm kiếm các đối tác có giá bán phù hợp nhất. Bên cạnh đó, Tập đoàn vẫn thường xuyên duy trì mối quan hệ đối với các nhà cung cấp truyền thống, có uy tín trên thị trường, đảm bảo tính ổn định cho đầu vào của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Cụ thể, rủi ro đối với các khoản phải thu từ hoạt động xây lắp, công trình BOT là tương đối cao do chịu ảnh hưởng chung từ khó khăn hiện nay của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản; rủi ro đối với các khoản phải thu từ mua bán hàng hóa với các khách hàng thường xuyên ở mức kiểm soát được. Để quản lý rủi ro này Tập đoàn luôn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng nhằm có biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng ở mức thấp nhất.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn theo thời hạn thanh toán như sau:

| 31/12/2015 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Phải trả người bán | 609.145.972.928 | - | 609.145.972.928 |
| Chi phí phải trả | 44.274.125.874 | - | 44.274.125.874 |
| Vay và nợ thuê tài chính | 317.745.315.095 | 2.915.632.941.375 | 3.233.378.256.470 |
| Phải trả khác | 112.450.856.914 | 74.595.230.845 | 187.046.087.759 |
| Cộng | 1.083.616.270.811 | 2.990.228.172.220 | 4.073.844.443.031 |

| 01/01/2015 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
|--------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Phải trả người bán | 205.487.084.131 | - | 205.487.084.131 |
| Chi phí phải trả | 21.877.644.412 | - | 21.877.644.412 |
| Vay và nợ thuê tài chính | 251.931.779.860 | 1.790.554.533.424 | 2.042.486.313.284 |
| Phải trả khác | 121.519.071.211 | - | 121.519.071.211 |
| Cộng | 600.815.579.614 | 1.790.554.533.424 | 2.391.370.113.038 |

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn không có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Tập đoàn được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

| 31/12/2015 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Đơn vị tính: VND Tổng |
|------------------------------------|--------------------------|------------------------|--|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 220.107.949.123 | - | 220.107.949.123 |
| Đầu tư tài chính | 264.000.000.000 | 13.486.261.636 | 277.486.261.636 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 573.264.666.667 | 1.400.000.000 | 574.664.666.667 |
| Phải thu khách hàng | 415.224.159.179 | - | 415.224.159.179 |
| Phải thu về cho vay | 699.209.157.372 | 157.343.713.318 | 856.552.870.690 |
| Phải thu khác | 96.224.325.929 | 25.364.989.405 | 121.589.315.334 |
| Cộng | 2.268.030.258.270 | 197.594.964.359 | 2.465.625.222.629 |

| 01/01/2015 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
|------------------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 106.621.225.448 | - | 106.621.225.448 |
| Đầu tư tài chính | - | 56.949.102.692 | 56.949.102.692 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 340.000.000.000 | 4.400.000.000 | 344.400.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 242.687.327.881 | - | 242.687.327.881 |
| Phải thu về cho vay | 496.590.171.148 | 219.267.747.218 | 715.857.918.366 |
| Phải thu khác | 67.826.019.914 | 393.000.000 | 68.219.019.914 |
| Cộng | 1.253.724.744.391 | 281.009.849.910 | 1.534.734.594.301 |

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LẠI
02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bã, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

43. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ mà Công ty đang kinh doanh. Do đó, Công ty trình bày Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận phân biệt theo lĩnh vực kinh doanh:

Báo cáo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

| Chỉ tiêu | Bán hàng hóa, thành phẩm | Bán gỗ, Sản phẩm từ gỗ, cao su, NN | Kinh doanh phân bón | Công trình xây dựng và trạm thu phí | Dịch vụ bến xe và xe buýt | Hoạt động khai thác đá | Dịch vụ khác cho thuê TS, khách sạn... | Tổng cộng |
|---|--------------------------|------------------------------------|---------------------|-------------------------------------|---------------------------|------------------------|--|--------------------------|
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngo | 711.398.310.044 | 415.275.737.289 | 278.590.832.931 | 96.723.695.456 | 20.888.061.676 | 79.030.679.021 | 35.807.773.858 | 1.637.715.090.275 |
| Giá vốn của bộ phận | 632.329.821.196 | 386.947.011.063 | 275.138.338.021 | 75.261.774.123 | 10.650.771.989 | 72.724.820.993 | 27.996.227.730 | 1.481.048.765.115 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 79.068.488.848 | 28.328.726.226 | 3.452.494.910 | 21.461.921.333 | 10.237.289.687 | 6.305.858.028 | 7.811.546.128 | 156.666.325.160 |
| Tài sản bộ phận tại ngày 31/12/2015 | 876.815.851.279 | 2.452.449.491.686 | 53.940.931.185 | 2.906.077.515.930 | 43.429.333.896 | 40.746.344.860 | 362.785.577.651 | 6.736.245.046.487 |
| Tài sản không phân bổ | | | | | | | | 79.362.441.187 |
| Tổng tài sản | | | | | | | | 6.815.607.487.674 |
| Nợ phải trả bộ phận tại ngày 31/12/2015 | 435.535.828.280 | 1.749.567.422.836 | 31.458.682.730 | 2.356.357.883.861 | 4.326.864.238 | - | 70.000.616.250 | 4.647.247.298.195 |
| Nợ phải trả không phân bổ | | | | | | | | 11.920.102.227 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | | | | 4.659.167.400.422 |
| Khấu hao và chi phí phân bổ | 11.514.546.679 | 5.111.268.807 | 377.570.557 | 21.511.479.884 | 5.048.051.809 | 761.015.412 | 5.517.019.616 | 49.840.952.764 |
| - Khấu hao | 11.332.132.747 | 4.617.099.034 | 377.570.557 | 21.125.647.022 | 3.937.456.263 | 678.393.630 | 5.169.444.710 | 47.237.743.963 |
| - Chi phí phân bổ 142,242 | 182.413.932 | 494.169.773 | - | 385.832.862 | 1.110.595.546 | 82.621.782 | 347.574.906 | 2.603.208.801 |

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Báo cáo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

| Chi tiêu | Theo lĩnh vực kinh doanh | | | | | | Đơn vị tính: VND | |
|--|--------------------------|------------------------------------|---------------------|---------------------|---------------------------|------------------------|------------------|--|
| | Bán hàng hóa, thành phẩm | Bán gỗ, sản phẩm từ gỗ, cao su, NN | Kinh doanh phân bón | Công trình xây dựng | Dịch vụ bến xe và xe buýt | Hoạt động khai thác đá | | Dịch vụ khác (cho thuê TS, khách sạn...) |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài | 385.947.886.639 | 385.205.970.562 | 155.677.219.999 | 21.891.732.335 | 23.297.791.701 | 6.773.962.409 | 27.014.639.921 | 1.005.809.203.566 |
| Giá vốn của bộ phận | 368.525.017.547 | 319.738.157.921 | 149.914.775.320 | 20.104.994.606 | 17.076.507.574 | 6.103.322.024 | 18.563.847.362 | 900.026.622.354 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 17.422.869.092 | 65.467.812.641 | 5.762.444.679 | 1.786.737.729 | 6.221.284.127 | 670.640.385 | 8.450.792.559 | 105.782.581.212 |
| Tài sản bộ phận tại ngày 31/12/2014 | 96.265.621.196 | 2.024.606.858.037 | 74.736.305.811 | 1.604.213.203.486 | 44.044.924.689 | 47.357.240.974 | 174.621.482.695 | 4.065.845.636.888 |
| Tài sản không phân bổ | | | | | | | | 40.818.668.425 |
| Tổng tài sản | | | | | | | | 4.106.664.305.313 |
| Nợ phải trả bộ phận tại ngày 31/12/2014 | 22.031.818.480 | 1.304.870.274.095 | 756.199.185 | 1.022.233.158.960 | 11.118.345.430 | - | 65.339.871.595 | 2.426.349.667.745 |
| Nợ phải trả không phân bổ | | | | | | | | 13.209.966.399 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | | | | 2.439.559.634.144 |
| Khấu hao và chi phí phân bổ | 88.707.880 | 2.809.472.128 | - | 955.669.643 | 964.910.981 | - | 1.798.968.527 | 6.617.729.159 |
| - Khấu hao | 88.707.880 | 2.682.860.923 | - | 555.086.322 | 964.910.981 | - | 1.534.310.012 | 5.825.876.118 |
| - Chi phí phân bổ 142, 242 | - | 126.611.205 | - | 400.583.321 | - | - | 264.658.515 | 791.853.041 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
Số 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

44. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

| Tên Công ty | Mối quan hệ |
|--|--|
| Công ty TNHH Đức Long Dung Quất | Chung cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể |
| Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên | Công ty liên kết |
| Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai | Công ty liên kết |
| Công ty CP Đức Long Tây Nguyên | Công ty liên kết |
| Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn | Công ty nhận đầu tư |
| Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên | Công ty nhận đầu tư |
| Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang Gia Lai | Công ty nhận đầu tư |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai | Công ty nhận đầu tư |
| Công ty CP Đầu tư và KD Bất động sản Đức Long Gia Lai | Công ty nhận đầu tư |
| Công ty CP Dịch vụ công cộng Đức Long Bảo Lộc | Công ty nhận đầu tư |
| Công ty CP Bamboo Capital | Chung TV HĐQT |

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|---|------------------------|------------------------|
| Doanh thu cho thuê tài sản | 4.038.639.138 | 4.895.523.708 |
| Công ty CP TNHH KT Khoáng sản Đức Sang Gia Lai | 41.448.762 | 898.333.332 |
| Công ty CP DV CTCC Đức Long Bảo Lộc | 3.997.190.376 | 3.997.190.376 |
| Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa | 403.272.471.400 | 422.815.044.064 |
| Công ty TNHH Cung ứng VT NL Tây Nguyên | 397.932.471.400 | 412.875.180.124 |
| Công ty TNHH KT Khoáng sản Đức Sang Gia Lai | 5.340.000.000 | 475.059.564 |
| Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên | - | 9.464.804.376 |
| Doanh thu xây dựng | 16.496.011.818 | - |
| Công ty CP Đầu tư & PT Điện năng Đức Long Gia Lai | 16.496.011.818 | - |
| Cộng | 423.807.122.356 | 427.710.567.772 |

| Nội dung | Năm 2015 | Năm 2014 |
|---|------------------------------------|----------------|
| Mua hàng, nhận dịch vụ | | |
| Công ty TNHH Cung ứng Vật tư NL Tây Nguyên | Mua đá các loại 8.627.000.000 | 6.493.335.600 |
| | Mua phân bón 98.367.411.000 | |
| Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên | Thi công công trình 10.545.454.546 | 17.688.216.212 |
| Công ty TNHH KT Khoáng sản Đức Sang Gia Lai | Thi công nhà máy 1.411.828.182 | 21.134.600.693 |
| | Mua đá các loại 10.243.841.715 | 2.777.275.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
Số 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

| | | Nội dung | Năm 2015 | Năm 2014 |
|---|----------------------------------|-----------------|----------------|----------|
| Các giao dịch khác | | | | |
| Công ty TNHH KT Khoáng sản Đức Sang Gia Lai | Thu lãi vay | - | 1.773.713.334 | |
| Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên | Thu lãi vay | - | 4.377.835.724 | |
| Công ty TNHH Đức Long Dung Quất | Cho vay dài hạn | 23.801.911.800 | 13.926.741.346 | |
| | Thu lãi vay | 7.630.118.110 | 6.752.752.348 | |
| Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai | Cổ tức được nhận | 177.660.000 | 189.504.000 | |
| Công ty CP DV BV Tây Bình Tây Sơn | Cổ tức được nhận | - | 475.012.500 | |
| Công ty CP Bamboo Capital | Giá trị chuyển nhượng vốn đầu tư | 101.876.190.000 | - | |
| | Lãi cho vay | 486.426.667 | - | |

45. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

46. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với các quy định về lập báo cáo tài chính tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

| Bảng cân đối kế toán | Số liệu tại ngày 01/01/2015 | | Số liệu tại ngày 31/12/2014 | | Chênh lệch | Ghi chú |
|-----------------------------------|-----------------------------|-------------------|-----------------------------|-------------------|-------------------|----------|
| | Mã số | Số tiền | Mã số | Số tiền | | |
| Đầu tư ngắn hạn | | - | 121 | 793.657.261.554 | (793.657.261.554) | (1) |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 340.000.000.000 | | | 340.000.000.000 | (1) |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 496.620.171.148 | | | 496.620.171.148 | (1), (2) |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 203.252.605.452 | 135 | 210.817.446.916 | (7.564.841.464) | (2) |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | 9.202.813 | 158 | | 9.202.813 | (3) |
| Tài sản ngắn hạn khác | | | 158 | 35.407.270.943 | (35.407.270.943) | (2), (3) |
| Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | 219.267.747.218 | | | 219.267.747.218 | (4) |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | 393.000.000 | 268 | | 393.000.000 | (5) |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 62.017.800.000 | | | 62.017.800.000 | (4) |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | 4.400.000.000 | | | 4.400.000.000 | (4) |
| Đầu tư dài hạn khác | | | 258 | 285.685.547.218 | (285.685.547.218) | (4) |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 4.076.567.242 | 261 | 9.064.067.242 | (4.987.500.000) | (6) |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | | 268 | 393.000.000 | (393.000.000) | (5) |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 127.328.029 | | | 127.328.029 | (7) |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 122.573.876.554 | 319 | 225.763.918.096 | (103.190.041.542) | (8) |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 251.931.779.860 | 311 | 148.741.738.318 | 103.190.041.542 | (8) |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 1.790.554.533.424 | 334 | 1.795.542.033.424 | (4.987.500.000) | (6) |
| Doanh thu chưa thực hiện | | | 338 | 127.328.029 | (127.328.029) | (7) |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 11.134.542.824 | 417 | 6.804.570.446 | 4.329.972.378 | (9) |
| Quỹ dự phòng tài chính | | | 418 | 4.329.972.378 | (4.329.972.378) | (9) |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
Số 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

| Báo cáo kết quả HKKD | Năm 2014 (Trình bày lại) | | | Năm 2014 | Chênh lệch | Ghi chú |
|----------------------|--------------------------|---------------|-------|---------------|--------------|---------|
| | Mã số | Số tiền | Mã số | Số tiền | | |
| Thu nhập khác | 31 | 7.172.215.253 | 31 | 7.194.942.526 | (22.727.273) | (10) |
| Chi phí khác | 32 | 1.991.845.218 | 31 | 2.014.572.491 | (22.727.273) | (10) |

- (1) Chỉ tiêu “Đầu tư ngắn hạn” tại 31/12/2014 giảm 793.657.261.554 đồng là do:
 - Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (340.000.000.000 đồng) được chuyển sang trình bày tại khoản mục “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn” (MS123).
 - Tiền cho vay có kỳ hạn thu hồi không quá 12 tháng (453.657.261.554 đồng) được chuyển sang trình bày tại khoản mục “Phải thu về cho vay ngắn hạn” (MS135).
- (2) Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” giảm 7.564.841.464 đồng là do:
 - Giảm 42.962.909.594 đồng tiền cho mượn chuyển sang tăng khoản mục “Phải thu về cho vay ngắn hạn” (MS135).
 - Tăng 35.398.068.130 đồng do chuyển số dư nợ Tạm ứng tại chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” sang.
- (3) Chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” giảm 35.407.270.943 đồng là do:
 - Giảm 35.398.068.130 đồng do chuyển số dư nợ Tạm ứng như trình bày tại mục (2).
 - Giảm 9.202.813 đồng do chuyển số dư Tài sản thiếu chờ xử lý sang chỉ tiêu “Tài sản thiếu chờ xử lý” (MS 139).
- (4) Chỉ tiêu “Đầu tư dài hạn khác” tại 31/12/2014 giảm 285.685.547.218 đồng là do:
 - Chuyển tăng chỉ tiêu “Phải thu về cho vay dài hạn”, số tiền: 219.267.747.218 đồng do đây là khoản tiền cho vay dài hạn trên 12 tháng.
 - Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác với quyền biểu quyết dưới 20% là 62.017.800.000 đồng được chuyển tăng chỉ tiêu “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác”.
 - Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng (4.400.000.000 đồng) chuyển tăng khoản mục “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn” dài hạn.
- (5) Chỉ tiêu “Tài sản dài hạn khác” giảm 393.000.000 đồng là do chuyển số dư ký quỹ dài hạn sang trình bày tại chỉ tiêu “Phải thu dài hạn khác”.
- (6) Chỉ tiêu “Chi phí trả trước dài hạn” giảm 4.987.500.000 đồng, đồng thời chỉ tiêu “Vay và nợ thuê tài chính dài hạn” tăng cùng một lượng là do điều chỉnh cách hạch toán chi phí phát hành trái phiếu theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Theo đó, chi phí này được ghi giảm vào cầu phần nợ của trái phiếu phát hành, trong khi đó theo quy định cũ thì chi phí này được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ theo thời hạn phát hành trái phiếu.
- (7) Chỉ tiêu “Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn” tại 01/01/2015 tăng 61.363.634 đồng, chỉ tiêu “Doanh thu chưa thực hiện” tại 31/12/2014 giảm cùng một lượng là do trình bày lại các khoản doanh thu chưa thực hiện với thời hạn không quá 12 tháng mà Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC không phân loại thành ngắn hạn.
- (8) Chỉ tiêu “Phải trả ngắn hạn khác” giảm 103.190.041.542 đồng là do các khoản mượn bằng tiền được trình bày lại tại chỉ tiêu “Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn” (MS 320).
- (9) Theo quy định hiện hành sẽ không còn chỉ tiêu “Quỹ dự phòng tài chính”, chuyển số dư quỹ này tại 31/12/2014 để tăng “Quỹ đầu tư phát triển”, số tiền: 4.329.972.378 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
Số 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(10) Giảm thu nhập khác và chi phí khác cùng một lượng 22.727.273 đồng do bù trừ thu nhập và chi phí thanh lý tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC .



Tổng Giám đốc

Phạm Anh Hùng

Gia Lai, ngày 20 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hải

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Thủy

Toàn văn báo cáo tài chính kiểm toán riêng lẻ và hợp nhất 2015 được đăng tải ở website của Công ty:

<http://www.duclonggroup.com/quan-he-co-dong/>



Xác nhận của tổ chức phát hành
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM ANH HÙNG